

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH XÃ HỘI HỌC
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nghệ An, 11/2021



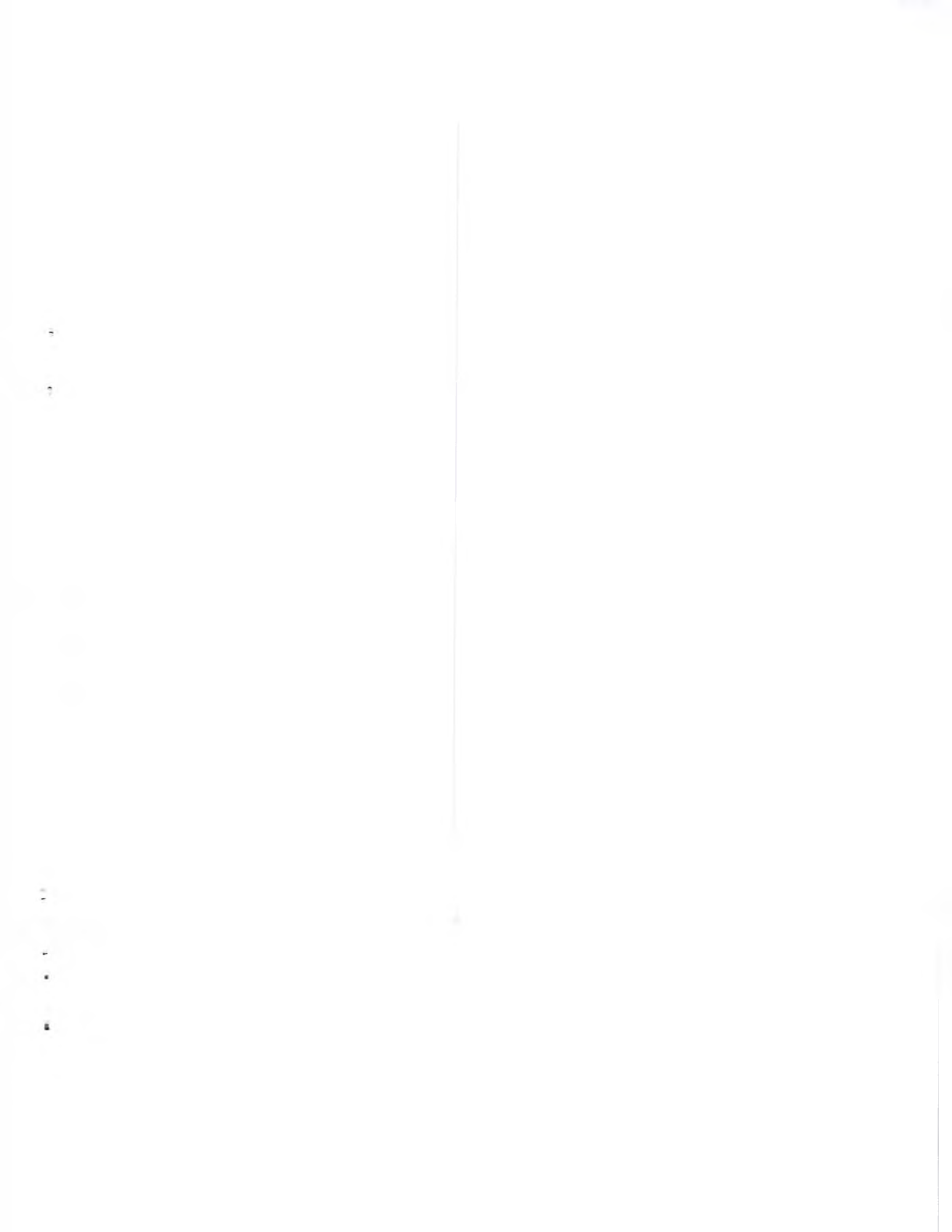
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH XÃ HỘI HỌC
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nghệ An, 11/2021



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC-
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

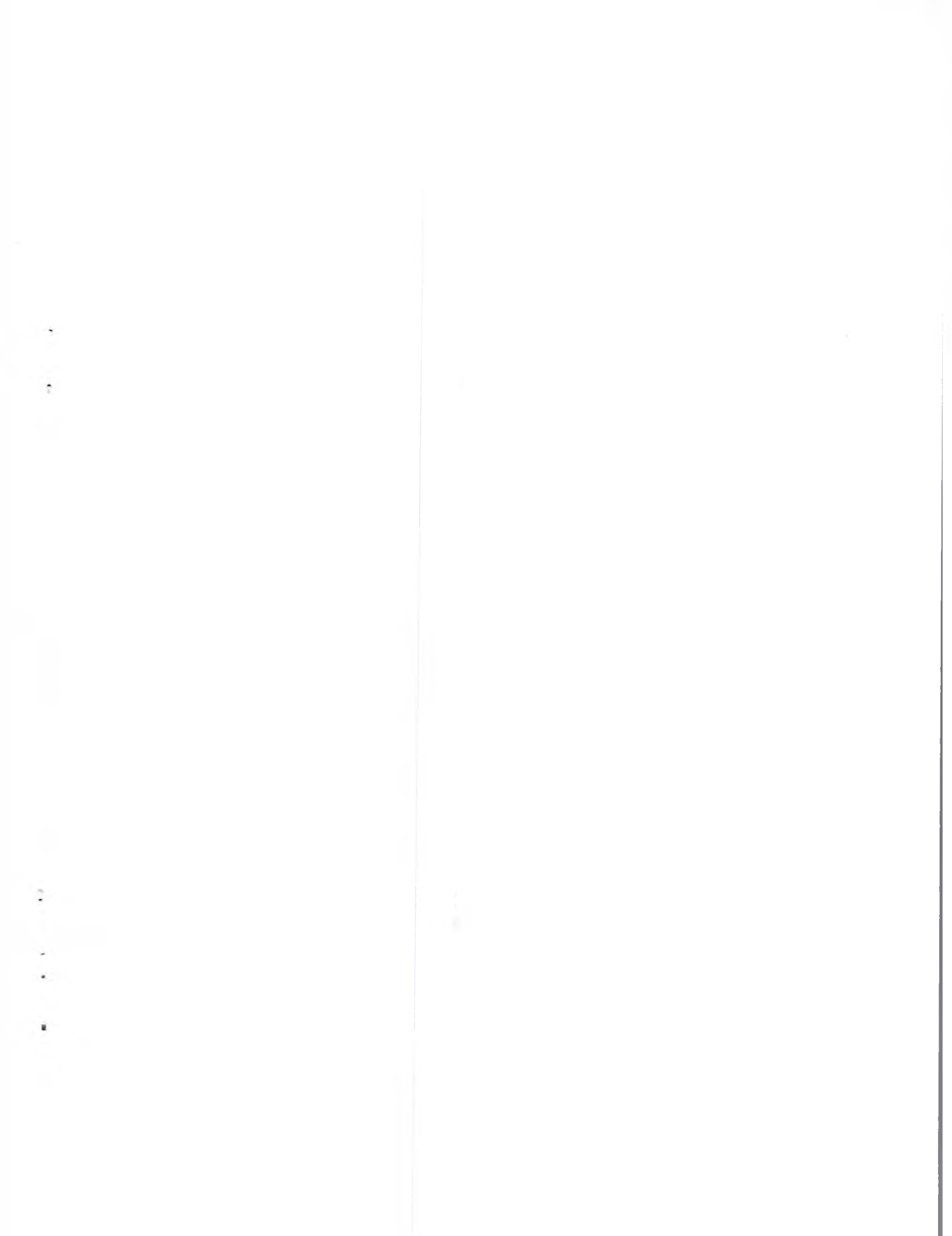
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH XÃ HỘI HỌC
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo


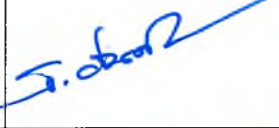




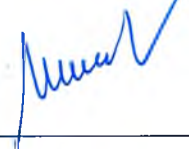

(Giai đoạn đánh giá: 2016-2021)

*(Báo cáo kèm theo Công văn số 225/ KĐCLV, ngày 11 tháng 11 năm 2021 của
Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc gửi
Báo cáo Đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo)*

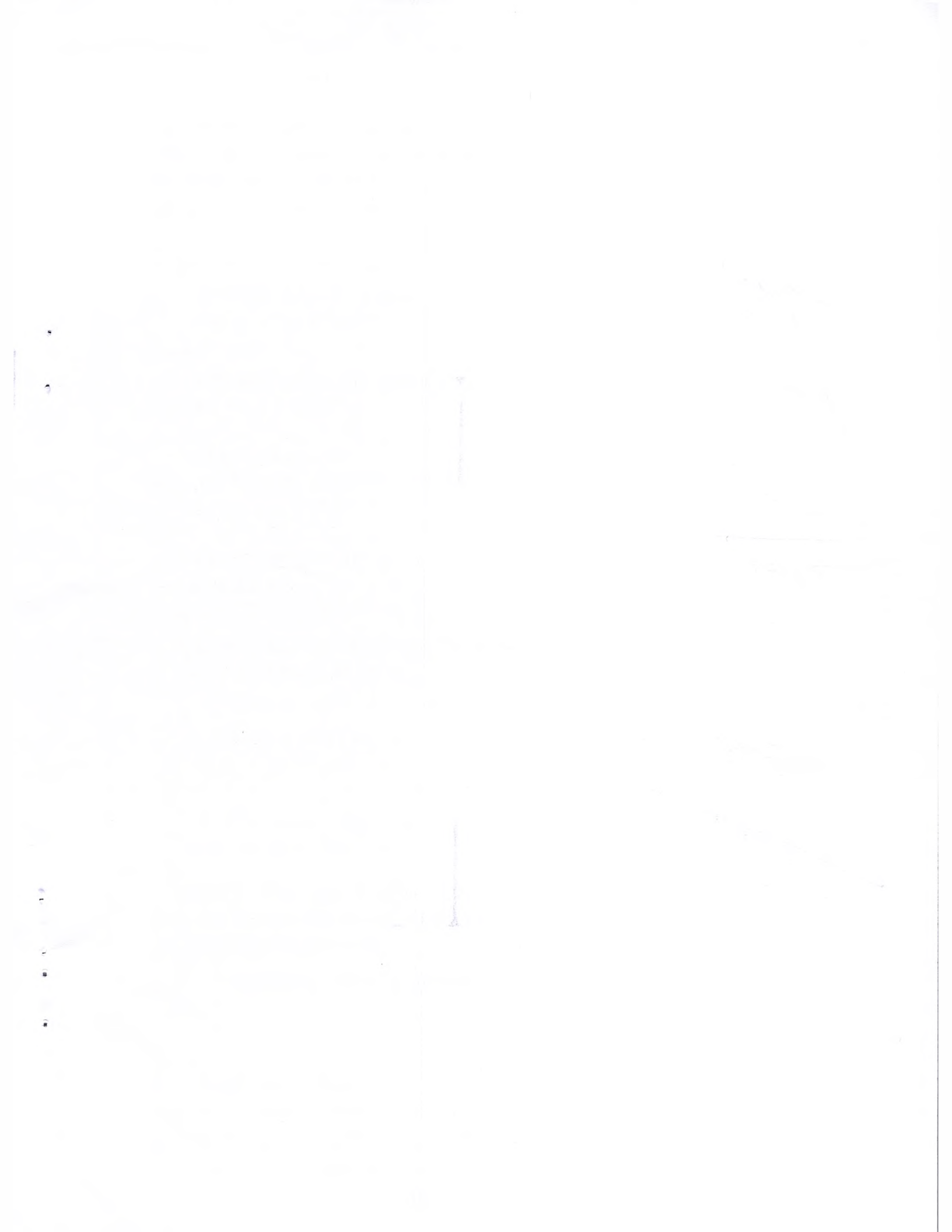
Nghệ An, 11/2021



Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT Xã hội học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được chuyên gia trong Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài cùng soạn thảo, trao đổi và thống nhất. Các thành viên của Đoàn cam kết những đánh giá, nhận định, kết luận trong báo cáo là khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa trên minh chứng.

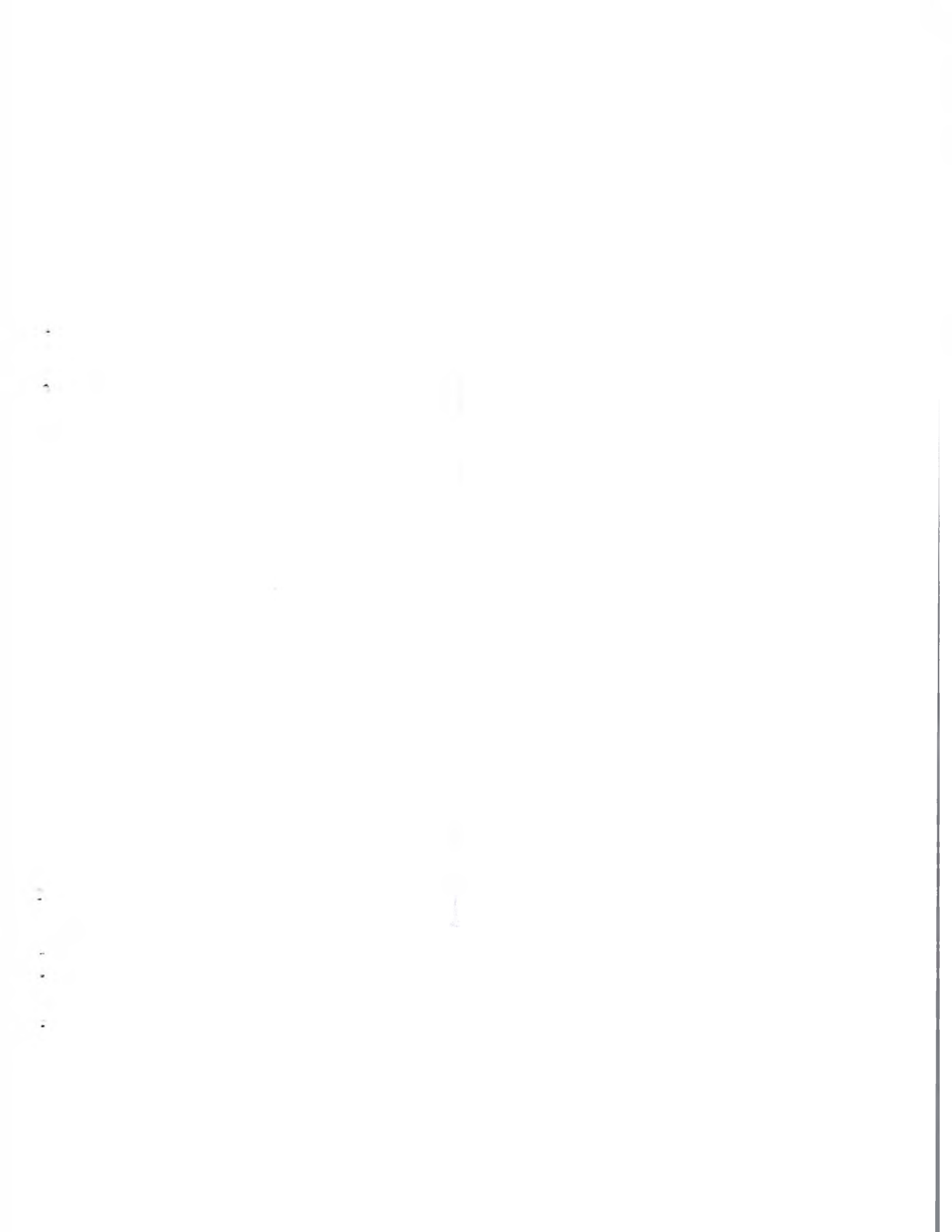
TT	Họ và tên, cơ quan công tác	Trách nhiệm được giao	Chữ ký
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam, Nguyên Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội	Trưởng Đoàn	
2	PGS.TS. Mai Văn Chung, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	Thư ký	
3	TS. Nguyễn Thị Thu Hà, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	Thành viên thường trực	
4	PGS.TS. Phạm Văn Quyết, Trường ĐH KH X H-NV, ĐHQG Hà Nội	Thành viên	
5	PGS.TS. Nguyễn Thái An, Trường ĐH Dược Hà Nội	Thành viên	
6	TS. Phan Văn Hiếu, Hội nghiên cứu biên tập công trình KH&CN Việt Nam	Thành viên	
7	TS. Lê Huy Tùng, Viện Đào tạo liên tục, ĐHBK Hà Nội	Thành viên	
8	ThS. Nguyễn Thị Minh, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	Giám sát viên	

©Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin trong báo cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Bản quyền Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.



MỤC LỤC

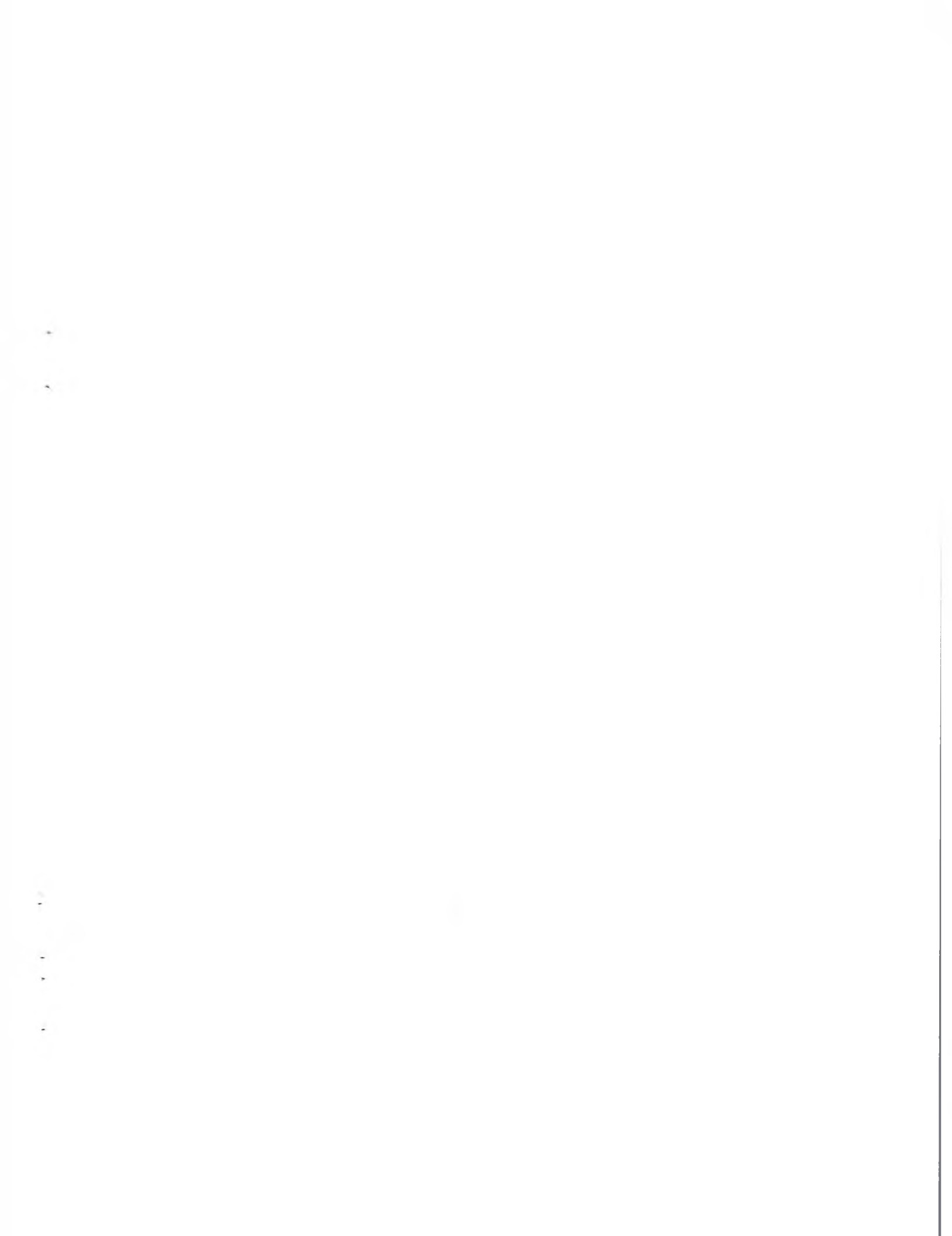
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO	i
Phần I. TỔNG QUAN	1
1. Giới thiệu.....	1
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài	1
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	3
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của CTĐT.....	3
3.2. Tóm tắt những điểm cần cải tiến chất lượng của CTĐT	12
Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN	18
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của CTĐT	18
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	23
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH	28
Tiêu chuẩn 4: PP tiếp cận trong dạy và học	33
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá KQHT của người học	39
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, nghiên cứu viên	50
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ NV	68
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	79
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	89
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	100
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	113
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài	125
Phần III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	128
Phần IV. PHỤ LỤC	



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

Ban QLĐT	Ban Quản lý đào tạo
Ban QLKH	Ban Quản lý khoa học
Ban TCCB	Ban Tổ chức cán bộ
BDCL	Bảo đảm chất lượng
BGD	Ban Giám đốc
BLQ	Bên liên quan
CB	Cán bộ
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTCT&HTSV	Công tác chính trị và hỗ trợ sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐCHP	Đề cương học phần
ĐT	Đào tạo
ĐTBD	Đào tạo, bồi dưỡng
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDĐH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên
HP	Học phần
HVBC&TT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
KHCN	Khoa học công nghệ
Khoa XHH&PT	Khoa Xã hội học & Phát triển
KQHT	Kết quả học tập
KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
KT-KĐCLĐT	Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NSDLĐ	Nhà tuyển dụng
NV	Nhân viên

PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PP	Phương pháp
PPDH	Phương pháp dạy học
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
QĐ	Quyết định
SV	Sinh viên
TT	Thông tư
XHH	Xã hội học



PHẦN I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu

Đoàn đánh giá ngoài (ĐGN) thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Xã hội học (XHH) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) được thành lập theo Quyết định số 199/QĐ-KĐCLV ngày 16/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh (KĐCLGD-ĐHV). Đoàn gồm 07 thành viên, 01 Giám sát, do PGS. TS. Bùi Duy Cam (số thẻ KĐV: 2017.01.244) làm Trưởng đoàn. Đoàn đã tổ chức các hoạt động ĐGN đúng theo quy định hiện hành.

Báo cáo này khái quát quá trình ĐGN, các kết quả đạt được và những kiến nghị đối với CTĐT ngành XHH của HVBC&TT. Báo cáo có các phụ lục:

- Phụ lục A: Giới thiệu tóm tắt về Học viện, Khoa XHH&PT;
- Phụ lục B: Tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành XHH;
- Phụ lục C: Quyết định thành lập đoàn ĐGN;
- Phụ lục D: Kế hoạch ĐGN;
- Phụ lục Đ: Công văn của Nhà trường phản hồi về Dự thảo Báo cáo ĐGN;

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các minh chứng, dữ liệu được Nhà trường cung cấp tính đến thời điểm 30/08/2021, từ thực trạng của Nhà trường cùng các thông tin phản hồi và kết quả khảo sát, phỏng vấn các BLQ (BLQ) trong quá trình đánh giá.

2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ mà Đoàn ĐGN sử dụng là Bộ tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng (KĐCL) CTĐT được ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, mức đánh giá mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức.

Các phương pháp (PP) đánh giá đã được Đoàn ĐGN sử dụng:

+ Nghiên cứu Hồ sơ TĐG do Nhà trường và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV cung cấp, đối chiếu với các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT, xác định mức độ đạt được của các hoạt động theo các yêu cầu/chỉ báo của từng tiêu chí, xác định những vấn đề chưa rõ trong các hoạt động của Nhà trường,;

+ Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin mà Nhà trường đã thể hiện trong Báo cáo TĐG;

+ Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình trạng việc làm của sinh viên (SV) tốt nghiệp và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Nhà trường từ các bên liên quan (BLQ);

+ Phỏng vấn, thảo luận với các BLQ trong và ngoài trường; quan sát, kiểm tra cơ sở vật chất (CSVC), hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT), trang thiết bị và các hoạt động trong Nhà trường để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng của Nhà trường.

Đoàn đã triển khai các hoạt động ĐGN cụ thể như sau:

(1) *Nghiên cứu Hồ sơ TĐG*: Từ ngày 25/6/2021

Đoàn ĐGN và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV trao đổi, thống nhất nguyên tắc, PP (PP), tiêu chí đánh giá; lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí cho các thành viên trong Đoàn. Các thành viên Đoàn nghiên cứu, nhận xét hồ sơ TĐG và đánh giá sơ bộ về những vấn đề đã rõ/chưa rõ; xác định các thông tin, minh chứng còn thiếu của các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công.

(2) *Họp Đoàn*: ngày 26/7/2021

Đoàn ĐGN và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV đã họp online để thảo luận về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các hồ sơ, tài liệu, minh chứng yêu cầu Nhà trường bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; những công tác hậu cần mà Nhà trường, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị, đồng thời, thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự kiến lịch trình khảo sát chính thức.

(3) *Khảo sát sơ bộ*: ngày 01/10/2021

Trưởng đoàn ĐGN, thành viên thường trực đã tiến hành khảo sát sơ bộ trực tiếp tại Học viện; Thư ký, đại diện của Trung tâm KĐCLGD-ĐHV cùng Giám sát làm việc trực tuyến. Đoàn đã làm việc với Lãnh đạo Nhà trường, Hội đồng TĐG và đại diện các phòng, ban, trung tâm, Khoa XHH&PT, các bộ môn của Khoa. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Trường. Đoàn đã thảo luận với Nhà trường và thống nhất về các tài liệu, minh chứng cần bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn,...

Kết thúc đợt khảo sát, Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV, Trưởng đoàn ĐGN và Lãnh đạo Nhà trường đã ký kết Biên bản khảo sát sơ bộ.

(4) *Khảo sát chính thức*: từ ngày 15-19/10/2021

Đoàn đã trao đổi, thảo luận trực tiếp với Lãnh đạo Hội đồng trường, Ban Giám hiệu Nhà trường, phỏng vấn các cán bộ quản lý chuyên môn (trưởng, phó các khoa, bộ môn); 14 GV ngành XHH, 19 CB hỗ trợ và 07 CB đoàn thể; phỏng vấn online trên phần mềm Microsoft Teams đối với 20 nhà sử dụng lao động (NSDLĐ); khảo sát bằng phiếu hỏi đối với 24 SV đại học chính quy, 15 cựu SV; khảo sát tình hình việc làm qua điện thoại với 30 SV tốt nghiệp ngành XHH năm 2019 và 2020.

Đoàn đã dự giờ online lớp học phần “*Tuyên truyền vận động các vấn đề xã hội*” (chiều ngày 15/10/2021). Đoàn cũng đã kiểm tra hoạt động thi vấn đáp bằng hình thức trực tuyến đối với 01 ca thi sáng ngày 17/10/2021.

Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội dung đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB, GV và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn.

(5) *Viết dự thảo Báo cáo ĐGN*: Từ 20-30/10/2021, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và CB giám sát của Trung tâm thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Nhà trường.

(6) *Hoàn thiện Báo cáo ĐGN*: sau khi nhận được văn bản phản hồi Dự thảo Báo cáo ĐGN CTĐT ngành XHH của HVBC&TT (ngày 08/11/2021), Đoàn chuyên gia ĐGN đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo ĐGN. Báo cáo ĐGN chính thức đã được tất cả các thành viên của Đoàn ĐGN nhất trí thông qua ngày 10/11/2021. Đoàn đã gửi lại Báo cáo ĐGN chính thức cho Nhà trường (qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV) theo đúng quy định.

3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của CTĐT ngành XHH

(1) Mục tiêu và CDR của CTĐT

CTĐT ngành XHH được ban hành trong giai đoạn đánh giá đã xác định rõ ràng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với Sứ mệnh và Tầm nhìn của Học viện đến năm 2050 là “trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong

khu vực và trên thế giới”, đồng thời cũng đã đáp ứng các yêu cầu trong mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục đại học.

CĐR ngành XHH được xác định rõ ràng với các nội dung về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm, đã thể hiện được mục tiêu của CTĐT. Từ 3 nội dung này, CĐR được chi tiết hóa thành 13 CĐR. Khi đạt được 13 CĐR này, người học có thể đảm nhận ở nhiều vị trí công việc khác nhau trong lĩnh vực ngành nghề. Ma trận kết nối giữa các học phần với CĐR cho biết sự đóng góp của các học phần hình thành kiến thức, những kỹ năng cụ thể, và hình thành năng lực cho người học.

CĐR của CTĐT ngành XHH phản ánh được yêu cầu của xã hội thông qua việc tham khảo ý kiến của các BLQ khi xây dựng, đổi mới CĐR. Các ý kiến, đề xuất, yêu cầu thu được từ khảo sát BLQ đã được phân tích và được chuyển tải vào nội dung CĐR của CTĐT.

CĐR của CTĐT ngành XHH đã được rà soát, được điều chỉnh và được công bố công khai bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các BLQ dễ dàng tiếp cận.

(2) Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT ngành XHH được phê duyệt năm 2020 có đủ các thông tin theo quy định; đã cập nhật với những vấn đề mới của lĩnh vực ngành đào tạo thông qua việc tham khảo ý kiến của các BLQ, cũng như tham khảo CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong và ngoài nước.

Dựa trên cơ sở Bản mô tả CTĐT, Khoa XHH&PT đã triển khai xây dựng đề cương cho tất cả các học phần trong CTĐT theo quy định của Học viện, phù hợp với các quy định của BGD&ĐT. Tất cả các đề cương học phần đã ghi khá đầy đủ thông tin cần thiết.

Trong giai đoạn KĐCLGD, Khoa đã 3 lần rà soát các đề cương học phần. Sau lần rà soát năm 2020 Khoa đã điều chỉnh, cập nhật, cải tiến chương trình dạy học (CTDH) theo hướng phù hợp hơn với quy định của Bộ GD&ĐT, sau đó Học viện đã phê duyệt và ban hành CTĐT, kèm theo là các đề cương học phần.

Các BLQ như CBGV, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách thuận tiện thông qua cổng thông tin của Học viện, trang fanpage của Khoa XHH&PT; bản in CTĐT được lưu tại văn phòng Khoa.

(3) Cấu trúc và nội dung CTDH

Dựa vào các CDR của CTĐT, Khoa đã thiết kế nội dung và cấu trúc của CTDH với các học phần tương ứng trên cơ sở phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT và của Học viện. Khoa/GV đã xác định tổ hợp các PPDH, PP KT&DG KQHT của SV phù hợp với, các học phần lý thuyết, học phần thực hành, kiến tập, thực tập.

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành XHH đã có đề cương học phần (ĐCHP), trong đó CDR của từng học phần đã thể hiện được sự tương thích về nội dung và mức đóng góp của học phần vào CDR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm. Ma trận kỹ năng được Khoa xây dựng đã thể hiện sự kết nối giữa nội dung của học phần với các CDR của CTDH.

Tất cả ĐCHP đều ghi rõ PPDH hướng đến đánh giá mức độ đạt được CDR của người học; trong ĐCHP đều có các rubric KT&DG KQHT phù hợp bao gồm kiểm tra thường xuyên, thi giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

CTDH ngành XHH ban hành trong chu kỳ KĐCLGD được thiết kế theo quy định của Bộ GD&ĐT, bao gồm: kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành và cuối cùng là thi tốt nghiệp hoặc thực hiện khóa luận tốt nghiệp; 100% đề cương học phần đều ghi rõ các học phần tiên quyết hoặc các điều kiện khác và được bố trí giảng dạy vào các thời điểm thích hợp của khóa học để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy học phần.

(4) PP tiếp cận trong dạy và học

Trên cơ sở Mục tiêu chiến lược của Học viện, Khoa đã phát triển CTĐT ngành XHH theo tinh thần trung thực và trách nhiệm, giáo dục người học có khả năng làm việc trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng văn hóa, truyền thông, có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của thời đại ...

Tổ hợp các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy được thể hiện trên các đề cương chi tiết học phần. Các hoạt động giảng dạy/phương pháp giảng dạy phân biệt rõ ràng đối với các học phần mang tính lý thuyết và thực hành thuộc kiến thức đại cương, cơ sở ngành, kiến thức ngành và thực hành, thực tập.

Nghiên cứu các ĐCHP trong CTĐT của ngành XHH giai đoạn 2016-2021, Đoàn chuyên gia ĐGN nhận thấy, tất cả ĐCHP đều nêu rõ được việc sử dụng tổ hợp các PPGD và PP học tập phù hợp cũng như nhiệm vụ của người học để rèn luyện các kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu của ngành XHH. 100% các học phần đều yêu cầu và

dành thời gian cho người học tự đọc/nghiên cứu tài liệu với khoảng thời gian phù hợp theo số tín chỉ của học phần.

GV đã sử dụng các PPGD phù hợp ở từng học phần nhằm hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng. Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá để hướng đến rèn luyện, phát triển 08 năng lực cơ bản cho học tập suốt đời.

(5) Đánh giá KQHT của người học

Học viện và Khoa đã có hệ thống các văn bản đánh giá KQHT của người học bao gồm từ quy định chung như Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, đến quy định có tính riêng biệt như Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp, ĐCHP các học phần và các quy định liên quan. Các văn bản này đều được công bố một cách chính thống tới SV và GV.

Mỗi học phần đều được đánh giá bằng các PP đánh giá khác nhau phù hợp với CDR của học phần và tương ứng với CDR của CTĐT cần đạt được. Các PP, công cụ sử dụng trong KTĐG học phần giúp đánh giá được mức độ đạt CDR.

Các văn bản quy định đã xác định rõ thời gian nơi công bố điểm thi phù hợp với các hình thức tổ chức thi kết thúc học phần, xác định thời gian phải gửi kết quả đánh giá của học phần về Phòng KT&ĐBCLĐT sau khi chấm thi và phản hồi kết quả cho người học và thời gian lưu trữ bài thi...

SV được phổ biến đầy đủ về các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong Sổ tay SV, được làm quen với Quy chế đào tạo ĐH, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường từ ngày nhập học.

(6) Đội ngũ GV

Học viện/Khoa ban hành khá đầy đủ các văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV, trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ; xác định mục tiêu, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực; kế hoạch phát triển nhân sự đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ. Việc tuyển dụng đội ngũ GV được thực hiện khá tốt.

Kế hoạch ĐTBĐ đội ngũ CB, GV, NV giai đoạn 2016-2021 được xây dựng và thực hiện trên nhu cầu ĐT, NCKH; nhu cầu của GV của Khoa; được thực hiện và giám sát đánh giá bởi Ban TCCB và các Khoa.

Khối lượng công việc (khối lượng giảng dạy, NCKH và công tác khác) của GV được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại GV hằng năm học.

Quy định đầy đủ về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV và được giám sát chặt chẽ. Học viện đã chú trọng đầu tư kinh phí cho NCKH. Đội ngũ GV của Khoa XHH&PT đã đạt được những kết quả tích cực trong NCKH.

Thực hiện tốt việc quản trị công việc của CB, GV, NV: ban hành các văn bản, phân công công việc rõ ràng đầu mỗi năm học, giám sát quá trình thực hiện và ĐG hằng năm học.

(7) Đội ngũ NV

Đề án vị trí việc làm tại HVBC&TT năm 2020 quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ. Học viện đã có một số chính sách thu hút, tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng NV rõ ràng. Học viện đã phân tích tình hình thực tế về phát triển quy mô người học, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục vụ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ NV hỗ trợ. Số lượng và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của đơn vị.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị. Các quy định, quy chế, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được phổ biến công khai đến toàn thể cán bộ, GV và NV.

Quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thể hiện ở Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do Học viện ban hành.

Năng lực của đội ngũ NV được xác định gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với công việc. Đối với Khoa XHH&PT còn có Khung năng lực của vị trí việc làm, theo đó cán bộ văn phòng Khoa yêu cầu về năng lực chuyên môn và các năng lực khác.

Việc đánh giá NV được thực hiện hằng năm theo phân loại A, B, C là cơ sở để Học viện quyết định mức thu nhập tăng thêm cuối năm theo quy chế chi tiêu nội bộ. Kết quả đánh giá phân loại cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NV, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng.

Học viện đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV qua phiếu đề xuất gửi cho lãnh đạo các đơn vị thuộc Học viện. Các đơn vị thuộc Học viện sẽ tiến hành thu thập nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng từ các NV.

Học viện có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Hàng năm Học viện thực hiện cập nhật hoạt động tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT như: xây dựng Đề án tuyển sinh, xây dựng Kế hoạch tuyển sinh, KH tư vấn ... với chính sách và quy định tuyển sinh rõ ràng. Các thông tin liên quan đến chính sách, phương thức tuyển sinh được Học viện công bố công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Đã chú trọng nghiên cứu, xem xét cập nhật chính sách tuyển sinh của ngành QHCC trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Học viện đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học như đăng ký học, đăng ký thi cải thiện điểm; hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe; về học bổng KKHT, triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho SV ngành QHCC như định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV... Sau mỗi đợt/kỳ hoạt động, Nhà trường tổ chức tổng kết đánh giá và định hướng cho các đợt hoạt động kế tiếp. Định kỳ hàng tháng, Khoa thu nhận ý kiến từ các lớp về hoạt động giảng dạy của GV, học tập, rèn luyện của NH, CSVC của Khoa/Học viện trong hỗ trợ hoạt động dạy-học; đồng thời hàng năm BGD Học viện đã tổ chức các buổi họp lắng nghe ý kiến từ NH.

Hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV ngành QHCC được liên hệ với các cơ sở thực tập cho SV, mời các tổ chức/đơn vị tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp, chia sẻ với SV về kỹ năng mềm, cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Học viện có khu hiệu bộ, giảng đường, thư viện, khu ký túc xá ... được bố trí khoa học thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của CB, GV và NH. Với cơ sở vật chất hiện đại, môi trường làm việc thân thiện đã tạo cho CB, GV, NV, NH có không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên

cứu. Các phòng làm việc của Khoa QHCC&QC, của CBGV ngành QHCC đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc.

Cảnh quan môi trường sư phạm của Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng trong Trường và đảm bảo các quy định về vệ sinh học đường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ cơ sở vật đáp ứng tốt nhất nhu cầu phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập. Học viện đã trang bị đầy đủ CSVN để đào tạo GDQP trong khuôn viên Học viện.

Học viện đã ban hành quy định về ứng xử văn hoá của SV, học viên/ của CBVC HVBC&TT... với các nội dung quy định chung và quy định riêng đối với mỗi đối tượng ra/vào/làm việc/liên hệ công tác; quy định ra vào đối với các đơn vị sửa chữa/bảo dưỡng/bảo hành; quy định về PCCC, sử dụng khu vực công cộng, ...

Học viện có canteen phục vụ SV, CB, GV, NV đảm bảo thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm.

(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ thống phòng học, giảng đường của Học viện gồm: 01 hội trường 600 chỗ, 01 hội trường 200 chỗ, 01 hội trường 100 chỗ, 12 phòng học trên 100 chỗ, 56 phòng học trên 50 chỗ, 29 phòng học dưới 50 chỗ), 02 phòng Bảo vệ luận văn, luận án, 01 phòng học đa phương tiện và có 17 phòng thực hành. Ngoài ra còn có hệ thống phòng thực hành gồm các Studio được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo, hệ thống sân thể thao SV, Thư viện, ký túc xá với quy mô gần 3000 chỗ ở.

Khoa XHH&PT có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/ SV theo quy định, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành.

Trung tâm thông tin khoa học (TTTTKH) của Học viện có 04 phòng đọc và 02 phòng mượn tài liệu; có hệ thống máy tính giúp tra cứu tài liệu và truy cập cơ sở dữ liệu, có Nội quy, có hướng dẫn sử dụng, tra cứu tài liệu và có sơ đồ hệ thống Thư viện. TTTTKH sử dụng phần mềm Kipos 6.x và phần mềm quản lý thư viện số Dspace 5.9. TTTTKH có: 16,989 đầu sách với 114,260 bản sách; 1,908 đề tài NCKH với 2,576 bản; 4,380 luận văn với 4,500 bản; 96 luận án với 96 bản. Số lượng tài liệu đã được số hóa đến tháng 10 năm 2021 là 7862 tài liệu.

Ngành XHH được bổ sung: năm 2016: 57 đầu sách với 821 bản; năm 2017: 102 đầu sách với 1,212 bản; năm 2018: 83 đầu sách với 519 bản; năm 2019: 78 đầu sách với 909 bản và năm 2020: 45 đầu sách với 299 bản; Tháng 10 năm 2021: 68 đầu sách với 566 bản. Ngành XHH có 299 tài liệu số tại Thư viện số

Khoa XHH&PT có một tủ sách chuyên ngành do GV của Khoa đóng góp, phục vụ cho việc dạy, học và nghiên cứu tại chỗ dành cho GV và SV của Khoa.

Học viện có hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin. Học viện hiện tại có 13 máy chủ, có 05 phần mềm chuyên dụng có bản quyền sử dụng: Phần mềm Quản lý đào tạo (ESSoft Version 6.0) trong đó có modul Quản lý Khoa học; Quản lý SV, Quản lý Ký túc xá và Quản lý học phí; Phần mềm Chấm thi trắc nghiệm (Mr.Test Version 5.0); Phần mềm Thư viện số (Dspace Version 5.9); Phần mềm Kế toán (Anna 7.0) và Phần mềm Quản lý tài sản. Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong chu kỳ kiểm định Học viện đầu tư mua sắm trang thiết bị và sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, cập nhật hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Tiêu chuẩn về môi, sức khỏe và an toàn đã được Học viện xác định rõ ràng và thực hiện: Khuôn viên Học viện sạch đẹp; sức khỏe CB, GV và SV được quan tâm; công tác an ninh, trật tự, an toàn được đảm bảo. Ngoài ra Học viện có lưu ý về nhu cầu đặc thù của người khuyết tật ở một số hạng mục, công trình xây dựng.

Học viện có khoảng 40% diện tích dành cho cây xanh và môi trường.

(10) Nâng cao chất lượng

HVBC&TT đã thành lập mạng lưới BDCL bên trong, xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về xây dựng và phát triển CTDH. Trung tâm KT&ĐBCLĐT có nhiệm vụ chủ trì, Các đơn vị trong Học viện thực hiện nhiệm vụ phối hợp; Các kênh thông tin thu thập ý kiến các BLQ đa dạng: gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, google form, gửi phiếu trực tiếp; cơ chế lấy ý kiến các BLQ đã có những điều chỉnh, cải tiến nhất định nhằm nâng cao chất lượng;

Học viện có văn bản quy định về quy trình xây dựng CTĐT, quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT và hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTĐT;

Học viện có quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các PPDH, PPKTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR;

Có nhiều đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, KTĐG. Các kết quả NCKH được chuyển tải vào nội dung các môn học và để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV;

Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) được thực hiện định kỳ hàng năm. Kết quả đánh giá được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng.

(11) Kết quả đầu ra

Học viện có Ban QLĐT (QLĐT) chịu trách nhiệm giám sát KQHT của SV, thống kê cập nhật, số lượng SV bị cảnh báo học vụ, thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tốt nghiệp trước hạn và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành học. Tỷ lệ SV thôi học trung bình trong chu kỳ đánh giá là 16,2%, bình quân thời gian tốt nghiệp trung bình của 03 khoá là 4,14 năm. Trung bình tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn là 65,2%. Học viện có quy định và quy trình khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp: có tương đối đầy đủ số liệu khảo sát việc làm đối với SV tốt nghiệp các năm 2016 đến năm 2019; hằng năm đều có văn bản báo cáo Bộ GD&ĐT về tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp với các thông tin theo quy định. Tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt trung bình 93,2%; làm đúng ngành đào tạo là 50,2%. Tính bình quân 03 năm khảo sát cho 25,8% SV có việc làm với thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng/tháng.

Học viện đã quan tâm đến hoạt động NCKH của SV bằng việc ban hành các văn bản quản lý hoạt động NCKH SV, ban hành chính sách chi kinh phí thực hiện đề tài và các chính sách khen thưởng khác.

Học viện đã ban hành một số quy định, quy trình có liên quan đến công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ. Hằng năm đã thực hiện 05 loại khảo sát khác nhau về mức độ hài lòng của SV, CB, GV, NV, NSDLĐ và cựu người học. Kết quả khảo sát đã được phân tích và đối sánh giữa các lần khảo sát để xây dựng các giải pháp cải tiến chất lượng. Công cụ và phương thức khảo sát đã được cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Mức độ hài lòng của lần khảo sát sau nhìn chung cao hơn mức độ hài lòng của lần khảo sát trước đó.

3.2. Tóm tắt những điểm cần cải tiến của CTĐT Kế toán

(1) Mục tiêu và CDR của CTĐT

Trong quá trình xây dựng và cập nhật CTĐT theo định kỳ, Học viện/Khoa nên phổ biến và tập huấn rộng rãi để CBGV thấu hiểu nội dung, bản chất mục tiêu CTĐT/học phần, CDR của CTĐT/học phần, bản mô tả CTĐT, CTDH...

Cần rà soát từng CDR của CTĐT và chỉnh sửa để sao cho các CDR đều có thể đo lường thuận lợi, làm cơ sở cho thiết kế CTDH.

Học viện/Khoa cần tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ, nhất là ý kiến của người sử dụng lao động cho việc cải tiến, đổi mới CDR của CTĐT.

(2) Bản mô tả CTĐT

Nhà trường/Khoa cần có giải pháp thích hợp để sớm khắc phục những bất cập trong phê duyệt và ban hành đề cương học phần như văn bản chính thức của Học viện; cần rà soát kỹ tất cả các ĐCHP công bố năm 2018 để chỉnh sửa những lỗi phi logic trong đề cương.

Học viện/Khoa cần phổ biến rộng rãi trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Học viện/ Khoa những kiến thức cơ bản, cần thiết liên quan đến CTĐT, CDR và Bản mô tả CTĐT.

(3) Cấu trúc và nội dung CTDH

Học viện cần tổ chức xây dựng một số CDR chung cho các CTĐT trong Học viện, dựa vào đó các Khoa thiết kế CTDH, đảm bảo tính liên thông cao giữa các CTĐT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV học song bằng, bằng thứ hai hoặc học chuyển đổi ngành khi học lên cao.

Cần chú ý hơn trong xây dựng ma trận kết nối giữa PP KTĐG của các học phần với CDR để thể hiện được mức độ đóng góp của các hình thức dạy học, KTĐG với CDR.

Cần quan tâm hơn nữa đến thu thập ý kiến của NSDLĐ đóng góp cho việc cải tiến, cập nhật nội dung các học phần.

(4) PP tiếp cận trong dạy và học

Học viện cần sớm xây dựng và công bố Triết lý giáo dục, cần làm rõ hơn về nội dung Mục tiêu giáo dục của Học viện.

Nhà trường/Khoa nên quan tâm đến ý kiến của NSDLĐ và cựu SV trong tổ chức triển khai giảng dạy các học phần thực hành, thực tế một cách hợp lý nhất cả ở mặt thời lượng và thời điểm.

Học viện/Khoa cần có cơ chế, giải pháp thúc đẩy và khuyến khích SV tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học; hỗ trợ GV khắc phục những hạn chế của cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện hiệu quả các PPDH tích cực.

(5) Đánh giá KQHT của người học

Học viện cần thường xuyên rà soát các văn bản quy định và cập nhật, điều chỉnh các quy định cho phù hợp với các quy định của Bộ GDĐT, nhất là các quy định về tổ chức thi hết học phần, quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề.

Hàng năm, từng học kỳ, Học viện/Khoa cần dựa trên việc phân tích kết quả đánh giá học phần của người học để xác định độ tin cậy của đề thi, độ tin cậy của PP KTĐG, từ đó đưa ra đề xuất cải tiến PP đánh giá và công tác ra đề.

Tăng cường hơn nữa công tác hậu kiểm sau mỗi kỳ thi, để khắc phục kịp thời những sai sót không đáng có, đảm bảo tính khách quan cho công tác KTĐG học phần.

Học viện nên nghiên cứu để điều chỉnh quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, rút ngắn thời gian phản hồi kết quả đánh giá của người học tạo điều kiện cho họ kịp thời cải thiện việc học tập.

(6) Đội ngũ GV

Trên cơ sở Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBC&TT, nhu cầu đội ngũ CB, GV theo các nhóm ngành đào tạo và lĩnh vực hoạt động NCKH, HTQT, PVCD, Học viện nên xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV và Kế hoạch phát triển đội ngũ CB, GV và NV theo giai đoạn tương ứng với CLPT của Học viện với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trên cơ sở này, các đơn vị/khoa xây dựng chiến lược/kế hoạch CLPT của đơn vị; kế hoạch phát triển đội ngũ nhân sự, kế hoạch quy hoạch cán bộ của Khoa và trình Giám đốc Học viện phê duyệt để làm căn cứ triển khai thực hiện, đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD.

Cần có những chính sách hỗ trợ, khuyến khích và có biện pháp để giúp GV tăng số lượng công bố quốc tế, biên soạn và xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình.

Học viện cần tăng cường chính sách thu hút, hấp dẫn ứng viên có trình độ tiến sĩ đúng ngành XHH, ưu tiên GV được đào tạo ở các nước tiên tiến (cần điều chỉnh tiêu

chuẩn cho phù hợp với từng giai đoạn); chức danh GS, PGS có đạo đức và năng lực chuyên môn cao và có kinh nghiệm, uy tín trong giảng dạy và NCKH để bổ nhiệm chức danh quản lý chuyên môn và NCKH) làm nòng cốt cho Khoa và đảm bảo đủ số lượng đội ngũ GV theo quy định. Ngoài tiêu chuẩn tuyển dụng chung thì việc tuyển dụng ngành XHH cần có những tiêu chí riêng cho đặc thù của ngành

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV, trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCD; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực (không chỉ để xét thi đua, khen thưởng và lương bổ sung mà còn để lập kế hoạch ĐTBĐ, luân chuyển, bổ nhiệm).

Hàng năm, Học viện/Khoa cần lập kế hoạch và thực hiện đánh giá năng lực GV, trong đó cần nêu rõ cách thức đánh giá năng lực về giảng dạy, phát triển CTĐT, về NCKH, về PVCD và các hoạt động khác; phân công rõ đơn vị, cá nhân chủ trì, phối hợp.

Học viện cần sớm hoàn thiện quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc cơ sở giáo dục đại học. Học viện/Khoa nên tiếp tục xây dựng các hướng nghiên cứu chính của Khoa và hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án. Khoa nên thực hiện đối sánh kết quả NCKH của GV với GV các ngành khác trong Học viện và với GV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước.

(7) Đội ngũ NV

Học viện nên phân tích, làm rõ dự báo về đội ngũ cán bộ/GV nói chung và đội ngũ NV nói riêng và quan tâm hơn đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cần chú trọng nhiều hơn đến việc điều chuyển NV.

Học viện nên xem xét ban hành riêng Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí cụ thể cho đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức, trong đó có đội ngũ NV về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các tiêu chí đánh giá năng lực cần gắn với đề án vị trí việc làm.

Học viện nên tiến hành khảo sát, phân tích tính hiệu quả trong thực thi công việc khi quy định tỷ lệ xếp loại A, B, C chỉ thuần túy căn cứ vào số lượng cán bộ, viên chức, công chức như hiện nay để tạo động lực cho NV trong thực hiện công việc. Việc xếp loại chỉ nên căn cứ vào tiêu chí đã đưa ra chứ không nên khống chế tỷ lệ.

HVBC&TT nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho NV trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV và có thể xem xét mở các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về phát triển CTĐT cho NV.

Học viện nên xem xét lại yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua để tạo được sự động viên khuyến khích cho toàn thể NV, viên chức, công chức. Học viện nên xem xét và cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với NV để đảm bảo với sự cố gắng cao có thể đạt được và có tính khả thi trong thực tế đảm bảo khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ này, đặc biệt là danh hiệu từ chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên và nâng lương trước thời hạn.

Học viện cần triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng cũng như ban hành các quy chế, quy định về năng lực, tiêu chí đánh giá cho đội ngũ này.

(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Học viện/Khoa cần đa dạng hoá đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các BLQ để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh được chặt chẽ và bài bản.

Học viện nên định kỳ triển khai hoạt động tổng kết, rà soát, đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học ngay sau khi kết thúc tuyển sinh một cách chặt chẽ bài bản.

Học viện/Khoa XHH&PT, đội ngũ cố vấn học tập và đội ngũ chuyên trách về công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cần có kế hoạch và biện pháp hỗ trợ NH nhằm giảm tỷ lệ SV có kết quả rèn luyện trung bình và yếu kém và giảm tỷ lệ SV thôi học.

Học viện/Khoa XHH&PT cần có KH thúc đẩy hơn nữa hoạt động tư vấn hỗ trợ NH của đội ngũ CVHT, cần tăng cường các hoạt động hướng nghiệp.

Học viện/Khoa XHH&PT cần quan tâm hơn tới hoạt động tư vấn học tập hỗ trợ việc làm đối với NH.

Nhà trường cần có KH bổ sung nguồn nhân lực có trình độ ĐH cho bộ phận y tế.

(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Học viện cần tách riêng quy trình quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện và kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Cần tăng cường triển khai hoạt động của Thư viện điện tử/thư viện số;

Cần tăng cường số hoá giáo trình, sách và TLTK cho tất cả CTĐT nói chung và CTĐT ngành XHH nói riêng. Quan tâm hơn nữa đến việc bổ sung, cập nhật tài liệu, giáo trình mới, Có kế hoạch khuyến khích thu hút bạn đọc đến khai thác sử dụng tài liệu tại TTTTKH nhiều hơn, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

Học viện/Khoa XHH&PT cần triển khai xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp một cách chặt chẽ và bài bản. Cần bổ sung hệ thống máy tính phù hợp.

Học viện cần đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm kịp thời hơn. Nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền internet, đồng thời tiếp tục đầu tư thiết bị CNTT có cấu hình cao phù hợp để đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả. Hệ thống cung cấp mạng wifi cho người dùng nên được cấp theo phiên làm việc, hoặc được phân luồng băng thông phù hợp cho GV, SV của Học viện khi sử dụng nhằm tăng hiệu suất sử dụng mạng.

(10) Nâng cao chất lượng

Cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong thực thi công tác ĐBCL bên trong, văn bản quy định hoạt động, KTĐG) để thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Hoạt động đối sánh cần được chú trọng, và thể hiện đóng góp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH.

Hoạt động KTĐG KQHT cần được chú trọng rà soát, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, cần đánh giá mức độ tương thích và phù hợp với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT.

Cần tăng cường hiệu quả công tác ĐBCL bên trong, chú trọng việc chủ động, tích cực đánh giá và cải tiến chất lượng CSVC và các hoạt động hỗ trợ quá trình đào tạo của ngành nhằm nâng cao năng lực thực tiễn của SV.

Cần chú trọng hơn nữa việc khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ và sử dụng hiệu quả các phản hồi tích cực để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động.

(11) Kết quả đầu ra

Học viện nên ban hành hướng dẫn chi tiết về thời điểm thống kê báo cáo, phương thức tính toán thống kê, sử dụng kết quả thống kê về tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT theo khoá học để cải tiến chất lượng. Nên phân tích mối quan hệ giữa chất lượng đầu vào với KQHT của SV để có định hướng rõ ràng hơn trong việc xác định các tiêu chí tuyển chọn người học cho ngành học. Cần cải tiến bộ câu hỏi khảo sát NSDLĐ và cựu SV về chất lượng người học sau tốt nghiệp để có được thông tin hữu ích hơn. Trong thời gian tới, Khoa cần lưu tâm đến các giải pháp để tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và tăng tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo, chú trọng công tác hướng nghiệp cho SV ngay từ năm thứ nhất. Ngoài việc trang bị kiến thức, cần chú ý tăng cường kỹ năng giao tiếp, kỹ năng viết và diễn đạt, kiến thức tiếng Anh chuyên ngành cho SV để các em thuận lợi hơn trong quá trình tìm kiếm việc làm.

Cần có giải pháp khuyến khích SV tham gia NCKH và khuyến khích GV tham gia hướng dẫn SV thực hiện các đề tài NCKH SV. Nhà trường cần định kỳ tổng kết đánh giá tính hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương thức khảo sát sự hài lòng của các BLQ để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH trong GV cũng như trong SV của ngành học.



PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CĐR CỦA CTĐT

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 1.1

CTĐT trình độ đại học ngành XHH được ban hành năm 2016, 2018 và năm 2020 trong chu kỳ KĐCLGD đã xác định rõ ràng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. CTĐT ban hành năm 2020 (QĐ số 3907-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 20/09/2020) có mục tiêu chung là: “Đào tạo cử nhân ngành XHH hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội, truyền thông và văn hóa tư tưởng, có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, làm việc trong môi trường công nghệ cao, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng...”. Từ mục tiêu chung này Học viện đã phát triển thành 11 mục tiêu cụ thể bao trùm lên các nội dung về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và về phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ phục vụ.

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với Sứ mạng của Học viện là “NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác” và Sứ mạng của Khoa là “Đi đầu về đào tạo nguồn nhân lực xã hội học và công tác xã hội chất lượng cao trong nghiên cứu báo chí - truyền thông, lý luận chính trị và phát triển cộng đồng” cũng như Tầm nhìn đến năm 2050 của Học viện là “trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới”.

Mục tiêu CTĐT ngành XHH đã đáp ứng các yêu cầu trong mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại điểm b, khoản 2 và khoản 1, điều 5 trong Luật GDDH năm 2012, Luật GDDH sửa đổi năm 2018 là “đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” và Khung trình độ quốc gia (Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 10 năm 2016), trình độ tin học (Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông

tin và truyền thông) và ngoại ngữ (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

2. Tồn tại của tiêu chí 1.1

CTĐT ngành XHH xác định nhiều mục tiêu cụ thể (11 mục tiêu), trong đó có một số mục tiêu cụ thể trùng lặp với CĐR. Điều đó cũng có nghĩa CB, GV của Khoa chưa xác định đầy đủ nội hàm của mục tiêu và CĐR của CTĐT.

3. Những lĩnh vực cần cải tiến của tiêu chí 1.1:

Trong quá trình rà soát, cập nhật CTĐT định kỳ, Học viện/Khoa nên phổ biến và tập huấn rộng rãi để CB, GV hiểu rõ và đầy đủ về nội dung, bản chất mục tiêu CTĐT/học phần, CĐR của CTĐT/học phần, bản mô tả CTĐT, CTDH, từ đó điều chỉnh các mục tiêu cụ thể của CTĐT phù hợp hơn.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 1.1

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 1.1 đạt mức: 4/7

Tiêu chí 1.2: CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 1.2

CĐR của CTĐT ngành XHH được ban hành vào năm 2018 (QĐ số 4969/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 26/10/2018), được rà soát, bổ sung và ban hành vào năm 2020 (QĐ số 3970/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 20/9/2020). CĐR ngành XHH được xác định rõ ràng với các nội dung về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp, thể hiện được mục tiêu của CTĐT. Khoa XHH&PT đã xây dựng ma trận kết nối 13 CĐR với 11 mục tiêu cụ thể của CTĐT.

CĐR của CTĐT ngành XHH được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung năm 2020 đã xác định rõ ràng các chuẩn theo 3 nội dung: kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Từ 3 nội dung này, CĐR được chi tiết hóa thành 13 CĐR, trong đó có 6 chuẩn về kiến thức, 5 chuẩn về kỹ năng và 2 chuẩn về năng lực tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp. Khi đạt được 13 CĐR này, người học có thể đảm nhận ở nhiều vị trí công việc tại: các công ty, cơ quan nghiên cứu xã hội trong nước và quốc tế, các bộ, ngành, các tổ chức chính trị, xã hội ở trung ương và địa phương với chức năng tư vấn về xã hội; các

trường, viện, trung tâm nghiên cứu hoặc các cơ sở đào tạo khác (nghiên cứu, tư vấn, giảng dạy về xã hội); các trung tâm tư vấn, giới thiệu lao động và việc làm...; hoặc có thể tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về xã hội học, có thể tiếp tục học tập nghiên cứu ở bậc cao hơn...

CĐR về ngoại ngữ và CĐR về tin học của CTĐT đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 01 năm 2014 và Thông tư số 03/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 phù hợp với yêu cầu ở trình độ đại học. CĐR của CTĐT ngành XHH được xây dựng phù hợp với Sứ mạng và định hướng phát triển của Học viện và đáp ứng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành (QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016) đối với bậc GDDH.

CĐR và hệ thống các học phần trong CTĐT có liên hệ với nhau. Nhà trường xây dựng ma trận kết nối giữa CĐR và các học phần của CTĐT: mỗi học phần trong CTĐT đều có sự đóng góp nhất định vào hình thành các kiến thức, những kỹ năng cụ thể, và hình thành năng lực cho người học. Mỗi bài/chương của các học phần đều chỉ ra được sự đóng góp vào CĐR của học phần.

2. Tồn tại của tiêu chí 1.2

Một số CĐR được xác định khá chung chung, khó lượng hóa đo lường để đánh giá mức độ đạt được CĐR của người học.

Ý kiến phỏng vấn các GV cho thấy, việc xác định sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT trong một số trường hợp còn do cảm tính.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 1.2:

Cần rà soát từng CĐR của CTĐT và chỉnh sửa, đảm bảo các CĐR đều có thể đo lường thuận lợi, làm cơ sở cho thiết kế CTDH.

Nhà trường/Khoa cần có hướng dẫn, tập huấn cho GV về cơ sở khoa học và cách thức xây dựng các ma trận kết nối giữa các học phần với CĐR của CTĐT, giữa CĐR với mục tiêu của CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 1.2

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 1.2 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 1.3: CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 1.3

CĐR của CTĐT ngành XHH được ban hành năm 2018, được rà soát, chỉnh sửa năm 2020. Từ minh chứng và thông qua phỏng vấn các BLQ cho thấy, quá trình xây dựng và rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT Khoa và học viện đã áp dụng và thực hiện tốt theo Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH, ngày 22/4/2010 của Bộ GD&ĐT. Thực hiện quy định, hướng dẫn và kế hoạch của Học viện về việc rà soát, chỉnh sửa, đổi mới CTĐT, trong đó bao gồm CĐR và những yêu cầu về khảo sát ý kiến các BLQ (QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT, ngày 22/05/2018; số QĐ số 2643/QĐ-HVBC&TT, ngày 29/4/2020 và HD số 3094/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày 18/6/2018; số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày 29/4/2020; KH số 3056/KH-HVBC&TT, ngày 15/05/2020), năm 2018 và năm 2020 Khoa XHH đã tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ dưới một số hình thức như: tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, phát phiếu hỏi... phục vụ cải tiến chất lượng đào tạo, trong đó có cải tiến CĐR và CTĐT. Các khảo sát đã đề cập đến việc đánh giá CĐR hiện có và đề xuất yêu cầu điều chỉnh CĐR, yêu cầu đối với năng lực nghề nghiệp phẩm chất đạo đức của SV tốt nghiệp... Các ý kiến, các đề xuất, các yêu cầu thu được từ khảo sát đã được phân tích và được chuyển tải vào nội dung CĐR của sự CTĐT.

Phù hợp với quy định của Học viện, trong giai đoạn KĐCLGD, CĐR của CTĐT ngành XHH được xem xét, điều chỉnh vào năm 2018 và năm 2020 để đảm bảo sự thích ứng của CTĐT với nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT được phê duyệt năm 2018 có 32 chuẩn, phân bố theo 3 phần: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; chuẩn ngoại ngữ phải đạt bậc 4/6 (B2). CĐR của CTĐT được phê duyệt năm 2020 có điều chỉnh một số nội dung: số lượng CĐR được khái quát thành 13 chuẩn, chuẩn ngoại ngữ yêu cầu đạt bậc 3/6 (B1), vị trí việc làm trong tương lai mà người học tốt nghiệp có thể đảm nhận cũng được xác định rõ ràng và đầy đủ hơn, phù hợp với yêu cầu và đề xuất của các BLQ, nhất là yêu cầu của người học và người học tốt nghiệp.

CĐR của CTĐT ngành XHH được công bố công khai, được phổ biến rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau đề các BLQ như người học, GV, chuyên gia, NSDLĐ,... có thể dễ dàng tiếp cận được. CĐR được công bố trên cổng thông tin điện tử của Học viện (<https://ajc.hcma.vn>); được thông báo trong các cuộc họp khoa; hồ sơ về CTĐT ngành XHH và CĐR được lưu tại Khoa XHH&PT. Đối với người học, CĐR được công bố ở buổi sinh hoạt định hướng đầu khóa, buổi họp lớp cùng CVHT và GVCN.

2. Tồn tại của tiêu chí 1.3

Học viện/Khoa chưa tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ, nhất là ý kiến của NSDLĐ cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 1.3:

Học viện/Khoa cần tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ, nhất là ý kiến của người sử dụng lao động cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 1.3

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 1.3 đạt mức: 4/7.

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 1:

+ Điểm mạnh cơ bản

CTĐT cử nhân ngành XHH được ban hành trong chu kỳ KĐCLGD đã xác định rõ ràng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với Sứ mệnh và Tầm nhìn của Học viện đến năm 2050 là “trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới”, đồng thời cũng đã đáp ứng các yêu cầu trong mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ Quốc gia.

CĐR ngành XHH được xác định rõ ràng với các nội dung về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm, đã thể hiện được mục tiêu của CTĐT trong 13 CĐR. Ma trận kết nối giữa các học phần với CĐR cho biết sự đóng góp của các học phần hình thành các kiến thức, những kỹ năng cụ thể, và hình thành năng lực cho người học.

CĐR của CTĐT ngành XHH phản ánh được yêu cầu của xã hội thông qua việc tham khảo ý kiến của các BLQ khi xây dựng, đổi mới CĐR. Các ý kiến, các đề xuất, các yêu cầu thu được từ khảo sát các BLQ đã được phân tích và được chuyển tải vào nội dung CĐR của CTĐT.

CĐR của CTĐT ngành XHH đã được rà soát, được điều chỉnh và được công bố công khai bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các BLQ như người học, GV, chuyên gia, người sử dụng lao động,... dễ dàng tiếp cận.

+ Điểm tồn tại cơ bản

Một số mục tiêu cụ thể trùng lặp với CĐR.

Một số CĐR được xác định khá chung chung, khó lượng hóa đo lường để đánh giá mức độ đạt được CĐR của người học.

Học viện/Khoa chưa tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ, nhất là ý kiến của người sử dụng lao động cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

+ Kiến nghị

Trong quá trình xây dựng và cập nhật CTĐT theo định kỳ, Học viện/Khoa nên phổ biến và tập huấn rộng rãi để CBGV thấu hiểu nội dung, bản chất mục tiêu CTĐT/học phần, CĐR của CTĐT/học phần, bản mô tả CTĐT, CTDH...

Cần rà soát từng CĐR của CTĐT và chỉnh sửa để sao cho các CĐR đều có thể đo lường thuận lợi, làm cơ sở cho thiết kế CTDH.

Học viện/Khoa cần tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ, nhất là ý kiến của người sử dụng lao động cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 1	<i>Tiêu chí 1.1</i>				4				4,00
	<i>Tiêu chí 1.2</i>				4				
	<i>Tiêu chí 1.3</i>				4				

TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CTĐT

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 2.1

Trước năm 2018, Học viện đã công bố CTĐT ngành XHH, trong đó có các nội dung của Bản mô tả CTĐT. Năm 2018, theo quy định của Bộ GD&ĐT, bên cạnh việc ban hành CTĐT, Khoa đã xây dựng Bản mô tả CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành XHH được ban hành năm 2020 có đủ các thông tin theo quy định: tên CTĐT; tên văn bằng, thời gian đào tạo, mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng, phương pháp đánh giá, mô tả học phần...

Thực hiện Quyết định, Hướng dẫn/Kế hoạch của Học viện (QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT, ngày 22/05/2018; KH số 3056/KH-HVBC&TT, ngày 15/05/2020...), định kỳ Khoa XHH&PT đã tiến hành rà soát và cải tiến CTĐT, bao gồm nội dung Bản mô tả CTĐT. Do vậy, Bản mô tả CTĐT đã thường xuyên được cập nhật với những vấn đề mới

của lĩnh vực chuyên ngành trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các BLQ và tham khảo, đối sánh với CTĐT ngành XHH của các trường đại học trong và ngoài nước, như CTĐT ngành XHH của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội, CTĐT ngành XHH của Singapore University of Social Sciences...

So với năm 2016 Bản mô tả CTĐT năm 2018 có đổi mới về kết cấu và nội dung CTDH: đã tăng thời lượng của CTDH từ 128 tín chỉ lên 130 tín chỉ, cắt giảm thời lượng khối kiến thức đại cương từ 59 tín chỉ xuống còn 47 tín chỉ, tăng thời lượng của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp từ 69 tín chỉ lên 83 tín chỉ. Kèm theo đó là sự cắt giảm hoặc bổ sung thêm thời lượng của một số học phần hoặc thêm các học phần phù hợp. Bản mô tả CTĐT năm 2020 so với năm 2018 không thay đổi nhiều về kết cấu; sự điều chỉnh chủ yếu ở các học phần tự chọn và ở việc bổ sung và hoàn thiện các ma trận kết nối giữa các học phần với CDR, ma trận giữa PP dạy và học với CDR, ma trận kết nối KTĐG với CDR...; đã điều chỉnh mục tiêu cụ thể và CDR; đã cập nhật trong mô tả các học phần.

2. Tồn tại của tiêu chí 2.1

CTĐT ngành XHH ban hành năm 2018 đã được Học viện phê duyệt và ban hành, song chưa được công bố chính thức trên Website của Học viện.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 2.1

Học viện cần có giải pháp phù hợp để công bố công khai và chính thức Bản mô tả CTĐT ngành XHH.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 2.1

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 2.1 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 2.2

Dựa trên Bản mô tả CTĐT, Khoa XHH&PT đã triển khai xây dựng ĐCHP cho tất cả các học phần trong CTĐT theo hướng dẫn và quy định của Học viện và của Bộ GDĐT. Tất cả các ĐCHP có đầy đủ thông tin: Tên học phần, tên đơn vị phụ trách, tên GV đảm nhận giảng dạy, số tín chỉ của học phần, mục tiêu và CDR, ma trận kết nối CDR và nội dung học phần; lịch trình, nội dung giảng dạy, tài liệu đọc bắt buộc, tài liệu

đọc tham khảo trong từng buổi học; PP dạy - học, PP KTĐG... (CTĐT ngành XHH các phiên bản năm 2016, 2018 và 2020).

Thực hiện QĐ, Hướng dẫn và Kế hoạch của Học viện (QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT, ngày 22/05/2018; KH số 6521/KH_HVBC&TT ngày 28/12/2018; KH số 3900/ KH-HVBC&TT ngày 30/6/2020; HD số 2646/HD-HVBCT, ngày 09/7/2020), định kỳ Khoa XHH và phát triển đã tiến hành rà soát và cải tiến CTĐT, cùng với đó là tất cả các ĐCHP của CTĐT. Trong giai đoạn đánh giá, Khoa đã 3 lần rà soát, cập nhật các đề cương học phần vào các năm 2016, 2018 và năm 2020. Trong phiên bản năm 2018, Khoa đã bổ sung CĐR của học phần, ma trận kết nối giữa nội dung các học phần với CĐR của học phần. Đợt rà soát, cập nhật năm 2020, các học phần đều được tham chiếu, đối sánh và cập nhật theo CĐR mới của CTĐT; đã bổ sung, hoàn thiện hơn ma trận liên kết nội dung học phần với CĐR của học phần, ma trận phương thức KTĐG với CĐR của học phần... các ĐCHP đã hoàn thiện hơn, đã bổ sung các phần các mục còn thiếu và được trình bày theo đúng mẫu hướng dẫn của Học viện.

2. Tôn tại của tiêu chí 2.2

Đề cương học phần của CTĐT cử nhân ngành XHH sau rà soát, chỉnh sửa năm 2018 và năm 2020 chưa có sự phê duyệt của BGĐ Học viện.

Hầu hết các ĐCHP đều không ghi ngày tháng năm biên soạn hay ký phê duyệt của Trưởng Khoa; trong phiên bản công bố năm 2018 ở một số đề cương học phần ghi học liệu được xuất bản vào năm 2019 (ví dụ, học phần: Tuyên truyền vận động các vấn đề xã hội, Thiết kế nghiên cứu, An sinh xã hội...).

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 2.2

Nhà trường/Khoa cần có giải pháp thích hợp để sớm khắc phục những bất cập trong phê duyệt và ban hành ĐCHP bằng những văn bản chính thức của Học viện. Cần rà soát kỹ, chỉnh sửa lại những lỗi phi logic trong các ĐCHP công bố năm 2018 và tránh lặp lại lỗi này trong rà soát, chỉnh sửa ĐCHP lần tới.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 2.2

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 2.2 đạt mức: 3/7.

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 2.3

Trong giai đoạn 2016-2020, Bản mô tả CTĐT, CDR của CTĐT ngành XHH sau khi được điều chỉnh, cập nhật đã được Học viện phê duyệt và ban hành (QĐ số 3907-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 20/09/2020; số 4969-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 26/10/2018). Bản mô tả CTĐT năm 2020 được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như: đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Học viện (<https://ajc.hcma.vn>), trên trang Fanpage của Khoa XHH&PT và được phổ biến cho người học vào các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa học; bản in của CTĐT được lưu tại Khoa và Ban QLĐT. Ngoài ra Bản mô tả CTĐT ngành XHH còn được phổ biến đến các BLQ khác thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh hằng năm.

Tất cả ĐCHP trong CTĐT đang được giảng dạy các khóa đều được công bố công khai trên cổng thông tin của Học viện; bản in được lưu tại văn phòng Khoa và được GV phụ trách từng học phần phổ biến, cung cấp cho SV ngay buổi đầu tiên giới thiệu học phần.

Các BLQ như cơ quan quản lý, NSDLĐ, GV, người học, cựu người học đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT dễ dàng và thuận tiện.

2. Tồn tại của tiêu chí 2.3

Qua trao đổi và quan sát thực tế, vẫn còn một số CB, GV và người học chưa nắm được cấu trúc, nội dung của Bản mô tả CTĐT, chưa phân biệt được những khác biệt cơ bản giữa Bản mô tả chương trình và CTĐT.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 2.3

Học viện/Khoa cần phổ biến rộng rãi trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Học viện/ Khoa những kiến thức cơ bản, cần thiết liên quan đến CTĐT, CDR và Bản mô tả CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 2.3

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 2.3 đạt mức: 4/7.

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 2:

+ Điểm mạnh cơ bản

Bản mô tả CTĐT ngành XHH được phê duyệt năm 2020 có đủ các thông tin theo quy định; đã cập nhật với những vấn đề mới của lĩnh vực ngành đào tạo thông qua việc

tham khảo ý kiến của các BLQ, cũng như tham khảo CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong và ngoài nước.

Khoa XHH&PT đã triển khai xây dựng đề cương cho tất cả các học phần trong CTĐT theo quy định của Học viện, phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT. Tất cả các ĐCHP đã ghi khá đầy đủ thông tin cần thiết.

Trong giai đoạn 2016-2020, Khoa đã 3 lần rà soát các đề cương học phần. Sau lần rà soát năm 2020, Khoa đã điều chỉnh, cập nhật, cải tiến CTDH theo hướng phù hợp hơn với quy định của Bộ GD&ĐT, sau đó được Học viện phê duyệt và ban hành CTĐT, kèm theo là các ĐCHP.

Các BLQ như CB, GV, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách thuận tiện thông qua cổng thông tin của Học viện, trang fanpage của Khoa XHH&PT; bản in CTĐT được lưu tại văn phòng Khoa.

+ Điểm tồn tại cơ bản

Đề cương học phần của CTĐT ngành XHH sau rà soát, chỉnh sửa năm 2018 và năm 2020 chưa có sự phê duyệt của BGĐ Học viện.

Xem xét đề các cương học phần, Đoàn ĐGN nhận thấy, hầu hết các đề cương đều không ghi ngày tháng năm biên soạn hay ký phê duyệt của Trưởng Khoa; trong phiên bản công bố năm 2018 ở một số đề cương học phần ghi học liệu được xuất bản vào năm 2019 (ví dụ, học phần: Tuyên truyền vận động các vấn đề xã hội, Thiết kế nghiên cứu, An sinh xã hội...)...

Qua trao đổi và quan sát thực tế, Đoàn ĐGN nhận thấy, vẫn còn một số CBGV và người học chưa nắm được cấu trúc, nội dung của Bản mô tả CTĐT, chưa phân biệt được những khác biệt cơ bản giữa Bản mô tả chương trình và CTĐT.

+ Kiến nghị

Nhà trường/Khoa cần có giải pháp thích hợp để sớm khắc phục những bất cập trong phê duyệt và ban hành đề cương học phần như văn bản chính thức của Học viện; cần rà soát kỹ tất cả các đề cương học phần công bố năm 2018 để chỉnh sửa những lỗi phi logic trong đề cương.

Học viện/Khoa cần phổ biến rộng rãi trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Học viện/ Khoa những kiến thức cơ bản, cần thiết liên quan đến CTĐT, CDR và Bản mô tả CTĐT.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.1				4				3,67
	Tiêu chí 2.2			3					
	Tiêu chí 2.3				4				

TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CTDH

Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CDR.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 3.1

CDR của CTĐT ngành XHH được thiết kế và hoàn thiện theo yêu cầu từ các văn bản quản lý của Bộ GDĐT và Học viện, gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với GDDH (QĐ số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016). CDR của CTĐT ngành XHH phê duyệt năm 2020 bao gồm 13 CDR thành phần, trong đó có 6 CDR về kiến thức, 5 CDR về kỹ năng, 2 CDR về mức tự chủ và năng lực trách nhiệm. Bảng Ma trận quan hệ giữa các khối kiến thức và CDR của CTĐT trong CTDH thể hiện mức độ đáp ứng các CDR của các khối kiến thức (khối kiến thức chung, khối kiến thức chuyên ngành), kỹ năng (kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp), năng lực tự chủ và trách nhiệm (phẩm chất, ý thức).

CTDH của năm học 2020-2021 được xây dựng, điều chỉnh với 130 tín chỉ dựa trên yêu cầu của CDR, phù hợp với mục tiêu đào tạo. Ma trận kỹ năng kết nối các học phần của CTDH với 13 CDR được Khoa xây dựng đã cho thấy mối liên kết giữa CDR với các học phần. Khi rà soát, cải tiến CTDH vào năm 2020, Khoa đã dựa vào CDR của CTDH để thiết kế nội dung và cấu trúc của CTDH với các học phần tương ứng trên cơ sở phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Ví dụ, để đáp ứng yêu cầu cao của CDR về kiến thức lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn (PLO2), Khoa đã thiết kế học phần: Pháp luật đại cương (2 tín chỉ), Chính trị học (2 tín chỉ), Thể chế chính trị thế giới đương đại (2 tín chỉ), Dân tộc học đại cương (2 tín chỉ)...; hoặc để đáp ứng yêu cầu CDR nhằm nắm vững và vận dụng các kiến thức XHH để phân tích chuyên

sâu về truyền thông, dư luận xã hội (PL04), Khoa đã thiết kế các học phần: Xã hội học với công tác truyền thông (2 tín chỉ), Các vấn đề xã hội đương đại (2 tín chỉ) ...

Kết quả nghiên cứu minh chứng cho thấy, Khoa/GV đã xác định tổ hợp các PP giảng dạy và học tập của người học phù hợp: đối với các học phần lý thuyết, GV sẽ thuyết trình, nêu vấn đề, tổ chức thảo luận nhóm, giảng lý thuyết dựa theo phân tích tình huống/vấn đề, cho SV thuyết trình kết quả thảo luận... Đối với các học phần thực hành, thực tập, SV cần tiếp xúc với thực tế, trải nghiệm tại các cộng đồng, cơ quan, doanh nghiệp theo các yêu cầu của nhiệm vụ về các vấn đề xã hội cần giải quyết đối với một cử nhân XHH...

Phương thức KTĐG KQHT cũng được cụ thể hóa trong ĐCHP, phù hợp với đặc thù của từng môn học: có đánh giá quá trình và đánh giá cuối học phần với các hình thức phù hợp như làm bài tập tình huống, vấn đáp, hoặc thi tự luận, hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận, hoặc báo cáo chuyên đề. Các hình thức KTĐG KQHT của người học với các thang điểm cụ thể cũng được xác định phù hợp để đánh giá mức độ đạt CĐR. Cơ cấu điểm học phần/phương thức đánh giá, và trọng số do Học viện/Khoa quy định tùy thuộc vào loại học phần hướng đến CĐR của học phần và của CTĐT.

Khoa đã xây dựng ma trận kết nối giữa PP KTĐG và CĐR của học phần, qua đó cho biết việc kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần có đóng góp cho việc đạt được CĐR nào của CTĐT. GV có sổ đầu bài để thực hiện và theo dõi tiến trình của các hoạt động dạy học theo ĐCHP học phần và theo dõi được thái độ học tập và tính chuyên cần của SV.

2. Tồn tại của tiêu chí 3.1

Ý kiến của CB, GV trong trao đổi với Đoàn ĐGN cho thấy tính liên thông, liên kết giữa các CTDH trong Học viện chưa cao, chưa tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho SV học song bằng, bằng thứ hai hoặc học chuyển đổi ngành khi học lên cao.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 3.1

Học viện cần tổ chức xây dựng một số CĐR chung cho các CTĐT trong Học viện, dựa vào đó các Khoa thiết kế CTDH, đảm bảo tính liên thông cao giữa các CTĐT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV học song bằng, bằng thứ hai hoặc học chuyển đổi ngành khi học lên cao.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 3.1

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 3.1 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 3.2

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành XHH đã có đề cương. CDR của từng học phần thể hiện sự tương thích về nội dung và sự đóng góp của học phần vào CDR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm. Ma trận tích hợp các học phần với CDR đã thể hiện sự kết nối giữa nội dung của học phần với các CDR của CTDH. Mỗi học phần trong CTDH đều có đóng góp nhất định về nội dung vào việc đạt CDR.

CTDH ban hành năm 2020 có thời lượng 130 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục An ninh Quốc phòng), được chia ra: khối kiến thức giáo dục đại cương có 47 tín chỉ (chiếm 36,15%) chủ yếu đáp ứng yêu cầu kiến thức cơ bản về lý luận Chủ nghĩa Mác -- Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh và Khoa học xã hội... của CDR: PLO1, PLO2 và CDR về kỹ năng: PLO8, PLO9 cùng CDR về mức độ tự chủ và trách nhiệm: PLO12, PLO13; khối kiến thức cơ sở ngành có 22 tín chỉ (chiếm 16,9%) chủ yếu đáp ứng yêu cầu kiến thức nền tảng về lý thuyết, lịch sử, PP nghiên cứu XHH... của CDR: PLO2, PLO3, PLO4 và CDR về kỹ năng: PLO9, PLO10, PLO11, cùng CDR về mức độ tự chủ và trách nhiệm: PLO12, PLO13;... Hầu hết các học phần đều được thiết kế nhằm đáp ứng yêu cầu CDR kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và CDR về mức độ tự chủ và trách nhiệm.

Trong các ĐCHP, Khoa cũng đã xây dựng ma trận kỹ năng kết nối nội dung của học phần với CDR của học phần, theo đó sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt CDR của CTĐT được xác định.

Tất cả ĐCHP đều ghi rõ tổ hợp PP dạy và học phù hợp. Trên cơ sở tổ hợp các PP dạy và học được ghi nhận đó, Khoa đã xây dựng ma trận tích hợp PP dạy và học với CDR. Theo đó, các PP dạy, học đều có đóng góp cho việc đạt được CDR phù hợp của CTĐT.

Để đánh giá mức độ đạt được CDR của người học, trong đề cương của mỗi học phần đều ghi nhận phương thức KTĐG KQHT của người học phù hợp với từng loại: kiểm tra thường xuyên, bài tập và thi kết thúc học phần. Ma trận kết nối giữa phương

thức KTĐG với CĐR cũng được thiết lập. Cách thức kiểm tra/thi được lựa chọn phù hợp với từng học phần để đánh giá được năng lực của SV nhằm đạt CĐR của học phần.

Thực hiện thông báo của Học viện, Khoa đã định kỳ tổ chức rà soát, điều chỉnh CTĐT; đã tiến hành họp Bộ môn, họp Hội đồng Khoa, tổ chức hội nghị, hội thảo với các chuyên gia, người sử dụng lao động, SV để xem xét và điều chỉnh CTĐT. Trong đợt rà soát và điều chỉnh CTĐT năm 2020, ngoài tham khảo ý kiến của SV, SV tốt nghiệp và GV, Khoa đã mời các chuyên gia, NSDLĐ, cựu SV đóng góp ý kiến phục vụ điều chỉnh CTĐT. Ví dụ, năm 2020, Khoa đã khảo sát người sử dụng lao động tốt nghiệp từ CTĐT về sự hài lòng với mức đạt được CĐR của SV tốt nghiệp; kết quả điểm trung bình sự hài lòng đạt được là 4,27/5 về kiến thức chuyên ngành của người học tốt nghiệp; 4,2/5 về kiến thức nền tảng; 4,21/5 về kỹ năng chuyên ngành.

2. Tồn tại của tiêu chí 3.2

Ma trận kết nối giữa PPGD, PP KTĐG của các học phần với CĐR của CTĐT còn đơn giản, chưa thể hiện được mức độ đóng góp của từng học phần cụ thể vào việc đạt được các kỹ năng cần thiết.

Khoa chưa thật quan tâm đến việc thu thập ý kiến của NSDLĐ đóng góp cho việc cải tiến, cập nhật nội dung các học phần.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 3.2

Cần chú ý hơn trong xây dựng ma trận kết nối giữa PP KTĐG của các học phần với CĐR để thể hiện được mức độ đóng góp của các hình thức dạy học, KTĐG với CĐR.

Cần quan tâm hơn nữa đến thu thập ý kiến của NSDLĐ đóng góp cho việc cải tiến, cập nhật nội dung các học phần.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 3.2

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 3.2 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 3.3

CTDH của ngành XHH có cấu trúc, trình tự tương đối logic gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CĐR của CTĐT, Ma trận quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT,

Ma trận quan hệ giữa các học phần và CDR của CTĐT, PP dạy học, PP KTĐG, nội dung chương trình, kế hoạch tổ chức đào tạo.

CTDH ngành XHH ban hành vào năm 2020 bao gồm: kiến thức giáo dục đại cương với 47 tín chỉ chiếm 36,15% thời lượng, kiến thức cơ sở ngành có 22 tín chỉ chiếm 16,9%, kiến thức ngành và bổ trợ có 32 tín chỉ chiếm 24,55%, kiến thức chuyên ngành có 29 tín chỉ, chiếm 22,4% thời lượng. Kết cấu các khối kiến thức của CTDH đã hình thành khối thống nhất, đảm bảo tính logic từ các kiến thức chung đến kiến thức cụ thể, chuyên sâu, phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

100% ĐCHP các học phần đều ghi rõ thời lượng, các học phần tiên quyết, hoặc các yêu cầu khác để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy học phần. Trong CTDH ngành XHH, Khoa đã lập bảng Kế hoạch dạy học toàn khóa, trong đó kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở khối ngành được bố trí giảng dạy trong hai năm đầu. Các kiến thức ngành, chuyên ngành được giảng dạy vào các năm sau; việc bố trí các học phần ở các học kỳ cũng đều phải tuân thủ mối quan hệ giữa các học phần. Nhìn chung, việc thiết kế và kế hoạch đào tạo được xây dựng đảm bảo tính hợp lý và logic, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu.

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa đã thực hiện 3 lần rà soát, đổi mới CTDH vào các năm 2016, 2018 và năm 2020. Trong lần rà soát năm 2018, Khoa đã cắt giảm thời lượng của khối kiến thức giáo dục đại cương từ 59 tín chỉ của CTDH năm 2016 xuống còn 47 tín chỉ, đồng thời tăng thời lượng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp từ 69 tín chỉ lên 83 tín chỉ; bổ sung nhiều học phần thuộc lĩnh vực chuyên môn của XHH. Năm 2020, Khoa đã rà soát điều chỉnh CTDH theo hướng giữ nguyên thời lượng 130 tín chỉ của CTDH năm 2018, sự thay đổi chủ yếu ở kết cấu trong các khối kiến thức và bổ sung thêm học phần: Thực tế kinh tế - chính trị xã hội (2 tín chỉ).

Khi đổi mới CTĐT, Khoa đã tham khảo, đối sánh CTĐT ngành XHH của Học viện với một số cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước để đảm bảo tính tích hợp và linh hoạt. Đợt chỉnh sửa CTDH năm 2020, Khoa đã tham khảo và đối sánh với CTĐT cùng ngành của Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc ĐHQG Hà Nội và của University of Social Sciences. Học viện/Khoa đã khảo sát ý kiến của SV trước khi tốt nghiệp về CTĐT, của người sử dụng lao động về năng lực của SV tốt nghiệp, về CDR của CTĐT.

2. Tồn tại của tiêu chí 3.3

Trong trao đổi với CBGV và SV của Học viện về việc bố trí các học phần trong CTDH, một số ý kiến cho rằng việc tập trung bố trí các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành (chủ yếu là các học phần mang nặng lý thuyết) trong 3 học kỳ đầu đã làm giảm sự hứng thú của người học, gây ra tình trạng chán học, bỏ học ở SV.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 3.3

Học viện và Khoa nên xem xét các trường hợp cụ thể trong CTDH, để bố trí xen kẽ các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trên cơ sở vừa đảm bảo tính logic trong cấu trúc của CTDH vừa đảm bảo sự hứng thú trong học tập cho SV.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 3.3

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 3.3 đạt mức: 4/7.

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 3:

+ Điểm mạnh cơ bản

Dựa vào các CDR của CTĐT, Khoa đã thiết kế nội dung và cấu trúc của CTDH với các học phần tương ứng trên cơ sở phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT và của Học viện. Khoa/GV đã xác định tổ hợp các PP dạy, học và PP KT&DG người học phù hợp với, các học phần lý thuyết, học phần thực hành, kiến tập, thực tập.

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành XHH đã có ĐCHP, trong đó CDR của từng học phần đã thể hiện được sự tương thích về nội dung và mức đóng góp của học phần vào CDR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm. Ma trận kỹ năng được Khoa xây dựng đã thể hiện sự kết nối giữa nội dung của học phần với các CDR của CTDH.

Tất cả ĐCHP đều ghi rõ PP dạy và học hướng đến đánh giá mức độ đạt được CDR của người học: trong ĐCHP của mỗi học phần đều có các rubrics đánh giá KQHT phù hợp bao gồm kiểm tra thường xuyên, thi giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

CTDH ngành XHH được thiết kế theo quy định của Bộ GD&ĐT, bao gồm: kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành và cuối cùng là thi tốt nghiệp hoặc thực hiện khóa luận tốt nghiệp; 100% ĐCHP đều ghi rõ các học phần tiên quyết hoặc các điều kiện khác và được bố trí giảng dạy vào các thời

điểm thích hợp của khóa học để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy học phần.

+ Điểm tồn tại cơ bản

Tính liên thông, liên kết giữa các CTDH trong Học viện chưa cao, chưa tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho SV học song bằng, bằng thứ hai hoặc học chuyển đổi ngành khi học lên cao.

Ma trận kết nối giữa PPGD, PP KTĐG của các học phần với CDR của CTĐT còn đơn giản, chưa thể hiện được mức độ đóng góp của từng học phần cụ thể vào việc đạt được các kỹ năng cần thiết.

Việc thu thập ý kiến của NSDLĐ đóng góp cho việc cải tiến, cập nhật nội dung các học phần chưa được chú trọng.

+ Kiến nghị

Học viện cần tổ chức xây dựng một số CDR chung cho các CTĐT trong Học viện, dựa vào đó các Khoa thiết kế CTDH, đảm bảo tính liên thông cao giữa các CTĐT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV học song bằng, bằng thứ hai hoặc học chuyển đổi ngành khi học lên cao.

Cần chú ý hơn trong xây dựng ma trận kết nối giữa PP KTĐG của các học phần với CDR để thể hiện được mức độ đóng góp của các hình thức dạy học, KTĐG với CDR.

Cần quan tâm hơn nữa đến thu thập ý kiến của NSDLĐ đóng góp cho việc cải tiến, cập nhật nội dung các học phần.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 3	<i>Tiêu chí 3.1</i>				4				4,00
	<i>Tiêu chí 3.2</i>				4				
	<i>Tiêu chí 3.3</i>				4				

TIÊU CHUẨN 4: PP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 4.1

Mục tiêu giáo dục của Học viện đã được xác định trong Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (QĐ số 6528/QĐ-HVBC&TT ngày 31/12/2018) là: “...đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng văn hóa, báo chí truyền thông tại Việt Nam và khu vực”

Mục tiêu giáo dục trong Chiến lược phát triển của Học viện khi xây dựng đã được thảo luận trong các hội nghị giao ban và các hội nghị khác của Học viện, tại các cuộc họp của Khoa và được phổ biến rộng rãi cho các CB, GV, NV, người học và tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở Mục tiêu chiến lược của Học viện, Khoa đã phát triển CTĐT ngành XHH theo tinh thần trung thực và trách nhiệm, giáo dục người học có khả năng làm việc trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng văn hóa, truyền thông, có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của thời đại; giảm thời lượng lý thuyết, hoặc thay đổi PP học tập phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động...

Mục tiêu này của Học viện, được công bố bằng văn bản; được công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường và trang trang fanpage của Khoa; được gửi đến CBGV, NV qua đường công văn. Mục tiêu chiến lược đã được phổ biến đến người học thông qua sinh hoạt công dân đầu khóa, được phổ biến ở các buổi đối thoại giữa người học và lãnh đạo Khoa/lãnh đạo Học viện; thông qua Sổ tay SV; thông qua các bài phát biểu trong các sự kiện đã truyền tải tới người học, cựu người học và các doanh nghiệp.

2. Tồn tại của tiêu chí 4.1

Học viện chưa công bố Triết lý giáo dục, trong khi Mục tiêu giáo dục của Học viện được phát biểu song chưa thật rõ ràng, tường minh, còn lẫn vào mục tiêu Chiến lược phát triển của Học viện, vào Sứ mạng, Tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện. Học viện cũng chưa có văn bản hướng dẫn việc lồng ghép giá trị giáo dục vào nội dung CTĐT trong quá trình thiết kế, cập nhật CTĐT.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 4.1

Học viện cần sớm xây dựng và công bố Triết lý giáo dục, cần làm rõ hơn về nội dung Mục tiêu giáo dục của Học viện; cần có văn bản hướng dẫn việc lồng ghép giá trị giáo dục vào nội dung CTĐT trong quá trình thiết kế, cập nhật CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 4.1

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 4.1 đạt mức: 3/7.

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 4.2

Tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học được Khoa/Bộ môn thảo luận và lựa chọn, phù hợp với từng học phần để đạt được CDR và được thể hiện trong các ĐCHP. Sự đóng góp của các hoạt động dạy, học để đạt CDR được thể hiện trong ma trận kết nối PPGD với CDR của CTDH. Theo đó, các hoạt động giảng dạy phân biệt rõ ràng đối với các học phần mang tính lý thuyết và thực hành, thực tập. Đối với các học phần lý thuyết hoạt động giảng dạy chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích tình huống/vấn đề, mô phỏng... Ví dụ, trong CTDH phê duyệt năm 2020 các hoạt động/tổ hợp PPGD thông qua thuyết giảng và thảo luận nhóm giúp SV đạt được các CDR: PLO1, PLO2, PLO3, PLO4 PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10 và PLO11, PLO13; PP nghiên cứu trường hợp giúp cho SV đạt được các CDR: PLO3, PLO4. ... Ở các học phần thực hành, thực tập SV học qua trải nghiệm thực tế tại các địa phương, các cộng đồng, các tổ chức, các cơ sở xã hội... để thực hành việc nắm bắt, phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội, xử lý tình huống phát sinh trên thực tế, đảm bảo sự tương tác giữa SV với GV trong suốt quá trình học thực tập.

Hoạt động NCKH của SV ngành XHH (8 đề tài với 33 lượt SV tham gia) cũng giúp SV trải nghiệm thực tế, thực hành kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề của thực tế xã hội.

Ngoài ra, người học còn được hoạt động theo nhóm để thực hành các kỹ năng giao tiếp, phối hợp trong nhóm đáp ứng yêu cầu của các CDR về kỹ năng nghề nghiệp, về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy và cách thức quyết vấn đề, về đạo đức nghề nghiệp... Trong đại dịch Covid vừa qua, Học viện đã ban hành Quy định tạm thời về áp dụng hình thức đào tạo từ xa tại Học viện (QĐ số 1165-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 31/3/2020); hầu hết các học phần trong CTDH được triển khai giảng dạy trực tuyến. Điều đó giúp Khoa đảm bảo tiến độ kế hoạch đào tạo, giúp SV vừa tránh dịch, vừa tiếp cận các nguồn học liệu đa dạng, theo đó PP KTĐG cũng đã được cải tiến phù hợp.

Trong các ĐCHP còn có hướng dẫn rõ ràng về các hoạt động học tập của SV: SV nghe bài giảng, thảo luận, giải quyết các vấn đề do GV giao; tự đọc tài liệu, làm bài tập,

chuẩn bị nội dung thảo luận; nhóm SV tìm hiểu đề tài, phân công từng thành viên thực hiện; tự thực hiện khảo sát thực tế, tìm kiếm thông tin tài liệu trên internet và viết báo cáo theo hướng dẫn của giảng viên. Nhiệm vụ của SV ở từng học phần cũng được quy định và hướng dẫn thực hiện.

Nhà trường/Khoa đã khảo sát sự hài lòng của người học về hoạt động/PP giảng dạy của GV. Kết quả khảo sát SV cuối khóa các năm 2018, 2019, 2020 cho thấy, tỷ lệ người học hài lòng về PPDH ở các học phần thuộc CTĐT đều ở mức khá cao. Cụ thể, năm 2018 tỷ lệ hài lòng là 68,7%, năm 2019 tỷ lệ hài lòng là 79,7% và năm 2020 tỷ lệ hài lòng là 80,8%. Kết quả khảo sát người học.

2. Tồn tại của tiêu chí 4.2

Ý kiến của một số NSDLĐ và cựu SV tại các buổi phỏng vấn do Đoàn chuyên gia thực hiện trong thời gian khảo sát phục vụ ĐGN đề nghị: Khoa tăng cường hơn nữa thời lượng cho các học phần thực hành, thực tập; tăng thời lượng ngoại ngữ để SV có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh khi ra trường.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 4.2

Nhà trường/Khoa nên quan tâm đến ý kiến của NSDLĐ và cựu SV trong tổ chức triển khai giảng dạy các học phần thực hành, thực tế và ngoại ngữ một cách hợp lý nhất cả ở mặt thời lượng và thời điểm.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 4.2

(không có).

5. Đánh giá tiêu chí 4.2 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 4.3

Năm 2020 Học viện đã ban hành Hướng dẫn thiết kế PPDH đạt CĐR (HD số 2663/HD/HVBC&TT ngày 09/07/2020), theo đó, các hoạt động dạy và học trong các đề cương học phần của CTĐT ngành XHH đều được thiết kế hướng đến đạt được các kỹ năng trong CĐR. Trong tất cả các ĐCHP ban hành kèm theo CTĐT ngành XHH (phiên bản các năm 2016, 2018, 2020) đều mô tả rõ PPGD và PP học tập được sử dụng cho nội dung của từng chương mục và tương ứng với các chỉ báo thực hiện để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Các PPGD thường được sử dụng

gồm có là PP thảo luận nhóm, PP thuyết giảng tương tác, PP phân tích tình huống, nêu vấn đề, PP mô phỏng,... Các ĐCHP của ngành XHH đều được thiết kế với kiến thức lý thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập, tiểu luận để người học tự nghiên cứu và trình bày vấn đề theo cách hiểu của mình, thể hiện việc rèn luyện kỹ năng tư duy phân biện, thuyết trình, làm việc nhóm, khả năng tự học cho SV thông qua giờ tự học bắt buộc ở nhà, sự tương tác giữa GV và SV trên lớp, các buổi thảo luận nhóm.

100% ĐCHP dành thời gian và hướng dẫn cho người học tự đọc/nghiên cứu tài liệu với thời lượng 1 giờ học lý thuyết trên lớp bằng 2 giờ tự học và 1 giờ học thực hành bằng 0,5 giờ tự học. Các bài tập tại lớp và bài tập về nhà được thiết kế để người học thảo luận, tự học theo nhóm hoặc cá nhân. Đề cương nêu cụ thể các nội dung người học cần tự học/nghiên cứu tại nhà. Các hoạt động phân tích tình huống, nêu vấn đề... yêu cầu SV phải vận dụng năng lực tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo để xây dựng kế hoạch nghiên cứu và giải quyết vấn đề... Những điều đó thúc đẩy người học quan tâm đến các vấn đề của nghề nghiệp, tạo ra động lực cho học tập.

GV ngành XHH đã sử dụng các PPGD phù hợp ở từng học phần nhằm hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học suốt đời. GV đã được hướng dẫn sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến và tổ chức học trực tuyến cho nhiều học phần nhằm phát huy khả năng tự học của người học. Trong các giờ học, GV yêu cầu SV tham gia thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm nhằm giúp họ rèn luyện các kỹ năng giải quyết các vấn đề, tự học, tự nghiên cứu, phát triển khả năng tư duy phân biện, kỹ năng giao tiếp, trình bày, làm việc nhóm...

Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá khác nhau để hướng đến rèn luyện, phát triển các năng lực cơ bản cho học tập suốt đời: năng lực sử dụng kỹ thuật số, năng lực ngoại ngữ, năng lực xã hội và cá nhân, năng lực hiểu biết về khoa học tự nhiên... thông qua giảng dạy trực tiếp, dạy tích hợp và các hoạt động khác.

Quan sát một số giờ học online của SV thuộc CTĐT, Đoàn ĐGN nhận thấy, GV sử dụng tốt các công cụ phục vụ giảng dạy; các slide được thiết kế hấp dẫn, SV tập trung, lắng nghe. Trong phỏng vấn các NSDLĐ do Đoàn chuyên gia thực hiện tại thời điểm khảo sát chính thức phục vụ ĐGN, ý kiến chung cho rằng, SV tốt nghiệp ngành XHH của Học viện có kiến thức chuyên môn tốt, có các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, ứng xử nhanh, linh hoạt, chủ động trong các hoạt động nghề nghiệp.

2. Tồn tại của tiêu chí 4.3

Theo phản ánh của CB, GV, vẫn còn một bộ phận SV chưa tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học; sự hạn chế về cơ sở vật chất như không gian lớp học nhỏ, việc sắp xếp bàn ghế trong lớp học... đã không tạo điều kiện cho GV phát huy tốt các PPDH tích cực.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 4.3

Học viện/Khoa cần có cơ chế, giải pháp thúc đẩy và khuyến khích SV tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học; hỗ trợ GV khắc phục những hạn chế của cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện hiệu quả các PPDH tích cực.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 4.3

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 4.3 đạt mức: 4/7

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 4:

+ Điểm mạnh cơ bản

Trên cơ sở Mục tiêu chiến lược của Học viện, Khoa đã phát triển CTĐT ngành XHH theo tinh thần trung thực và trách nhiệm, giáo dục người học có khả năng làm việc trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng văn hóa, truyền thông, có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của thời đại ...

Tổ hợp các hoạt động dạy học/PPGD được thể hiện trên các đề cương chi tiết học phần. Các hoạt động giảng dạy/PPGD phân biệt rõ ràng đối với các học phần mang tính lý thuyết và thực hành thuộc kiến thức đại cương, cơ sở ngành, kiến thức ngành và thực hành, thực tập.

Nghiên cứu ĐCHP các học phần trong CTĐT của ngành XHH giai đoạn 2016-2021, Đoàn chuyên gia ĐGN nhận thấy, tất cả các đề cương đều nêu rõ được việc sử dụng tổ hợp các PPGD và học tập phù hợp cũng như nhiệm vụ của người học để rèn luyện các kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu của ngành XHH. 100% các học phần đều yêu cầu và dành thời gian cho người học tự đọc/nghiên cứu tài liệu với khoảng thời gian phù hợp theo số tín chỉ của học phần.

GV đã sử dụng các PPGD phù hợp ở từng học phần nhằm hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học suốt đời. Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá để hướng đến rèn luyện, phát triển các năng lực cơ bản cho học tập suốt đời.

+ Điểm tồn tại cơ bản

Học viện chưa công bố Triết lý giáo dục, trong khi Mục tiêu giáo dục của Học viện được phát biểu song chưa thật rõ ràng, còn lẫn vào mục tiêu Chiến lược phát triển của Học viện, vào Sứ mạng, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi của Học viện.

Ý kiến của một số NSDLĐ và cựu SV đề nghị Khoa tăng cường hơn nữa thời lượng cho các học phần thực hành, thực tập; tăng thời lượng ngoại ngữ để SV có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh khi ra trường.

Vẫn còn một bộ phận SV chưa tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học; sự hạn chế về cơ sở vật chất như không gian lớp học nhỏ, việc sắp xếp bàn ghế trong lớp học... đã không tạo điều kiện cho GV phát huy tốt các PPDH tích cực.

+ Kiến nghị

Học viện cần sớm xây dựng và công bố Triết lý giáo dục, cần làm rõ hơn về nội dung Mục tiêu giáo dục của Học viện.

Nhà trường/Khoa nên quan tâm đến ý kiến của NSDLĐ và cựu SV trong tổ chức triển khai giảng dạy các học phần thực hành, thực tế một cách hợp lý nhất cả ở mặt thời lượng và thời điểm.

Học viện/Khoa cần có cơ chế, giải pháp thúc đẩy và khuyến khích SV tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học; hỗ trợ GV khắc phục những hạn chế của cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện hiệu quả các PPDH tích cực.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 4	Tiêu chí 4.1			3					3,67
	Tiêu chí 4.2				4				
	Tiêu chí 4.3				4				

TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.1

Học viện có hệ thống các văn bản về đánh giá KQHT của người học từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp: Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện (QĐ số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định về công tác khảo thí của HVBC&TT (QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/9/2017); Hướng dẫn thiết kế PP KTĐG học phần (HD số 2647/HD-HVBC&TT ngày 09/7/2020); Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi (QĐ số 2648/QĐ-HVBC&TT ngày 09/7/2020); Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp (QĐ số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định phúc khảo bài thi học phần (QĐ số 1117/QĐ-HVBC&TT ngày 09/3/2018)... Ngoài ra, các yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được quy định trong các ĐCHP. Các văn bản đã cho biết rõ quy trình, phương thức, kế hoạch tổ chức KTĐG KQHT của người học và được phổ biến, công khai cho người học trên trang web của Học viện và được thể hiện trong Sổ tay SV.

Công tác đánh giá KQHT của người học đã được Khoa XHH&PT thiết kế nhằm đánh giá năng lực của người học hướng tới đạt được CĐR của từng học phần và qua đó đạt CĐR của CTĐT. Trong các ĐCHP, đã quy định cụ thể các phương thức KTĐG người học với tiêu chí đánh giá theo rubric đánh giá phù hợp; tổ hợp các phương thức KTĐG đều liên kết với CĐR của học phần. Khoa đã xây dựng các tiêu chí cụ thể để đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp và tiêu chí để chấm điểm báo cáo thực tập tốt nghiệp cho SV; Khoa đã có hướng dẫn, tiêu chí và cách thức đánh giá khóa luận tốt nghiệp....

CĐR của mỗi học phần trong CTĐT đều đóng góp vào việc đạt CĐR của CTĐT. Mỗi học phần đều được đánh giá bằng các PP KTĐG khác nhau phù hợp với CĐR của học phần và tương ứng với CĐR của CTĐT cần đạt được. Tài liệu hướng dẫn rà soát/xây dựng CTĐT cũng như xây dựng ĐCHP của Học viện đã quy định những nội dung trên để đảm bảo các PP, công cụ sử dụng trong KTĐG học phần giúp đánh giá được mức độ đạt CĐR của học phần cũng như CĐR của CTĐT (HD số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày 29/04/2020...).

Học viện/Khoa đã sử dụng tổ hợp các PP KTĐG, tùy theo đặc điểm của từng học phần (lý thuyết, thực hành, thực tập tốt nghiệp), xây dựng thang điểm đánh giá kết quả thực hành, thực tập, tiểu luận... ĐCHP từng học phần ghi rõ điểm chuyên cần, điểm bài tập/kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ để đo lường được mức độ đạt CĐR, được xác định trong CĐR học phần và CĐR của CTĐT.

2. Tồn tại của tiêu chí 5.1

Nghiên cứu các ma trận kết nối giữa KTĐG học phần với yêu cầu cần đạt được Đoàn ĐGN nhận thấy, với các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành việc đánh giá phần nhiều chỉ dừng ở mức nhớ, hiểu và phân tích. Trong các ĐCHP, các CDR về thái độ hầu như chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm đánh giá về mức độ chuyên cần của người học.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.1

Học viện/Khoa cần hướng dẫn các đơn vị phụ trách các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành khi xây dựng ma trận kết nối giữa KTĐG học phần với yêu cầu cần đạt được nên mở rộng hơn các yêu cầu ngoài mức nhớ, hiểu và phân tích để phù hợp và đáp ứng tốt nhất Sứ mạng và định hướng phát triển của Học viện. CDR về thái độ cũng không nên chỉ thiết kế gắn với 10% điểm đánh giá mức độ chuyên cần của người học.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.1

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 5.1 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.2

Các quy định về phương thức đánh giá học phần lý thuyết, học phần thực hành, thực tập; quy định số lượng điểm thành phần, công thức tính điểm quá trình, trọng số của điểm quá trình, điểm thi được nêu rõ trong: Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện (QĐ số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định về công tác khảo thí của HVBC&TT (QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 1/9/2017); Hướng dẫn thiết kế PP KTĐG học phần (HD số 2647/HD-HVBC&TT ngày 09/07/2020)... và được cụ thể và chi tiết hóa trong các đề cương học phần.

Hệ thống các văn bản quy định về KTĐG của Học viện như: Đề án tuyển sinh hằng năm, Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện, Quy định về công tác khảo thí, Hướng dẫn thiết kế PP KTĐG học phần, Đề cương học phần, Quy định phúc khảo bài thi học phần, Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp... đã xác định rõ về thời gian thi, với hình thức, PP, tiêu

chí, trọng số... và các nội dung liên quan liên quan đến đánh giá KQHT của người học từ khâu tuyển sinh, đánh giá quá trình học tập các học phần đến khâu tốt nghiệp.

Quy định trong các văn bản đã chỉ rõ, với hình thức thi tự luận kết thúc các học phần có thời lượng 2 tín chỉ là 90 phút, có thời lượng 3 tín chỉ 120 phút, từ 4 tín chỉ trở lên là 180 phút; hình thức đánh giá kết thúc học phần có thể là trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, thuyết trình, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên; KQHT của SV được tính dựa trên các điểm đánh giá thành phần, bao gồm: điểm chuyên cần (trọng số 10%), đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập (trọng số 30%), điểm thi kết thúc học phần (trọng số 60%)... GV có trách nhiệm công bố điểm chuyên cần và điểm thường xuyên ngay khi kết thúc học phần; Học viện/Khoa có trách nhiệm công bố điểm kết thúc học phần và điểm học phần trên phần mềm QLĐT.

Học viện/Khoa công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường: các quy định cụ thể về thời gian, hình thức thi, PP thi, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi, các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học. Đề cương học phần được đưa lên trên cổng thông tin của Trường, SV, GV có thể tải về để nghiên cứu. SV được Học viện/Khoa phổ biến, quán triệt các nội dung trên thông qua hệ thống cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm. Trong đề cương học phần có nội dung đánh giá được GV phổ biến ở giờ đầu tiên của học phần và trong buổi sinh hoạt đầu khóa của Khoa.

Kết quả khảo sát SV ngành XHH trước khi tốt nghiệp cho thấy có 76,6% SV cuối khóa năm 2019 và 77,40% SV cuối khóa năm 2020 hài lòng với công tác KTĐG của Khoa và của Học viện. Kết quả phỏng vấn trực tiếp nhóm SV đang học ngành XHH cho thấy SV đã được GV phổ biến về các ĐCHP và phương thức KTĐG KQHT.

2. Tồn tại của tiêu chí 5.2

Một số quy định trong QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/9/2017 về công tác khảo thí (như quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học) chưa thật phù hợp với quy định trong các văn bản của Bộ GDĐT.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.2

Học viện cần thường xuyên rà soát các văn bản quy định và cập nhật, điều chỉnh các quy định cho phù hợp với các quy định của Bộ GDĐT, nhất là các quy định về tổ chức thi hết học phần, quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.2

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 5.2 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 5.3: PP đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.3

Kết quả nghiên cứu các ĐCHP của CTĐT ngành XHH phê duyệt năm 2020 cho thấy, i) Việc đánh giá KQHT các học phần của người học được thực hiện trong suốt quá trình học tập (kiểm tra thường xuyên, chuyên cần, đánh giá giữa học phần và đánh giá cuối học phần); ii) Hình thức KTĐG đa dạng, từ điểm danh, kiểm tra việc chuẩn bị bài tập và khả năng tham gia tiết học, báo cáo bài luận, bài tập ứng dụng, trắc nghiệm, tiểu luận, báo cáo, thuyết trình, thi vấn đáp, tự luận, thi tự luận kết hợp với trắc nghiệm... và có thang điểm đánh giá phù hợp (việc tổ chức thi kết thúc học các phần của CTĐT năm 2020 có 55,2% số học phần thi tự luận; có 19,4% thi vấn đáp, 17,89% số học phần thi theo làm bài tập lớn; có 2,98% số học phần thi bằng Báo cáo thực tế, 1,49% khóa luận tốt nghiệp); iii) Với các môn học chung đã tổ chức được ngân hàng đề thi; iv) Quy trình thi từ khâu ra đề, chọn, nhân đề, coi thi, chấm thi, quản lý bài thi, điểm thi, chế độ bảo mật được thực hiện theo quy định, đảm bảo sự công bằng trong đánh giá người học.

Các PP KTĐG được sử dụng về cơ bản đảm bảo đánh giá được các yêu cầu của CDR. Mỗi một phương thức đánh giá đều tham chiếu/liên kết đến CDR học phần, đo lường được các yêu cầu. Hằng năm, sau mỗi học kỳ, Nhà trường có báo cáo phân tích KQHT của SV theo từng ngành học, học phần; Khoa đã tổ chức các buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên môn để đánh giá hiệu quả tổ hợp các PP KTĐG được áp dụng trong các học phần, từ đó đề xuất việc cải tiến nhằm đảm bảo đánh giá được các yêu cầu của CDR.

Khoa đã xây dựng phổ điểm đánh giá kết quả học phần của người học ở năm học 2020-2021, từ đó có ý kiến với các GV ra đề thi.

Đoàn Chuyên gia ĐGN đã kiểm tra các túi bài thi của 8 học phần, trong đó 3 học phần thuộc khối kiến thức chung, 4 học phần thuộc khối kiến thức ngành. Nhìn chung các bài thi tự luận đều có cốt phách, có 2 cán bộ chấm thi, bài thi được chấm điểm theo từng ý ở từng điểm theo câu hỏi, việc ghép phách, nhập điểm không nhầm lẫn.

2. Tồn tại của tiêu chí 5.3

Nhà trường/Khoa chưa tổ chức đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của các đề thi kết thúc học phần. Báo cáo phân tích KQHT của SV theo từng học phần còn sơ lược, chưa thể hiện rõ việc đáp ứng yêu cầu đo lường mức độ đạt được CDR của học phần.

Trong năm học 2020-2021, KQHT của người học dù đã được Khoa phân tích phổ điểm, song hiệu quả của việc phân tích chưa được thể hiện rõ ràng cho đề xuất điều chỉnh đề thi và làm cơ sở cho việc chuẩn hóa các câu hỏi của đề thi.

Trong các túi bài thi của 8 học phần được rút ngẫu nhiên để kiểm tra cho thấy có 3 túi bài thi của các học phần thuộc kiến thức đại cương, kiến thức chung không lưu đáp án, đầu phách và có 1 túi không lưu đề thi. Với hình thức thi viết tiểu luận, bài tập lớn đã không thể cắt phách, kết quả điểm đánh giá học phần theo cao hơn hẳn so với các hình thức thi khác.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.3

Hàng năm, từng học kỳ, Học viện/Khoa cần dựa trên việc phân tích kết quả đánh giá học phần của người học để xác định độ tin cậy của đề thi, độ tin cậy của PP đánh giá, từ đó đưa ra đề xuất cải tiến PP đánh giá và công tác ra đề.

Việc tổng kết kết quả rà soát, đánh giá các PP KTĐG KQHT của SV trong từng học phần cần thể hiện rõ việc đáp ứng yêu cầu đo lường mức độ đạt được CDR của học phần.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.3

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 5.3 đạt mức: 3/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phân hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.4

Nhà trường đã có văn bản quy định về việc công bố kết quả KTĐG cho SV. Việc phân hồi kết quả đánh giá của người học được thực hiện theo QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/9/2017 về quy định công tác khảo thí và QĐ số 1117/QĐ-HVBC&TT ngày 09/3/2018 về quy định phúc khảo bài thi học phần, theo đó, Học viện đã xác định rõ thời gian, nơi công bố điểm thi phù hợp với các hình thức tổ chức thi kết thúc học phần, xác định thời gian phải nhập điểm của học phần vào phần mềm cho người học sau khi chấm thi và thời gian lưu trữ bài thi...

Cụ thể, văn bản trên quy định: đối với các học phần thi tự luận trong thời gian 15 ngày sau khi thi kết quả thi sẽ được các đơn vị phụ trách cập nhật trên phần mềm QLDT. SV đăng nhập vào phần mềm theo tài khoản cá nhân để biết kết quả đánh giá học phần của mình. Việc công bố điểm đánh giá quá trình (điểm chuyên cần, điểm bài tập...) được GV phụ trách học phần công bố ở buổi học cuối cùng của học phần. Các học phần thi vấn đáp, trắc nghiệm, chấm khóa luận tốt nghiệp SV biết kết quả ngay sau buổi thi.

Các văn bản, các thông tin về phản hồi kết quả đánh giá của người học được công khai hóa cùng các văn bản quản lý tương ứng, được phổ biến qua nhiều kênh thông tin khác nhau: phổ biến cho SV mới nhập học trong tuần sinh hoạt công dân, trong Sổ tay SV hằng năm...; đối với GV, việc phổ biến các quy định này còn được thực hiện trong các cuộc họp bộ môn. Trước mỗi kỳ thi, phụ trách Khoa/ Bộ môn nhắc GV thực hiện các quy định liên quan nội qui, quy định thi, công bố điểm thành phần v.v. .

Kết thúc từng kỳ thi, Học viện/Khoa đã tổng kết rút kinh nghiệm công tác thi học phần từ khâu: làm lịch thi, đề thi, coi thi, chấm thi, công bố điểm thi, tiếp nhận phản hồi thắc mắc của người học. Các ưu điểm và nhược điểm từng khâu đã được tổng kết. Trong khảo sát SV ngành XHH trước khi tốt nghiệp khóa 2016 – 2020 cho kết quả: có 77,40% SV hài lòng với “KTĐG” của Khoa.

2. Tồn tại của tiêu chí 5.4

Quy định về việc phản hồi kết quả KTĐG của người học đối với các học phần thi tự luận trong thời gian 15 ngày sau khi thi là quá dài so với quy định chung của nhiều cơ sở giáo dục đại học.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.4

Học viện nên nghiên cứu để điều chỉnh quy định về việc phản hồi kết quả KTĐG KQHT của người học phù hợp hơn.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.4

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 5.4 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.5

Cách thức, quy trình khiếu nại về KQHT của người học được quy định cụ thể trong: Quy định về công tác khảo thí của HVBC&TT (QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 1/9/2017); Quy định phúc khảo bài thi học phần (QĐ số 1117/QĐ-HVBC&TT ngày 9/3/2018). Theo đó, Học viện quy định SV muốn xem lại bài thi thì nộp đơn cho Trung tâm KT&KĐCLĐT trong thời gian 7 ngày làm việc từ khi công bố điểm thi. Thời gian xử lý đơn phúc khảo bài thi của SV và thông báo cho SV biết kết quả chậm nhất là 15 ngày từ khi hết hạn nhận đơn phúc khảo bài thi. Đối với điểm chuyên cần và điểm quá trình SV khiếu nại trực tiếp đến GV giảng dạy học phần và được GV giải quyết ngay trong buổi học đó. Quy trình phúc khảo rõ ràng và thuận tiện cho người học.

SV của Khoa XHH&PT đã được phổ biến đầy đủ về các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong các buổi gặp đối thoại giữa SV và BGĐ Học viện, trong các buổi sinh hoạt lớp... Bên cạnh các quy định, quy chế thi, các biểu mẫu đơn đề nghị phúc khảo kết quả bài thi đều có trong Sổ tay SV và được cung cấp đầy đủ cho SV trên website của Học viện.

Theo Báo cáo thống kê của Trung tâm KT&ĐBCLĐT trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, Khoa có 03 trường hợp người học làm đơn xin phúc khảo bài thi; sau khi chấm phúc khảo bài thi, kết quả không có sự thay đổi về điểm số. Nhìn chung, người học đã hài lòng về kết quả phản hồi và không có thắc mắc khiếu nại thêm.

Kết quả khảo sát người học ngành XHH năm học 2016-2017 về sự hài lòng với chất lượng môn học và hoạt động giảng dạy của GV cho thấy, có 75% ý kiến cho rằng các PP KTĐG đa dạng; 76% ý kiến cho rằng quá trình thi, KTĐG công bằng khách quan; 75% ý kiến cho rằng kết quả KTĐG được phản hồi kịp thời, giúp SV cải tiến chất lượng, PP học tập.

Kết quả phỏng vấn trực tiếp SV và cựu SV của Đoàn chuyên gia trong thời gian khảo sát chính thức phục vụ ĐGN cho thấy, Học viện/Khoa/GV đã giải đáp các khiếu nại của người học về KQHT và rèn luyện; những thắc mắc của SV về các bài kiểm tra trên lớp, bài tập nhóm, bài làm cá nhân, thuyết trình, bài thi... đều được GV, Khoa và Phòng/Ban chức năng xem xét và phản hồi cụ thể.

2. Tồn tại của tiêu chí 5.5

Quy định thời gian phản hồi đơn xin phúc tra của SV là 15 ngày kể từ khi nhận đơn là khá lâu so với quy định chung của nhiều cơ sở giáo dục đại học ở Hà Nội, do đó ảnh hưởng đến khả năng học vượt, học cải thiện điểm của người học.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.5

Học viện nên nghiên cứu để điều chỉnh quy định trong Quy định phúc khảo bài thi học phần, rút ngắn thời gian phản hồi kết quả đánh giá của người học tạo điều kiện cho kịp thời cải thiện việc học tập.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.5

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 5.5 đạt mức: 4/7.

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 5:

+ Điểm mạnh cơ bản

Học viện và Khoa đã có hệ thống các văn bản KTĐG KQHT của người học, bao gồm từ quy định chung như: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, đến những quy định có tính riêng biệt như Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp, ĐCHP các học phần ... Các văn bản này đều được công khai tới SV và GV.

Mỗi học phần đều được đánh giá bằng các PP KTĐG khác nhau phù hợp với CDR của học phần và tương ứng với CDR của CTĐT cần đạt được. Các PP, công cụ sử dụng trong KTĐG học phần giúp đánh giá được mức độ đạt CDR.

Các văn bản quy định đã xác định rõ thời gian nơi công bố điểm thi phù hợp với các hình thức tổ chức thi kết thúc học phần, xác định thời gian phải gửi kết quả đánh giá của học phần về Phòng KT&ĐBCLĐT sau khi chấm thi và phản hồi kết quả cho người học và thời gian lưu trữ bài thi...

SV được phổ biến đầy đủ về các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong Sổ tay SV, được tiếp cận với Quy chế đào tạo của Nhà trường từ ngày nhập học.

Người học đã hài lòng về kết quả phản hồi và không có thắc mắc khiếu nại nào. Trong thời gian 5 năm qua, SV thuộc CTĐT ngành XHH chỉ có 3 đơn xin phúc khảo, kết quả chấm phúc khảo không có sự thay đổi kết quả so với kết quả chấm lần 1.

+ Điểm tồn tại cơ bản

Một số quy định trong QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 1/9/2017 về quy định công tác khảo thí (như quy định về việc phản hồi kết quả KTĐG của người học) chưa thật phù hợp với quy định trong các văn bản của Bộ GDĐT.

Báo cáo phân tích KQHT của SV theo từng ngành học, từng học phần còn sơ lược... Trong năm học 2020-2021, KQHT của người học dù đã được Khoa phân tích phổ điểm, song hiệu quả của việc phân tích chưa được thể hiện rõ ràng cho đề xuất điều chỉnh đề thi và làm cơ sở cho việc chuẩn hóa các câu hỏi của đề thi; Nhà trường chưa tổ chức định lượng đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của các đề thi hết học phần.

Trong các túi bài thi của 8 học phần được rút ngẫu nhiên để kiểm tra cho thấy có 3 túi bài thi của các học phần thuộc kiến thức đại cương, kiến thức chung không lưu đáp án, đầu phách và có 1 túi không lưu đề thi. Với hình thức thi viết tiểu luận, bài tập lớn đã không thể cắt phách, kết quả điểm đánh giá học phần theo cao hơn hẳn so với các hình thức thi khác.

Quy định về việc phân hồi kết quả đánh giá của người học đối với các học phần thi tự luận trong thời gian 15 ngày sau khi thi là quá dài so với quy định chung của nhiều cơ sở giáo dục đại học, hạn chế khả năng cải thiện việc học tập của người học.

+ Kiến nghị

Học viện cần thường xuyên rà soát các văn bản quy định và cập nhật, điều chỉnh các quy định cho phù hợp với các quy định của Bộ GDĐT, nhất là các quy định về tổ chức thi hết học phần, quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề.

Hàng năm, từng học kỳ, Học viện/Khoa cần dựa trên việc phân tích kết quả đánh giá học phần của người học để xác định độ tin cậy của đề thi, độ tin cậy của PP KTĐG, từ đó đưa ra đề xuất cải tiến PP KTĐG và công tác ra đề.

Tăng cường hơn nữa công tác hậu kiểm sau mỗi kỳ thi, để khắc phục kịp thời những sai sót không đáng có, đảm bảo tính khách quan cho công tác KTĐG học phần.

Học viện nên nghiên cứu để điều chỉnh quy định về việc phân hồi kết quả đánh giá của người học, rút ngắn thời gian phân hồi kết quả đánh giá của người học tạo điều kiện cho họ kịp thời cải thiện việc học tập.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 5	<i>Tiêu chí 5.1</i>				4				3,80
	<i>Tiêu chí 5.2</i>				4				
	<i>Tiêu chí 5.3</i>			3					
	<i>Tiêu chí 5.4</i>				4				

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
	Tiêu chí 5.5				4				

TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GV, NGHIÊN CỨU VIÊN

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.1

Học viện đã có CLPT Học viện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (QĐ số 2418/QĐ-HVBC&TT ngày 8/7/2014); Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (QĐ số 770/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/02/2017) và CLPT này được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 6528-QĐ/HVBC&TT, ngày 31/12/2018. Trong đó, đánh giá thực trạng đội ngũ GV, NV trong từng giai đoạn; xác định mục tiêu, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực; kế hoạch phát triển nhân sự đến năm 2035 và tầm nhìn 2050 đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH với các chỉ tiêu: Đến năm 2020, tỷ lệ GV đạt 50% có trình độ TS, trong đó có 30% GS, PGS;... phân đấu đến năm 2030 đạt tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ là 70%, tỷ lệ GV có chức danh GS, PGS là 40%. Kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC giai đoạn 2019-2023, định hướng đến năm 2030 (KH số 1864-KH/HVBC&TT ngày 18/4/2019) xác định rõ thực hiện mục tiêu cụ thể: đến năm 2023, CB, GV đạt 30% TS, 60% ThS, tỷ lệ GV là GS, PGS chiếm 0,14%; 25% GV dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh; đến năm 2030, CB, GV đạt 35% TS, 65% ThS, tỷ lệ GV là GS, PGS chiếm 0,22%; 30% GV dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh.... Đề án vị trí việc làm (số 6079-ĐAHVBC&TT, ngày 31/12/2020) đã xác định rõ ràng việc quy hoạch các vị trí việc làm của CB, GV, NV toàn Học viện (01 vị trí GV với 232 biên chế). Chiến lược phát triển của Khoa XHH&PT đến năm 2035, tầm nhìn 2050 xác định rõ: “Đến năm 2035, những GV công tác ở Khoa từ năm 2025 trở về trước đạt học vị Tiến sĩ; mỗi Bộ môn đều có GV đạt chức danh PGS/GVCC; số lượng tiến sĩ từ 8 GV lên 12 GV; tăng số PGS: từ 3 lên 5 GV; tăng tổng số GV từ 13 GV lên 17 GV”.

Học viện đã có Kế hoạch xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý HVBC&TT giai đoạn 2016-2020 (số 404/KH-HVBC&TT ngày 17/2/2016) và Kế hoạch

rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 (số 5949-KH/HVBC&TT ngày 21/12/2018). Trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ CB lãnh đạo, quản lý để có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV hằng năm, đáp ứng nhu cầu của các CTĐT; đồng thời làm căn cứ xây dựng Đề án vị trí việc làm của đội ngũ CB, GV, NV.

Triển khai CLPT, Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NV của Học viện, Khoa đã xác định nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ GV, NV để xây dựng Kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch ĐTBĐ cho đội ngũ GV, NV hằng năm trình Giám đốc Học viện phê duyệt (Kế hoạch và Thông báo tuyển dụng các năm 2015, 2017 và 2020; Kế hoạch ĐTBĐ hằng năm).

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV, NV được Học viện thực hiện theo Quy định về việc tuyển dụng CC, VC (số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014); Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (số 4503/QĐ-HVCTQG, ngày 12/10/2016); Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (số 339-QĐ/HVCTQG, ngày 22/01/2019); Đề án vị trí việc làm. Trong đó, quy định rõ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng cho từng vị trí chức danh; chính sách thu hút, đãi ngộ, ĐTBĐ nhân sự. Việc kéo dài thời gian làm việc của các GV được Trường thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Hằng năm, Nhà trường thực hiện đúng quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, giải quyết chế độ hưu trí, tiếp nhận GV từ nơi khác, chuyển công tác hoặc chấm dứt đối với người lao động và đều được thông báo trước với đương sự và công khai. Việc chấm dứt hợp đồng lao động, cho nghỉ hưu của CB, GV, NV; thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được Nhà trường áp dụng theo Điều 36 và Điều 187 của Bộ Luật Lao động (Luật số: 10/2012/QH13); Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018); Quy định về kéo dài thời gian công tác để làm chuyên môn đối với GV (QĐ số 5803/QĐ-HVCTQG ngày 7/12/2017); Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh GS, PGS; thủ tục hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm GS, PGS (QĐ số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018). Tại thời điểm đánh giá ngoài, ngành XHH có 07 GV, trong đó có 03 PGS.TS, 03 TS (chiếm 85,7%), 01 ThS. Trong giai đoạn 2016-2021, ngành XHH có 02

GV được bổ nhiệm GS, PGS, có 05 GV được thăng hạng chức danh nghề nghiệp, 01 GV được điều động/thuyên chuyển, 01 GV được kéo dài thời gian làm việc theo quy định.

2. Tôn tại của tiêu chí 6.1

Chiến lược phát triển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBC&TT mới chỉ định hướng chung về mục tiêu và giải pháp phát triển Học viện và mục tiêu phấn đấu chung của cả đội ngũ CB, GV mà chưa xác định rõ ràng các chỉ tiêu phấn đấu chung về đội ngũ CB, GV giai đoạn ngắn hạn (5 năm), trung hạn (10 năm), chưa xác định chỉ tiêu phát triển đội ngũ GV, NCV cho từng nhóm ngành đào tạo.

Học viện chưa có Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn trước năm 2019. Chiến lược phát triển của Khoa chưa được Học viện phê duyệt mà chỉ có Trường khoa ký là chưa phù hợp.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.1

Trên cơ sở Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBC&TT, nhu cầu đội ngũ CB, GV theo các nhóm ngành đào tạo và lĩnh vực hoạt động NCKH, HTQT, PVCĐ, Học viện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV và Kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC theo giai đoạn tương ứng với CLPT của Học viện với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trên cơ sở này, các đơn vị/khoa xây dựng chiến lược/kế hoạch CLPT của đơn vị; kế hoạch phát triển đội ngũ nhân sự, kế hoạch quy hoạch cán bộ của Khoa và trình Giám đốc Học viện phê duyệt để làm căn cứ triển khai thực hiện, đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.1

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 6.1 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.2

Khoa XHH&PT hiện đang đào tạo 02 ngành trình độ ĐH. Tính đến tháng 30/8/2021, ngành XHH có 07 GV cơ hữu của Khoa đúng ngành XHH tham gia giảng

dạy, trong đó có 03 PGS.TS, 03 TS, 01 ThS, đạt tỷ lệ GV có trình độ TS là 85,7%. Quy đổi theo quy định tại Công văn 1074/KTKĐCLGD- KĐĐH, ngày 28/06/2016 tính tỷ số FTEs của GV và SV thì năm học 2020-2021, tỷ lệ GV/SV là 1/24; năm học 2019-2020, tỷ lệ GV/SV là 1/16; năm học 2018-2019, tỷ lệ GV/SV là 1/18; năm học 2017-2018 tỷ lệ GV/SV là 1/11; năm 2016-2017 tỷ lệ GV/SV là 1/20. Đội ngũ GV cơ hữu của Học viện đảm nhiệm tối thiểu 100% thời lượng CTĐT ngành XHH theo quy định.

Trong giai đoạn đánh giá, khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV được Học viện thực hiện Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT (các QĐ số 2901/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 08/10/2013; số 928/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 01/3/2018). Theo đó, Nhà trường đã quy định về quy đổi giờ giảng, giờ NCKH và các hoạt động quản lý chuyên môn khác ra giờ chuẩn và theo chức danh GV: giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với GS, GS và GV chưa đạt trình độ TS là 270 giờ, đối với TS là 290; giờ chuẩn NCKH đối với GS là 950 giờ, PGS là 900 giờ, TS là 850 giờ; giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác của GS là 90 giờ, PGS là 110 giờ; TS là 210 giờ. Số giờ giảng chuẩn và giờ chuẩn NCKH còn được quy định đối với từng loại chức danh GV như: GVC (Hạng II) giờ chuẩn giảng dạy; giờ NCKH và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; GV chưa đạt trình độ TS: 280, 700 và 260;... Ngoài ra, còn quy định số giờ NCKH cho từng loại sản phẩm NCKH và số giờ giảng chuẩn cho GV giữ chức vụ quản lý; quy định sản phẩm mỗi GV phải đạt được theo đúng quy định.

Đầu mỗi năm học, Khoa căn cứ kế hoạch công tác của từng GV và phối hợp với Ban QLĐT để phân công khối lượng giảng dạy theo kế hoạch ĐT; phối hợp với Ban QLKH để giao khối lượng giờ NCKH cho GV (Bảng phân công khối lượng giảng dạy/NCKH hàng năm cho từng CB, GV; Kế hoạch hàng năm học). Cuối mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với Ban QLĐT thống kê khối lượng giảng dạy và Ban QLKH thống kê khối lượng NCKH của từng GV làm căn cứ đánh giá việc thực hiện công việc của GV bằng phần mềm (bảng thống kê số giờ giảng và giờ NCKH cuối mỗi năm học và có so sánh với định mức hàng năm).

Việc quản lý, giám sát, đánh giá về khối lượng, chất lượng giảng dạy và NCKH của GV, NCV được thực hiện thông qua Khoa và Ban QLĐT, Ban QLKH và Ban Thanh tra. Việc đánh giá khối lượng và chất lượng công việc của CB, GV, NV vào cuối năm học, được Học viện thực hiện ở Khoa theo hướng dẫn đánh giá, phân loại CB, GV hàng

cuối mỗi năm. Giai đoạn 2016-2021, bình quân số giờ giảng và NCKH của GV ngành XXH đều vượt so với định mức theo quy định¹; chủ trì thực hiện 28 đề tài cấp cơ sở; biên soạn và xuất bản 11 sách chuyên khảo, 14 giáo trình; công bố 05 bài báo quốc tế, 103 bài báo tạp chí khoa học trong nước và 24 báo cáo tham luận tại hội thảo quốc tế và 42 báo cáo tham luận trong nước.

2. Tồn tại của tiêu chí 6.2

Việc quy định thống nhất cách tính tỷ lệ GV/SV còn chưa thống nhất trong toàn Học viện.

Mức chi cho các sản phẩm NCKH xuất sắc cho GV còn thấp. Ví dụ công bố khoa học quốc tế (danh mục ISI/Scopus, chỉ số ISSN) còn thấp (trước năm 2021 là 3 triệu đồng/1 bài), năm 2021 Học viện đã điều chỉnh bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus lên tối đa 10 triệu đồng/bài nhưng vẫn thấp so với nhiều CSGD ĐH.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.2

Học viện cần ban hành hướng dẫn cách tính tỷ lệ GV/SV để thực hiện thống nhất trong các Khoa của Học viện.

Cần tăng cường hơn nữa những chính sách hỗ trợ, khuyến khích và có biện pháp để giúp GV tăng số lượng công bố quốc tế.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.2

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 6.2 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.3

¹ Năm học 2020 – 2021, số lượng giờ giảng bình quân của mỗi GV ngành XXH là 414.2 giờ (vượt định mức giờ giảng 50.2%) và số giờ bình quân NCKH của mỗi GV thực hiện là 2400.9 giờ, vượt 203% so với định mức; tương tự, năm học 2019 – 2020, là 353.63 giờ giảng (vượt định mức 28.3%) và 2265.29 giờ NCKH, vượt 186% so với định mức; năm học 2018 – 2019, là 336.4 giờ giảng (vượt định mức là 22%) và 2046 giờ NCKH, vượt 158.1% so với định mức; năm học 2017 – 2018: là 304.3% giờ (vượt định mức giờ giảng 18.7%) và 1294.43 giờ NCKH, vượt 151.7% so với định mức; năm học 2016 – 2017, là 423.2 giờ giảng (vượt định mức 60.7%) và là 1038.2 giờ NCKH, vượt 100.9% so với định mức.

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV, NV được Học viện thực hiện theo Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (QĐ số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014); Đề án vị trí việc làm kèm theo Bản mô tả công việc của vị trí việc làm CB, GV, NV (QĐ số 6079-ĐA/HVBC&TT, 31/12/2020). Trong đó, đã nêu rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng (bao gồm tiêu chí tuyển dụng cả về đạo đức và năng lực); quy trình tuyển dụng và lựa chọn để bổ nhiệm. Trong giai đoạn 2016-2020, trên cơ sở nhu cầu thực tế đội ngũ GV và của CTĐT, NCKH của các Khoa và năm 2016, 2017 khi có nhu cầu tuyển dụng, Học viện ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức và điều chỉnh tiêu chí tuyển dụng cho phù hợp (các KH số 4212/KH-HVBC&TT ngày 16/12/2015; số 1007/KH-HVBC&TT ngày 10/3/2017,..).

Trong các thông báo kế hoạch tuyển dụng giai đoạn 2016-2020 của Trường cũng đã nêu cụ thể tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng. Các thông báo tuyển dụng và kết quả tuyển dụng GV đăng trên website và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Học viện. Việc mời GV thỉnh giảng, kiêm nhiệm được Học viện thực hiện theo Quy định về GV thỉnh giảng, kiêm nhiệm của HVCTQG HCM (các QĐ số 1212/QĐ-HVCTQG ngày 1/4/2015; số 4334/QĐ-HVCTQG ngày 20/12/2016)

Việc thực hiện bổ nhiệm GV vào chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (các QĐ số 4503/QĐ-HVCTQG, ngày 12/10/2016; số 339-QĐ/HVCTQG, ngày 22/01/2019); Đề án vị trí việc làm. Việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp viên chức; bổ nhiệm GS, PGS và kéo dài thời gian công tác được Học viện thực hiện theo các quy định của Luật Viên chức (số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH (số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018), Nghị định Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9 2020); Thông tư liên tịch Hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập (số 28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 06/11/2015). Quy trình, kết quả tuyển chọn, bổ nhiệm đều được Học viện công khai trên email, văn bản giấy, phổ biến qua cuộc họp; trên báo viết, báo nói, báo hình; trên trang tin điện tử của trường và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Học viện. Tại thời điểm đánh giá ngoài, ngành XHH có 07 GV, 03 PGS.TS, 03 TS, 01 ThS, đạt tỷ lệ GV có trình độ TS là 85,7%. Giai đoạn 2016-2021, ngành XHH có 02 GV được bổ nhiệm GS, PGS, có 05 GV được thăng hạng chức danh

nghề nghiệp, 01 GV được điều động/thuyên chuyển, 01 GV được kéo dài thời gian làm việc theo quy định.

2. Tồn tại của tiêu chí 6.3

Học viện/Khoa đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nghiêm túc, công khai, đúng quy định về tuyển dụng, lựa chọn và bổ nhiệm đội ngũ GV nhưng kết quả tuyển dụng chưa được như mong muốn, đội ngũ GV của ngành XHH còn mỏng (07 GV), chưa đáp ứng nhu cầu CTĐT và NCKH trong thời gian tới; chưa có những tiêu chí riêng cho đặc thù của ngành XHH.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.3

Học viện cần tăng cường chính sách thu hút, hấp dẫn ứng viên có trình độ tiến sĩ đúng ngành XHH, ưu tiên GV được đào tạo ở các nước tiên tiến (cần điều chỉnh tiêu chuẩn cho phù hợp với từng giai đoạn); chức danh GS, PGS có đạo đức và năng lực chuyên môn cao và có kinh nghiệm, uy tín trong giảng dạy và NCKH để bổ nhiệm chức danh quản lý chuyên môn và NCKH) làm nòng cốt cho Khoa và đảm bảo đủ số lượng đội ngũ GV theo quy định.

Ngoài tiêu chuẩn tuyển dụng chung thì việc tuyển dụng ngành XHH cần có những tiêu chí riêng cho đặc thù của ngành.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.3

(không có).

5. Đánh giá tiêu chí 6.3 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.4

Một số tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ GV của Học viện được thể hiện ở các văn bản: Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập (số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 28/11/2014; Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT (các QĐ số 2901/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 08/10/2013; số 928/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 01/3/2018); Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của HVBC&TT (các QĐ số 881/QĐ-HCVBCTT ngày 25/9/2011; số 653/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018), trong đó, đã xác định một số năng lực chung của GV. Năng lực của GV được xác định qua năng lực sư

phạm: năng lực giảng dạy, tài liệu dạy học, tổ chức dạy học, giao tiếp, sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học,...; qua năng lực NCKH: năng lực thực hiện các công trình, đề tài NCKH và công bố KH trong nước và quốc tế, viết giáo trình, sách. Việc đánh giá khối lượng công việc của GV được đánh giá dựa trên những quy định về số lượng giờ giảng, giờ NCKH và các giờ hoạt động quản lý chuyên môn khác được quy đổi ra giờ chuẩn. Nhà trường đã quy định về quy đổi giờ giảng, giờ NCKH và các hoạt động quản lý chuyên môn khác ra giờ chuẩn và theo chức danh GV: giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với GS, GS và GV chưa đạt trình độ TS là 270 giờ, đối với TS là 290; giờ chuẩn NCKH đối với GS là 950 giờ, PGS là 900 giờ, TS là 850 giờ; giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác của GS là 90 giờ, PGS là 110 giờ; TS là 210 giờ; GVC (Hạng II) giờ chuẩn giảng dạy; giờ NCKH và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; GV chưa đạt trình độ TS: 280, 700 và 260;...

Đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH được thực hiện ngay trong quá trình tuyển dụng và định kỳ hàng năm trên cơ sở quy định cụ thể trong đánh giá, phân loại GV. Căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; quy định chuẩn năng lực sư phạm và chuẩn kỹ năng sử dụng Ngoại ngữ, tin học,... Hàng năm, Nhà trường/Khoa thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV qua các hình thức: (i) Đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, NCV qua quá trình dạy học của GV (lấy ý kiến từ người học), dự giờ theo từng học kỳ, qua kết quả ĐTBĐ năng lực của GV; (ii) Đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH cuối mỗi năm học như: các bài báo quốc tế, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình,... Cuối mỗi năm học, tất cả GV đều thực hiện đánh giá, xếp loại theo Hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ CCVC của HVBC&TT hàng năm và Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQG HCM (số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019). Tính đến 30/8/2021, 100% GV ngành XHH có chứng chỉ NVSP và đạt chuẩn tin học và ngoại ngữ theo quy định; giai đoạn 2016-2021, 16 lượt GV được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 26 lượt GV hoàn thành tốt nhiệm vụ; 5 năm liền đạt Tập thể Lao động xuất sắc.

2. Tồn tại của tiêu chí 6.4

Học viện chưa có quy định về đánh giá năng lực đội ngũ GV, bao gồm tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá và cách thức thực hiện đánh giá năng lực theo

từng lĩnh vực giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác (chỉ có một số các tiêu chí đánh giá năng lực GV về giảng dạy, NCKH trong biểu mẫu đánh giá, phân loại CB, CCVC hằng năm hoặc một số văn bản khác nhau nhưng còn chung chung).

Học viện/Khoa chưa tách biệt việc đánh giá năng lực với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng đối với GV vào cuối mỗi năm (kết quả đánh giá năng lực là một trong tiêu chí để ĐG, phân loại GV). Việc đánh giá một số năng lực của GV còn chưa được thường xuyên và hiệu quả.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.4

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV (KPIs) bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCD; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực (không chỉ để xét thi đua, khen thưởng và lương bổ sung mà còn để lập kế hoạch ĐTBĐ, luân chuyển, bổ nhiệm).

Hằng năm, Học viện/Khoa cần lập kế hoạch và thực hiện đánh giá năng lực GV, trong đó cần nêu rõ cách thức đánh giá năng lực về giảng dạy, phát triển CTĐT, về NCKH, về PVCD và các hoạt động khác; phân công rõ đơn vị, cá nhân chủ trì, phối hợp.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.4

(không có).

5. Đánh giá tiêu chí 6.4 đạt mức: 3/7.

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.5

Công tác ĐTBĐ dài hạn nâng cao trình độ của Học viện được thực hiện dựa trên cơ sở Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (QĐ số 770/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/2/2017) và CLPT được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 6528-QĐ/HVBC&TT, ngày 31/12/2018; Đề án vị trí việc làm kèm theo Bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV, trong đó, nêu rõ chỉ tiêu phấn đấu đội ngũ GV đạt trình độ TS: “Đến năm 2030, phấn đấu 50% CB, GV đạt trình độ tiến sĩ”. Chiến lược phát triển

của Khoa XHH đến năm 2035, tầm nhìn 2050 xác định rõ: “đến năm 2035, những GV công tác ở Khoa từ năm 2025 trở về trước đạt học vị Tiến sĩ; mỗi Bộ môn đều có GV đạt chức danh PGS/GVCC; số lượng tiến sĩ từ 8 GV lên 12 GV; tăng số PGS: từ 3 lên 5 GV; tăng tổng số GV từ 13 GV lên 17 GV”. Hằng năm, trên cơ sở các văn bản này và kết quả phân tích thực trạng đội ngũ; nhu cầu CTĐT, nhu cầu ĐTBĐ của các GV/đơn vị, Học viện ban hành Kế hoạch ĐTBĐ và tổ chức thực hiện ĐTBĐ (Các kế hoạch và các phiếu đăng kí nhu cầu ĐTBĐ hàng năm). Các khoá ĐTBĐ bao gồm: đào tạo nâng cao trình độ lên trình độ ThS, TS; bồi dưỡng chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, công tác KĐCL; kiến thức lý luận chính trị; ngoại ngữ, tin học.

Quy định về ĐTBĐ cán bộ, công chức, viên chức (các QĐ số 1439/QĐ-HVCT-HCQG ngày 1/5/2013, số 367/QĐ-HVCTQG ngày 17/01/2018); văn bản điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của HVBC&TT (các QĐ số 977/QĐ-HVBC&TT ngày 2/4/2014; số 1818/QĐ-HVBC&TT ngày 24/4/2018) quy định rõ nguyên tắc, hình thức, điều kiện trách nhiệm, quyền lợi, hỗ trợ kinh phí và tổ chức thực hiện việc học tập, nghiên cứu và ĐTBĐ của CB, GV, NV. Trong đó, Quy định số 367/QĐ-HVCTQG, học viện hỗ trợ 100% học phí; miễn giảm 100% giờ giảng (học tập trung) và 50% (học không tập trung), hưởng lương, và phúc lợi trong thời gian đi ĐTBĐ; NCS hoàn thành khoá học được hỗ trợ 05 triệu đồng/người; ThS hỗ trợ 03 triệu đồng/người),...

Hằng năm, Học viện tổ chức cho GV đi ĐTBĐ trên cơ sở nhu cầu ĐTBĐ của GV (đăng ký của GV). Kế hoạch được thông báo tới các đơn vị toàn Trường để triển khai thực hiện và được giám sát bởi P.TCCB và Khoa. Kết quả ĐTBĐ là một trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV và sử dụng để xét đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng hằng năm (Bảng thống kê các khóa ĐTBĐ nâng cao trình độ, năng lực cho CB, GV, NV giai đoạn 2016- 2021; báo cáo kết quả ĐTBĐ hằng năm của Học viện/Khoa). Triển khai các Kế hoạch ĐTBĐ đội ngũ GV, giai đoạn 2020 – 2021, 100% số GV được ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch hàng năm của Trường, trong đó, ngành XHH có 02 GV được đi học nâng cao trình độ; 05 GV đi bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn; 01 GV bồi dưỡng về PPDH và KTĐG; 07 GV (100%) được bồi dưỡng về công tác KĐCL; 03 GV được bồi dưỡng GV lý luận chính trị; 06 GV có bằng cao cấp lý luận chính trị; 04 GV tham gia bồi dưỡng và có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định.

Từ năm học 2018-2019 trở đi, Nhà trường/Khoa đều thực hiện khảo sát sự hài lòng đối với GV về kế hoạch phát triển, bồi dưỡng đội ngũ GV. Kết quả khảo sát cho thấy: Ví dụ năm học 2020 - 2021, khảo sát 181 GV, trong đó có 73.6% GV của Trường (trong đó, 85,7% GV ngành XHH) được hỏi hài lòng về kế hoạch phát triển, bồi dưỡng GV; có 81.8% GV của Trường (trong đó, 100% GV ngành XHH) hài lòng khi được ĐTBĐ phù hợp với nguyện vọng cá nhân để phát triển chuyên môn và nghiệp vụ; có 87% GV phản hồi được tham gia từ 1 đến 3 lần bồi dưỡng NVSP, tin học, ngoại ngữ...; 23% GV phản hồi được tham gia từ 3 đến 5 lần. Trong đó, 100% GV của ngành XHH được tham gia ĐTBĐ chuyên môn, nghiệp vụ trong giai đoạn 2016-2021.

2. Tồn tại của tiêu chí 6.5

Học viện chưa có Kế hoạch ĐTBĐ và phát triển đội ngũ CB, GV giai đoạn 2016-2021 mà chỉ có kế hoạch ĐTBĐ hằng năm.

Còn chưa có nhiều khoá ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CĐR của học phần/CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.5

Học viện/Khoa cần rà soát lại công tác ĐTBĐ giai đoạn 2016-2021 để xây dựng kế hoạch ĐTBĐ và phát triển đội ngũ GV (dài hạn, trung hạn và ngắn hạn) phù hợp cho giai đoạn tới;

Cần tổ chức thêm các khoá ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CĐR của học phần/CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.5

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 6.5 đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.6

Việc đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCD được Học viện thực hiện theo các văn bản: Quy định chế độ làm việc đối với GV

của HVBC&TT; Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của HVBC&TT (các QĐ số 881/QĐ-HCVBCTT ngày 25/9/2011; số 6531/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018); Quy chế chi tiêu nội bộ của HVBC&TT; Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV. Các văn bản này đã xác định rõ khối lượng các công việc và tiêu chí đánh giá năng lực cho từng CB, GV, NV và là cơ sở để Học viện quản trị mức độ hoàn thành công việc của CB, GV, NV hằng năm. Để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của CB, GV, NV, Học viện đã thực hiện theo Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu Thi đua hằng năm (Hướng dẫn các năm 2017 đến 2021) và Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQGHCN (số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019). Hệ thống các Quy định, Quy chế này được công bố rộng rãi, đầy đủ đến CB, GV, NV trong toàn Trường.

Đầu mỗi năm học, các đơn vị nói chung và Khoa XHH&PT nói riêng, xây dựng kế hoạch về đào tạo và NCKH trên cơ sở định mức khối lượng giờ giảng và NCKH cũng như các hoạt động khác theo quy định của từng năm học và trên cơ sở kế hoạch cá nhân của từng GV; đồng thời các GV đăng ký danh hiệu thi đua năm học và được Lãnh đạo Khoa phê duyệt (Bảng phân công giờ giảng và Bảng phân công khối lượng NCKH của Khoa; Kế hoạch công việc của các đơn vị thuộc Học viện hằng năm). Cuối mỗi năm học, tất cả CB, GV, NV thực hiện đánh giá, xếp loại theo Hướng dẫn thực hiện đánh giá, phân loại đối với cán bộ, CCVC và người lao động hằng năm của HVCTQGHCN và của HVBC&TT². Việc đánh giá GV được thực hiện theo 3 bước: (1) GV tự đánh giá, xếp loại (2) Khoa tiến hành họp với toàn bộ GV để đánh giá; (3) Trường đơn vị quyết định đánh giá, phân loại; (4) Hội đồng TĐ-KT Học viện đánh giá để bình xét kết quả thi đua cuối năm. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV được sử dụng làm cơ sở để xét thi đua, khen thưởng, tính tiền lương bổ sung; bổ nhiệm, điều chuyển và là căn cứ xây dựng kế hoạch ĐTBĐ hằng năm. Việc đánh giá kết quả công việc của GV được công khai, minh bạch và được giám sát bởi Ban TCCB chủ trì phối hợp Ban Thanh tra và các đơn vị của Học viện. Giai đoạn 2016-2021, ngành XHH có 26 lượt GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến, có 16 lượt GV đạt danh hiệu lao động xuất sắc, có 09 lượt GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và 02 GV đạt CSTĐ cấp Bộ; 05 năm liền đạt tập thể Lao động xuất sắc cấp HVCTQGHCN; 01 Bằng khen của TTCP.

² Hướng dẫn số 2017468-HD/HVCTQG ngày 30/10/2017; 5460-HD/HVBCCTT ngày 26/11/2018; số 910-HD/HVCTQG ngày 9/10/2019; số 348-HD/HVCTQG ngày 8/10/2020; số 3998/HD-HVBC&TT ngày 7/11/2017; số 5460-HD/HVBC&TT ngày 26/11/2018; số 4752-HD/HVBCCTT ngày 22/10/2019;

Trong giai đoạn 2016-2021, CB, GV, NV_đều hài lòng về kết quả đánh giá và thi đua khen thưởng của Học viện/Khoa; chưa có bất kỳ trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng của Khoa và Học viện. Ví dụ: Năm học 2020 - 2021, qua khảo sát 181 GV, trong đó có 77.7% GV của Trường (57,1% GV của ngành XHH) được hỏi hài lòng về khối lượng công việc của mình hợp lý; có 68.92% GV của Trường (57,1% GV của ngành XHH) được hỏi hài lòng việc Học viện thực hiện quản trị GV (đánh giá, khen thưởng, công nhận...) dựa trên hiệu quả công việc; có 66.89% GV của Trường (43% GV của ngành XHH) được hỏi hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận).

2. Tồn tại của tiêu chí 6.6

Học viện chưa có quy định chung về đánh giá, phân loại cán bộ, CCVC mà chỉ có hướng dẫn thực hiện hằng năm.

Chưa có tiêu chí đánh giá, phân loại đối với hoạt động PVCD của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; chưa đưa kết quả đánh giá năng lực GV thành 1 tiêu chí đánh giá, xếp loại GV; việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCD còn chưa rõ nét.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.6

Nhà trường cần quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, CCVC, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCD của GV cũng như quản trị công việc của GV về hoạt động PVCD để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; đưa kết quả đánh giá năng lực thành 1 tiêu chí đánh giá, phân loại GV cuối mỗi năm học.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.6

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 6.6 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.7

Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động KHCN của Học viện được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học được ban hành tại QĐ số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/09/2011 và Quy định chế độ làm việc đối với GV (QĐ số 928/QĐ-HVBC&TT ngày 01/03/2018). Hoạt động NCKH gồm có 10 loại hình: tham gia đề tài/dự án/nhiệm

vụ khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học hoặc trong các hội nghị/hội thảo khoa học, biên soạn giáo trình/sách chuyên khảo, tham gia hội nghị/hội thảo khoa học, hướng dẫn người học tham gia NCKH...

Học viện đã quy định giờ chuẩn NCKH mỗi năm đối với GS là 950 giờ, đối với PGS là 900 giờ, đối với GV có trình độ TS là 700 giờ, đối với GV có trình độ ThS là 600 giờ. Quy đổi một số hoạt động KHCN ra giờ giảng lý thuyết được quy định tương đối rõ ràng như bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus được quy đổi tối đa 900 giờ/bài, bài báo trên tạp chí quốc tế ngoài hệ thống ISI/Scopus tối đa 600 giờ/bài, chủ trì đề tài cấp Nhà nước 500 giờ/đề tài, hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH 50 giờ/đề tài...

Học viện đã có chính sách khuyến khích các GV có kết quả hoạt động NCKH xuất sắc như thưởng bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus tối đa 10 triệu đồng/bài, đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN tối đa 03 triệu đồng/bài (Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021). Hằng năm, Học viện đều tổ chức Hội nghị Khoa học của GV và tổ chức nhiều hội thảo khoa học các cấp.

Hoạt động KHCN của Khoa được giám sát chặt chẽ. Hằng năm GV chủ động đăng ký các nhiệm vụ KHCN. Hội đồng thẩm định cấp Khoa và cấp Trường xem xét quyết định. Theo quy định của Học viện thì Ban QLKH có nhiệm vụ tư vấn giúp lãnh đạo xây dựng kế hoạch KHCN, tổ chức kiểm tra định kỳ tiến độ thực hiện các đề tài/dự án... Nghiên cứu hồ sơ minh chứng nhận thấy, công tác quản lý và giám sát tiến độ thực hiện các đề tài được thực hiện khá chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch hoạt động, xây dựng đề tài nghiên cứu, lập kế hoạch kinh phí KHCN, thẩm định và phê duyệt đề tài, giám sát và kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng... Ngoài chính sách khen thưởng, Học viện cũng có chế tài xử phạt đối với các chủ trì không hoàn thành nhiệm vụ đã ký với cơ quan phê duyệt đề tài. Ngoài kinh phí hoạt động KHCN được cấp từ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan khác, hằng năm Học viện đều dành một nguồn kinh phí khá lớn từ nguồn thu để chi thực hiện các đề tài khoa học cấp cơ sở như năm 2020 đã chi 3,644 tỉ đồng. Kinh phí chi cho mỗi đề tài cấp cơ sở tăng dần và đến năm 2020 là 12–100 triệu đồng/đề tài tùy thuộc vào chất lượng sản phẩm. Trong giai đoạn đánh giá, GV của Khoa đã thực hiện 02 đề tài cấp Nhà nước, 15 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 61 đề tài cấp cơ sở; công bố 07 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 47 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước; xuất bản 11 sách chuyên

khảo, 09 giáo trình 07 sách tham khảo, 12 sách hướng dẫn; tổ chức 15 hội thảo khoa học quốc tế và 42 hội thảo khoa học trong nước.

Khoa XHH&PT đã có thống kê, tự đối sánh kết quả NCKH của đội ngũ GV trong khoa giữa các năm trong giai đoạn đánh giá.

2. Tồn tại của tiêu chí 6.7

Học viện có quy định cụ thể về số giờ chuẩn NCKH cho các đối tượng GV nhưng không có quy định tường minh về sản phẩm KHCN mà mỗi GV trong năm học phải có như Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 và Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV. Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế chưa nhiều.

Khoa chưa triển khai việc đối sánh kết quả NCKH của GV với GV các ngành khác của Học viện và với GV cùng ngành của các trường đại học khác ở trong nước.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.7

Học viện cần sớm hoàn thiện quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc cơ sở giáo dục đại học là “Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; tối thiểu tương đương với một đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN hoặc một báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành”. Học viện/Khoa nên tiếp tục xây dựng các hướng nghiên cứu chính của Khoa và hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án.

Khoa nên thực hiện đối sánh kết quả NCKH của GV với GV các ngành khác trong Học viện và với GV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.7

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 6.7 đạt mức: 4/7.

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 6:

+ Điểm mạnh cơ bản

Học viện/Khoa ban hành khá đầy đủ các văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV, trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ; xác định mục tiêu, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực; kế hoạch phát triển nhân sự đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCD. Việc tuyển dụng đội ngũ GV được thực hiện khá tốt.

Kế hoạch ĐTBĐ đội ngũ CB, GV, NV giai đoạn 2016-2021 được xây dựng và thực hiện trên nhu cầu ĐT, NCKH; nhu cầu của GV của Khoa; được thực hiện và giám sát đánh giá bởi Ban TCCB và các Khoa.

Khối lượng công việc (khối lượng giảng dạy, NCKH và công tác khác) của GV được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại GV hằng năm học.

Quy định đầy đủ về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV và được giám sát chặt chẽ. Học viện đã chú trọng đầu tư kinh phí cho NCKH Đội ngũ GV của Khoa đã đạt được những kết quả tích cực trong NCKH.

Thực hiện tốt việc quản trị công việc của CB, GV, NV: ban hành các văn bản, phân công công việc rõ ràng đầu mỗi năm học, giám sát quá trình thực hiện và ĐG hằng năm học.

+ Điểm tồn tại cơ bản

Chiến lược phát triển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBC&TT mới chỉ định hướng chung về mục tiêu và giải pháp phát triển Học viện và mục tiêu phấn đấu chung của cả đội ngũ CB, GV mà chưa xác định rõ ràng các chỉ tiêu phấn đấu chung về đội ngũ CB, GV giai đoạn ngắn hạn (5 năm), trung hạn (10 năm); chưa xác định chỉ tiêu phát triển đội ngũ GV, NCV cho từng nhóm ngành đào tạo.

Học viện chưa có Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV trong các giai đoạn phát triển Học viện và kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC giai đoạn trước năm 2019. Các Chiến lược phát triển của Khoa chưa được Học viện phê duyệt mà chỉ có Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa kí và không có ngày tháng ban hành là chưa phù hợp.

Học viện/Khoa đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nghiêm túc, công khai, đúng quy định về tuyển dụng, lựa chọn và bổ nhiệm đội ngũ GV nhưng kết quả tuyển dụng chưa được như mong muốn, đội ngũ GV của ngành XHH còn mỏng (07 GV), chưa

đáp ứng nhu cầu CTĐT và NCKH trong thời gian tới; chưa có những tiêu chí riêng cho đặc thù của ngành XHH.

Học viện chưa có quy định về đánh giá năng lực đội ngũ GV, bao gồm tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá và cách thức thực hiện đánh giá năng lực theo từng lĩnh vực giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác (chỉ có một số các tiêu chí đánh giá năng lực GV về giảng dạy, NCKH trong biểu mẫu đánh giá, phân loại CB, CCVC hằng năm hoặc một số văn bản khác nhau nhưng còn chung chung).

Học viện/Khoa chưa tách biệt việc đánh giá năng lực với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng đối với GV vào cuối mỗi năm (kết quả đánh giá năng lực là một trong tiêu chí để ĐG, phân loại GV). Việc đánh giá một số năng lực của GV còn chưa được thường xuyên và hiệu quả.

Học viện chưa có Kế hoạch ĐTBĐ và phát triển đội ngũ CB, GV giai đoạn 2016-2021. Còn chưa có nhiều khoá ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CDR của học phần/CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

Học viện chưa có quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, CCVC mà chỉ có hướng dẫn thực hiện hằng năm; chưa có tiêu chí đánh giá, phân loại đối với hoạt động PVCĐ của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; chưa đưa kết quả đánh giá năng lực GV thành tiêu chí đánh giá, xếp loại GV; việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ còn chưa rõ nét như hoạt động ĐT và NCKH.

Học viện chưa có quy định cụ thể về sản phẩm KHCN mà mỗi GV thực hiện trong năm học. Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế chưa nhiều. Khoa XHH&PT chưa triển khai việc đối sánh kết quả NCKH của GV với GV các ngành khác của Học viện và với GV cùng ngành của các trường đại học khác ở trong nước.

+ Kiến nghị

Trên cơ sở Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBC&TT, nhu cầu đội ngũ CB, GV theo các nhóm ngành đào tạo và lĩnh vực hoạt động NCKH, HTQT, PVCĐ, Học viện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV và Kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC theo giai đoạn tương ứng với CLPT của Học viện với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trên cơ sở này, các đơn vị/khoa xây dựng chiến lược/kế hoạch CLPT của đơn vị; kế hoạch phát

triển đội ngũ nhân sự, kế hoạch quy hoạch cán bộ của Khoa và trình Giám đốc Học viện phê duyệt để làm căn cứ triển khai thực hiện, đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ.

Học viện cần tăng cường chính sách thu hút, hấp dẫn ứng viên có trình độ tiến sĩ đúng ngành XHH, ưu tiên GV được đào tạo ở các nước tiên tiến; chức danh GS, PGS có đạo đức và năng lực chuyên môn cao và có kinh nghiệm, uy tín trong giảng dạy và NCKH để bổ nhiệm chức danh quản lý chuyên môn và NCKH) làm nòng cốt cho Khoa và đảm bảo đủ số lượng đội ngũ GV theo quy định.

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực.

Nhà trường cần quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCĐ của GV cũng như quản trị công việc của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; đưa kết quả đánh giá năng lực thành tiêu chí đánh giá, phân loại GV cuối mỗi năm học.

Học viện cần sớm hoàn thiện quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc CSGD ĐH. Học viện/Khoa nên tiếp tục xây dựng các hướng nghiên cứu chính của Khoa và hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án.

Khoa XHH&PT nên tăng cường đối sánh kết quả NCKH của GV với GV các ngành khác trong Học viện và với ngành XHH của các CSGD ĐH khác trong nước.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 6	Tiêu chí 6.1				4				3,86
	Tiêu chí 6.2				4				
	Tiêu chí 6.3				4				
	Tiêu chí 6.4			3					
	Tiêu chí 6.5				4				

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
	Tiêu chí 6.6				4				
	Tiêu chí 6.7				4				

TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NV

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.1

Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (QĐ số 77/QĐ-HVBC&TT ngày 20/02/2017), trong đó xác định rõ Sứ mệnh, Tầm nhìn 2050, mục tiêu chiến lược. Trong chiến lược phát triển, có đặt ra mục tiêu về nguồn nhân lực được chuẩn hóa với cơ cấu hợp lý.

Khoa XHH&PT đã ban hành chiến lược phát triển đến năm 2035 tầm nhìn 2050, trong đó có chiến lược phát triển nguồn nhân lực như đến năm 2035 có 50% những GV có học vị tiến sĩ sau 5 năm đạt chức danh PGS, đến năm 2035, những GV công tác ở Khoa từ năm 2025 trở về trước đạt học vị tiến sĩ, từ năm 2020 đến 2035 mỗi bộ môn đều có GV đạt chức danh PGS hoặc GV cao cấp, số lượng tiến sĩ từ 8 lên 12, phó giáo sư từ 3 lên 5, cán bộ giảng dạy từ 13 lên 17.

Đề án vị trí việc làm (số 6079-DA/HVBC&TT ngày 31/12/2020) quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ của Học viện có 19 vị trí với 125 biên chế và 19 hợp đồng, trong đó, có quy hoạch NV các Phòng, Ban là 96 người, Trung tâm thông tin khoa học là 9 người, trợ lý văn phòng khoa là 17 người và các dịch vụ hỗ trợ khác là 3 người.

Học viện đã có một số chính sách thu hút, tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng NV rõ ràng (trong Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức ban hành theo QĐ số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014 và trong Quy chế chi tiêu nội bộ). Học viện đã phân tích tình hình thực tế về phát triển quy mô người học, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục vụ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ NV hỗ trợ. Tại thời điểm đánh giá, đội ngũ NV hỗ trợ có 130 người, trong đó 2 tiến sĩ, 82 thạc sĩ, 31 cử nhân và 15 các trình độ khác. Khoa XHH&PT có 01 NV trình độ

thạc sĩ làm Trợ lý khoa, công tác hành chính, giáo vụ ... Số lượng và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của đơn vị.

Các phòng ban chức năng và Khoa đã thực hiện khảo sát sự hài lòng của các đơn vị chức năng khác và của SV về chất lượng phục vụ. Kết quả khảo sát năm 2020 cho thấy 86,2% SV tham gia khảo sát hài lòng về chất lượng phục vụ của các NV phòng chức năng. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn người học, GV cho thấy, hầu hết ý kiến hài lòng với tinh thần thái độ phục vụ, giải quyết công việc của NV hỗ trợ.

2. Tồn tại của tiêu chí 7.1

Chiến lược phát triển Học viện chưa có dự báo về đội ngũ CB, GV nói chung và đội ngũ NV nói riêng, chưa chú trọng nhiều đến tính đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD của đội ngũ NV.

Chiến lược phát triển của Khoa XHH&PT chưa rõ thời gian ban hành, chưa quan tâm nhiều đến việc phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Đề án vị trí việc làm chưa được HV CTQG Hồ Chí Minh phê duyệt; một số vị trí việc làm chưa rõ ràng dẫn đến mô tả chung chung, gây khó khăn cho tuyển dụng và đánh giá, chẳng hạn vị trí "NV phục vụ", "NV".

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.1

Học viện và Khoa XHH&PT nên phân tích, làm rõ dự báo về đội ngũ cán bộ/GV nói chung và đội ngũ NV nói riêng và quan tâm hơn đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Khoa XHH&PT cần làm rõ thời gian ban hành các văn bản, đặc biệt là các văn bản quan trọng như Chiến lược phát triển của Khoa.

HVBC&TT nên rà soát lại đề án vị trí việc làm để đảm bảo khả thi, đặc biệt là làm rõ hơn một số vị trí việc làm như "NV phục vụ", "NV" và trình đề HV CTQG Hồ Chí Minh phê duyệt.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 7.1

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 7.1 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.2

Học viện đã ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức theo QĐ số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014, trong đó, quy định cụ thể tiêu chuẩn đối với ngạch nghiên cứu viên, ngạch chuyên viên và tương đương.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý ban hành theo QĐ số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị trực thuộc trước khi Giám đốc ký ban hành. Hồ sơ minh chứng cho thấy: Các quy định, quy chế, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được phổ biến công khai đến toàn thể cán bộ, GV và NV trong Học viện qua trang thông tin điện tử của Học viện và gửi bằng đường văn thư đến các đơn vị.

2. Tồn tại của tiêu chí 7.2

Hiện nay, Học viện vẫn sử dụng Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân đã ban hành năm 2014 nên chưa phù hợp với Đề án vị trí việc làm số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020.

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển chủ yếu dành cho các chức danh quản lý, chưa đề cập nhiều đến việc điều chuyển NV.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.2

Học viện nên xem xét ban hành riêng Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020.

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cần chú trọng nhiều hơn đến việc điều chuyển NV.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 7.2

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 7.2 đạt mức: 4 /7.

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.3

Quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thể hiện ở Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của HV CTQG Hồ Chí Minh ban hành theo QĐ số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 04/7/2019; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua năm 2020 số 4341-HD/HVBC&TT ngày 19/10/2020 của HVBC&TT và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ban hành theo QĐ số 4780/QĐ-HVBC&TT ngày 16/12/2014.

Năng lực của đội ngũ NV của Học viện được xác định trong Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức ban hành theo QĐ số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014), trong Đề án vị trí việc làm số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020. Theo đó, năng lực gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với công việc của từng Ban/Khoa như TCCB, QLĐT, QLKH, Kế hoạch-tài chính, Hợp tác quốc tế, Thông tin khoa học, Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông, Văn phòng, Trợ lý văn phòng khoa, Y tế, Văn thư lưu trữ, NV kỹ thuật,.. Đối với Khoa XHH&PT còn có Khung năng lực của vị trí việc làm, theo đó có yêu cầu cụ thể về năng lực chuyên môn và các năng lực khác đối với vị trí NV văn phòng khoa.

Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua của HV BC&TT ban hành năm 2017, đã được rà soát, điều chỉnh sửa đổi hằng năm để các tiêu chí đánh giá sát với yêu cầu thực tế.

Hoạt động đánh giá được thực hiện theo trình tự: NV tự đánh giá theo mẫu phiếu đánh giá thống nhất của Học viện, đồng nghiệp đánh giá tại cuộc họp của các đơn vị, người học đánh giá qua các lần khảo sát ý kiến, cấp trên đánh giá thông qua hội đồng thi đua khen thưởng các cấp. Các quy định này được phổ biến công khai để mọi cán bộ, NV biết và cùng triển khai thực hiện.

Việc đánh giá NV được thực hiện hằng năm theo phân loại A, B, C là cơ sở để Học viện quyết định mức thu nhập tăng thêm cuối năm theo quy chế chi tiêu nội bộ (loại A hệ số 2, loại B hệ số 1,5 và loại C hệ số 1). Kết quả đánh giá phân loại cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NV theo Luật Viên chức, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng. Hồ sơ minh chứng cho thấy, tỷ lệ NV của Học viện/Khoa được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020 là 100%, còn xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tương ứng là 2,6%; 1,6%; 1,6% và 8,4%. Riêng kết quả xếp loại NV của Khoa

thì trong tất cả các năm đều 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Tỷ lệ NV toàn Học viện đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên từ năm 2016 đến năm 2020 tương ứng là 18%; 17%; 20%; 19% và 18%.

2. Tồn tại của tiêu chí 7.3

Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ,... chưa gắn với đề án vị trí việc làm.

Quyết định số 4780/QĐ-HVBC&TT (năm 2014) về việc ban hành Quy định về Đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động căn cứ vào Quy chế Thi đua, Khen thưởng được ban hành kèm theo Quyết định số 4740/QĐ-HVBC&TT năm 2014. Tuy nhiên, Quy chế này đã hết hiệu lực.

Khung năng lực vị trí việc làm của Khoa XHH&PT chưa có thời điểm xây dựng và chưa được phê duyệt, chưa rõ từng vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc định biên của đơn vị.

Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện qua công việc của NV chưa lượng hóa cụ thể để đánh giá chính xác, công bằng công việc của các NV. Qua phỏng vấn cho thấy, NV làm cán bộ văn phòng Khoa XHH&PT được đánh giá cao, nhưng từ khi vào làm việc tại Khoa năm 1999 đến nay chưa lần nào được danh hiệu từ chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên và chưa lần nào xếp loại A. Việc khống chế tỷ lệ xếp loại A, B, C chỉ thuần túy căn cứ vào số lượng cán bộ như hiện nay và việc đánh giá xếp loại này dựa vào kết quả khen thưởng là chưa tạo động lực cho NV trong thực hiện công việc.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.3

Học viện nên xem xét ban hành riêng Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí cụ thể cho đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức, trong đó có đội ngũ NV. Các tiêu chí đánh giá năng lực cụ thể về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ... cần gắn với đề án vị trí việc làm.

Học viện cần rà soát lại tính pháp lý của các văn bản sử dụng làm căn cứ cho ban hành văn bản khác.

Học viện nên tiến hành khảo sát, phân tích tính hiệu quả trong thực thi công việc khi quy định tỷ lệ xếp loại A, B, C chỉ thuần túy căn cứ vào số lượng cán bộ, viên chức, công chức như hiện nay để tạo động lực cho NV trong thực hiện công việc. Việc xếp loại chỉ nên căn cứ vào tiêu chí đã đưa ra chứ không nên khống chế tỷ lệ.

Khoa XHH&PT cần rà soát lại Khung năng lực vị trí việc làm cần rõ ràng hơn để làm cơ sở cho việc định biên và cần được phê duyệt. Khung năng lực đối với cán bộ văn phòng Khoa XHH&PT nên cụ thể hơn với đặc thù công việc của Khoa, chẳng hạn yêu cầu biết về các CTĐT mà Khoa đang phụ trách, tiến độ thực hiện CTĐT,...

4. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.3

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 7.3 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.4

Học viện đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV qua phiếu đề xuất gửi cho lãnh đạo các đơn vị thuộc Học viện. Các đơn vị thuộc Học viện sẽ tiến hành thu thập nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng từ các NV. Căn cứ vào đề xuất của NV và yêu cầu công việc, Trưởng các đơn vị báo cáo Ban TCCB để lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho NV được Ban TCCB phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện. Kinh phí để triển khai công tác đào tạo bồi dưỡng được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ. Trong giai đoạn 2016 – 2020, đã có 310 lượt NV được tham dự các khoá đào tạo, bồi dưỡng (12 người được cử đi đào tạo tiến sĩ, 8 người được cử đi đào tạo thạc sĩ, 46 người được cử đi bồi dưỡng lý luận chính trị, 244 người được đi tham dự các lớp bồi dưỡng ngắn hạn khác); tổng kinh phí chi cho đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV từ nguồn thu của Học viện là 86 triệu đồng.

2. Tồn tại của tiêu chí 7.4

Đa phần các khóa học đào tạo, bồi dưỡng chỉ căn cứ vào các khóa học từ HV CTQG Hồ Chí Minh gửi đến hoặc các khóa học do các đơn vị bên ngoài chuyển đến. Chưa có những khóa học mà qua khảo sát nhu cầu, Học viện lên chương trình để tiến hành bồi dưỡng hoặc liên hệ các đơn vị phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng.

Khảo sát thực tế cho thấy, các khoá bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan trực tiếp đến chuyên môn mà NV đang đảm nhận còn hạn chế như: các khoá tập huấn về phát triển CTĐT cho đội ngũ NV.

Học viện chưa tiến hành tổng kết về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.4

Ngoài các khóa đào tạo, bồi dưỡng do HV CTQG Hồ Chí Minh tổ chức, HVBC&TT nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho NV trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV, chú ý đến các khoá tập huấn về phát triển CTĐT cho đội ngũ NV.

Học viện nên thực hiện tổng kết, đánh giá về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng.

2. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 7.4

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 7.4 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.5

Quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận được thể hiện ở Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của HV CTQG Hồ Chí Minh ban hành theo QĐ số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 04/7/2019 của Giám đốc HV CTQG Hồ Chí Minh; Hướng dẫn Đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm của HVBC&TT và Quy định về Đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ban hành kèm theo QĐ số 4780/QĐ-HVBC&TT ngày 16/12/2014.

HVBC&TT đã triển khai đánh giá hiệu quả của đội ngũ NV dựa trên các Quy định, Hướng dẫn trên. Kết quả đánh giá NV từ năm 2016 đến năm 2020 cho thấy, hằng năm đều có 100% NV của Học viện được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, tỷ lệ NV xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ 1,6% năm 2019 tăng lên 8,4% năm 2020. Đối với bình xét các danh hiệu thi đua, tỷ lệ NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến từ năm 2017 đến năm 2020 lần lượt là 97,4%, 97,5%, 94,5% và 90,8%, trong đó số lượng đạt chiến sĩ thi đua cơ sở lần lượt là 0%, 0,8%, 0,8% và 1,5%. Kết quả xếp loại viên chức

và danh hiệu thi đua của NV Khoa XHH&PT từ năm 2017 đến nay đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và lao động tiên tiến.

Khảo sát thực tế cho thấy, hầu hết cán bộ NV đều được tham gia góp ý, bàn bạc dân chủ đối với các văn bản có liên quan đến công tác quản trị công việc trước khi các văn bản được Giám đốc ký ban hành. Các văn bản này được định kỳ rà soát, điều chỉnh để phù hợp hơn với quy định của HV CTQG Hồ Chí Minh và điều kiện thực tế của HVBC&TT. Kết quả phỏng vấn trực tiếp nhóm NV cho thấy, NV hài lòng với việc quản trị công việc, thi đua khen thưởng.

2. Tồn tại của tiêu chí 7.5

Qua phỏng vấn cho thấy, việc yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua chưa tạo được sự động viên khuyến khích cho toàn thể NV, viên chức, công chức của Học viện. Tiêu chí đánh giá còn chung chung gây khó khăn cho việc đánh giá. Tiêu chí dành cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ khó đạt được trong thực tế nên chưa khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ này, đặc biệt là danh hiệu từ chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên và nâng lương trước thời hạn. Kết quả bình xét thi đua của NV Khoa XHH&PT từ năm 2016 đến nay chưa được chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Học viện chưa khảo sát một cách có hệ thống về sự hài lòng của NV hỗ trợ. Học viện chưa triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV.

Đội ngũ NV chưa thiết lập được kế hoạch cụ thể trong đó chỉ rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết vì vậy phát sinh nhiều công việc khi triển khai.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.5

Học viện nên xem xét lại yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua để tạo được sự động viên khuyến khích cho toàn thể NV, viên chức, công chức. Học viện nên xem xét và cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với NV để đảm bảo với sự cố gắng cao có thể đạt được và có tính khả thi trong thực tế đảm bảo khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ này, đặc biệt là danh hiệu từ chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên và nâng lương trước thời hạn.

Học viện nên tiến hành khảo sát có hệ thống về sự hài lòng của NV hỗ trợ để làm căn cứ xây dựng chính sách, nâng cao hiệu quả hoạt động cho đội ngũ này.

Học viện cần triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc

của đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng cũng như ban hành các quy chế, quy định về năng lực, tiêu chí đánh giá cho đội ngũ này.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 7.5

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 7.5 đạt mức: 3./7.

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 7:

+ Điểm mạnh cơ bản

Đề án vị trí việc làm tại HVBC&TT năm 2020 quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ. Học viện đã có một số chính sách thu hút, tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng NV rõ ràng. Học viện đã phân tích tình hình thực tế về phát triển quy mô người học, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục vụ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ NV hỗ trợ. Số lượng và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của đơn vị.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị. Các quy định, quy chế, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được phổ biến công khai đến toàn thể cán bộ, GV và NV.

Quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thể hiện ở Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do Học viện ban hành.

Năng lực của đội ngũ NV được xác định gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với công việc. Đối với Khoa XHH&PT còn có Khung năng lực của vị trí việc làm, theo đó cán bộ văn phòng Khoa yêu cầu về năng lực chuyên môn và các năng lực khác.

Việc đánh giá NV được thực hiện hằng năm theo phân loại A, B, C là cơ sở để Học viện quyết định mức thu nhập tăng thêm cuối năm theo quy chế chi tiêu nội bộ. Kết quả đánh giá phân loại cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NV, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng.

Học viện đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV qua phiếu đề xuất gửi cho lãnh đạo các đơn vị thuộc Học viện. Các đơn vị thuộc Học viện sẽ tiến hành thu thập nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng từ các NV.

Học viện có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

+ Điểm tồn tại cơ bản

Chiến phát triển Học viện chưa có dự báo về đội ngũ CB, GV nói chung và đội ngũ NV nói riêng, chưa chú trọng nhiều đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Chiến lược phát triển của Khoa chưa rõ thời gian ban hành, chưa quan tâm nhiều đến việc phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Đề án vị trí việc làm chưa được Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt, một số vị trí việc làm chưa rõ ràng dẫn đến mô tả chung chung, gây khó khăn cho tuyển dụng và đánh giá, chẳng hạn vị trí "NV phục vụ", "NV". Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển chủ yếu dành cho các chức danh quản lý, chưa đề cập nhiều đến việc điều chuyển NV.

Khung năng lực vị trí việc làm của Khoa XHH&PT chưa có thời điểm xây dựng và chưa được phê duyệt, chưa rõ từng vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc định biên của đơn vị. Khung năng lực đối với cán bộ văn phòng Khoa XHH&PT chung chung, chưa có đặc điểm riêng cho vị trí việc làm của Khoa.

Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện qua công việc của NV chưa lượng hóa cụ thể để đánh giá chính xác, công bằng công việc của các NV.

Đa phần các khóa học đào tạo, bồi dưỡng chỉ căn cứ vào các khóa học từ HV CTQG Hồ Chí Minh gửi đến hoặc các khóa học do các đơn vị bên ngoài chuyển đến. Chưa có những khóa học mà qua khảo sát nhu cầu, Học viện lên chương trình để tiến hành bồi dưỡng hoặc liên hệ các đơn vị phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng. Học viện chưa tiến hành tổng kết về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng.

Qua phỏng vấn cho thấy, việc yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua chưa tạo được sự động viên khuyến khích cho toàn thể NV, viên chức, công chức của Học viện. Tiêu chí đánh giá còn chung chung gây khó khăn cho việc đánh giá. Tiêu chí dành cho

đội ngũ cán bộ hỗ trợ khó đạt được trong thực tế nên chưa khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ này.

Học viện chưa triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. NV chưa thiết lập được kế hoạch cụ thể trong đó chỉ rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết vì vậy phát sinh nhiều công việc khi triển khai.

+ Kiến nghị

Học viện nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm. Học viện/Khoa nên phân tích, làm rõ dự báo về đội ngũ NV, quan tâm hơn đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Học viện nên xem xét ban hành riêng Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí cụ thể cho đánh giá năng lực của đội ngũ NV về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các tiêu chí đánh giá năng lực cần gắn với đề án vị trí việc làm. Học viện nên tiến hành khảo sát, phân tích tính hiệu quả trong thực thi công việc khi quy định tỷ lệ xếp loại.

Ngoài các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức, Học viện BC&TT nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho NV trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV, chú ý đến các khóa đào tạo, bồi dưỡng về phát triển CTĐT.

Học viện nên xem xét lại yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua, nên cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với NV để đảm bảo với sự cố gắng cao có thể đạt được và có tính khả thi trong thực tế, khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ NV.

Học viện cần triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng cũng như ban hành các quy chế, quy định về năng lực, tiêu chí đánh giá.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn	Tiêu chí 7.1				4				3,80
	Tiêu chí 7.2				4				

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
7	Tiêu chí 7.3				4				
	Tiêu chí 7.4				4				
	Tiêu chí 7.5			3					

TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.1

Hàng năm Học viện thực hiện cập nhật hoạt động tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT như: xây dựng Đề án tuyển sinh⁽³⁾, xây dựng Kế hoạch tuyển sinh /KH tư vấn TS/ KH tổ chức tọa đàm trực tuyến tư vấn điều chỉnh nguyện vọng⁽⁴⁾, Thông tin tuyển sinh⁽⁵⁾ với chính sách và quy định tuyển sinh rõ ràng với các ngành của Học viện trong đó có ngành XHH về khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện nhận hồ sơ, phương thức tuyển sinh, hình thức xét tuyển, đối tượng ưu tiên, đối tượng tuyển thẳng.

Các thông tin liên quan đến chính sách, phương thức tuyển sinh được Học viện công bố công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng như cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin tuyển sinh của HVBC&TT (<http://tuyensinhajc.edu.vn/>), website của HVBC&TT (<https://ajc.hcma.vn/>), fanpage khoa XHH&PT, trong cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh đại học các năm, trong tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh...

Trước mỗi kỳ tuyển sinh, căn cứ trên thực trạng tuyển sinh năm trước và nhu cầu nhân lực qua khảo sát các BLQ (các cuộc hội nghị, hội thảo về tuyển dụng do Học viện/Khoa tổ chức), Học viện đã họp HĐTS, tiến hành nghiên cứu, xem xét cập nhật

³ số 1227/ĐA-HVBC&TT-ĐT, số 589/ĐA- HVBC&TT-ĐT ngày 10/2/2017, số 1269/ĐA- HVBC&TT-ĐT ngày 19/3/2018, số 1326-ĐA/HVBC&TT-ĐT ngày 18/3/2019, số 1650-ĐA/ HVBC&TT-ĐT ngày 11/5/2020

⁴ số 1227/ĐA-HVBC&TT-ĐT, số 589/ĐA- HVBC&TT-ĐT ngày 10/2/2017, số 1269/ĐA- HVBC&TT-ĐT ngày 19/3/2018, số 1326-ĐA/HVBC&TT-ĐT ngày 18/3/2019, số 1650-ĐA/ HVBC&TT-ĐT ngày 11/5/2020

⁵ số 1227/ĐA-HVBC&TT-ĐT, số 589/ĐA- HVBC&TT-ĐT ngày 10/2/2017, số 1269/ĐA- HVBC&TT-ĐT ngày 19/3/2018, số 1326-ĐA/HVBC&TT-ĐT ngày 18/3/2019, số 1650-ĐA/ HVBC&TT-ĐT ngày 11/5/2020

chính sách tuyển sinh của ngành XHH trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, số lượng thí sinh nhập học ngành XHH so với chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt lần lượt các năm từ 2016-2017 đến 2020-2021 đạt 68%, 86%, 112%, 92%, 126% với điểm trúng tuyển lần lượt là 20,75; 22,25; 18,75; 19,65 và 23,35.

2. Tồn tại của tiêu chí 8.1

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của các BLQ để tiến hành phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực trong giai đoạn đánh giá chưa đa dạng về đối tượng khảo sát.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.1

Học viện/Khoa cần đa dạng hoá đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các BLQ để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh được chặt chẽ và bài bản.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 8.1

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 8.1 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và PP tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.2

Trong giai đoạn đánh giá, Học viện/Khoa đã thực hiện tuyển sinh trên phạm vi cả nước với các phương thức tuyển sinh khác nhau như: năm 2016 và 2017 áp dụng phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPTQG; năm 2018 xét tuyển theo 3 phương thức (xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT, theo kết quả thi THPTQG và xét tuyển theo học bạ); năm 2019 với 4 phương thức (tương tự năm 2018 và bổ sung thêm phương thức ưu tiên xét tuyển thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba HSG QG); và năm 2020 với 4 hình thức gồm xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia, xét tuyển thẳng, xét tuyển theo học bạ THPT và xét tuyển kết hợp (có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương IELTS 6.5). Với phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia: Tiêu chí tuyển chọn người học ngành XHH được dựa trên điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi thuộc các tổ hợp C01, C03, D01 của kết quả kỳ thi THPT quốc gia, có cộng điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) và lấy điểm từ cao xuống đến đủ chỉ tiêu của ngành. Năm 2018, Học

viện bổ sung tổ hợp C14 (Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân) vào xét tuyển, tuy nhiên, số lượng thí sinh đăng ký thấp nên từ năm 2019, Học viện không đưa tổ hợp C14 vào xét tuyển ngành XHH.

Ngoài ra, điểm xét tuyển còn phải đảm bảo tối thiểu đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) theo quy định hàng năm của Học viện/ngành XHH và/hoặc của Bộ GD&ĐT. Các tiêu chí và PP tuyển chọn được nêu rõ trong Đề án tuyển sinh, Thông báo/thông tin tuyển sinh và công bố công khai trên trang thông tin tuyển sinh của Trường.

Học viện đã họp HĐ tuyển sinh rà soát dự thảo Đề án tuyển sinh trước khi công bố (các Biên bản họp HĐ ngày 28/1/2016, ngày 14/2/2017, ngày 6/2/2018, ngày 28/2/2019 và ngày 24/4/2020), đồng thời căn cứ trên thực trạng tuyển sinh năm trước, Hội đồng tuyển sinh đã phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà trường từ đó đưa ra các phương thức TS, tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông ... để hoàn thiện Đề án tuyển sinh và xây dựng KH các hoạt động cho kỳ tuyển sinh tiếp theo.

Qua nghiên cứu hồ sơ MC cho thấy, số lượng và chất lượng đầu vào của người học Ngành XHH tương đối ổn định qua các năm. Trong giai đoạn 2016 đến nay, trung bình một năm Khoa tuyển vào 1 lớp cử nhân XHH với số lượng 40-60 SV. Kết quả tuyển sinh tương đối ổn định với điểm đầu vào có xu hướng tăng trong 3 năm gần đây (2018-2019 đến 2020-2021 có điểm chuẩn lần lượt là 18,75; 19,65 và 23,35).

2. Tồn tại của tiêu chí 8.2

Học viện chưa triển khai hoạt động tổng kết, rà soát, đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học ngay sau khi kết thúc tuyển sinh, hoạt động này được tích hợp trong công tác chuẩn bị xây dựng Đề án tuyển sinh.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.2

Học viện nên định kỳ triển khai hoạt động tổng kết, rà soát, đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học ngay sau khi kết thúc tuyển sinh.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 8.2

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 8.2 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.3

Học viện đã thành lập Phòng CTCT&HTSV ⁽⁶⁾, Ban QLĐT ⁽⁷⁾, Trung tâm KT&KĐCL, Phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá... với đội ngũ cán bộ chuyên trách được phân công giám sát tiến bộ học tập của NH, ngoài ra còn có đội ngũ cố vấn học tập, đội ngũ chuyên viên VP Khoa chịu trách nhiệm giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của SV ngành XHH và thực hiện cảnh báo học vụ. Học viện đã sử dụng Phần mềm QLĐT (phần mềm ESSoft Version 6.0) trong đó có modul quản lý SV... hỗ trợ hoạt động giám sát KQHT của người học, phần mềm/các công cụ hỗ trợ việc giám sát học/thi trực tuyến, kết quả rèn luyện, quản lý hồ sơ, hoạt động ngoại khoá... có tính tích hợp, có phân quyền phù hợp cho mỗi loại đối tượng GV, CVHT, Trưởng các đơn vị, SV, Ban QLĐT, Phòng CTCT&HT SV, Khoa XHH&PT.

Học viện đã ban hành Quy định về công tác CVHT trong đào tạo theo hệ thống TC của HVBC&TT (QĐ số 3935/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 25/11/2015), Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC&TT (QĐ số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định chuẩn đầu ra trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Số 435/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 22/02/2016), Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi (ngày 30/11/2015), Quy định về công tác khảo thí của HVBC&TT (Số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 1/9/2017), Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi (QĐ số 2648/QĐ-HVBC&TT ngày 09/7/2020)... hỗ trợ triển khai hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH

Định kỳ hàng tháng Khoa thu nhận ý kiến từ NH (các Biên bản họp phản ánh của SV hàng tháng) về các mặt liên quan đến học tập và rèn luyện, hệ thống CSVC, hoạt động dạy-học của GV/NH..., trên cơ sở đó có biện pháp cải tiến để hỗ trợ NH kịp thời. Hàng năm, Học viện đều tổ chức các buổi tiếp xúc giữa NH với BGĐ Học viện, các đơn vị chức năng nhằm lắng nghe ý kiến từ NH để có KH và biện pháp cải tiến nhằm hỗ trợ cũng như có cách thức giám sát hoạt động giảng dạy của GV cũng như của NH một cách tốt hơn.

⁶ Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Phòng CTCT&HTSV Số 4239-QĐ/HVBCTT ngày 30/9/2019

⁷ Quy chế hoạt động của Ban QLĐT 01/QĐ-BQLĐT ngày 16/1/2015; Quyết định v/v ban hành chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT 3917/QĐ-HVBCTT 31/10/2017; Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban QLĐT, 4227/QĐ/HVBCTT ngày 30/9/2019

Trong giai đoạn đánh giá, số liệu thống kê từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 cho thấy, số lượng/tỷ lệ SV ngành XHH có kết quả rèn luyện đạt từ loại tốt trở lên lần lượt là 44,6% (74/166), 22,7% (36/158), 8,5% (15/176), 15,6% (29/186), và 12,2% (27/222); vẫn còn một tỷ lệ SV có điểm rèn luyện đạt loại TB (7,83% (13/166); 18,35% (29/158); 29,0% (51/176); 28,0% (52/186); 18,0% (40/222), SV loại yếu/kém chiếm tỷ lệ 5,42%; 0%; 2,27%; 2,69% và 0%; số lượt SV bị cảnh báo học vụ trong cả 5 năm là 03 lượt; 09 SV bị tạm dừng tiến độ học tập; và có 27 SV bị xoá tên/thôi học trong vòng 5 năm (2016-2017 đến 2019-2020).

2. Tồn tại của tiêu chí 8.3

Vẫn còn một tỷ lệ SV thôi học/bị xoá tên và SV có kết quả rèn luyện đạt loại trung bình, yếu kém.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.3

Học viện/Khoa XHH&PT, đội ngũ cố vấn học tập và đội ngũ chuyên trách về công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cần tăng cường hơn nữa và có biện pháp hỗ trợ NH nhằm giảm tỷ lệ SV có kết quả rèn luyện trung bình và yếu kém, mặt khác cần tìm nguyên nhân thôi học của SV để có biện pháp tư vấn kịp thời nhằm giảm tỷ lệ SV thôi học.

4. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.3

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 8.3 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.4

Học viện đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị như Phòng CTCT&HTSV, Đoàn thanh niên, đội ngũ cán bộ chuyên trách, cố vấn học tập chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học như đăng ký học, đăng ký thi cải thiện điểm; hỗ trợ các vấn đề về sức khoẻ; về học bổng KKHT, học bổng tài trợ, miễn giảm học phí; hỗ trợ về nhà trọ/KTX; về hoạt động văn thể mỹ, triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho SV ngành XHH như định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng

viết CV, phỏng vấn xin việc, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh. Sau mỗi đợt/kỳ hoạt động, Nhà trường tổ chức tổng kết đánh giá và định hướng cho các đợt hoạt động kế tiếp

Khoa đã tổ chức được nhiều hoạt động ngoại khóa phong phú như: Chủ trì, tham gia thực hiện các đề tài NCKH SV; Tham quan, thực tập, kiến tập tại các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp, các trường ĐH, CĐ trong cả nước; Các hoạt động Đoàn, Hội: Thanh niên tình nguyện, văn nghệ xung kích, thể dục thể thao...Khoa có Ban truyền thông, CLB Tư vấn hỗ trợ SV thu hút nhiều SV của ngành tham gia.

Trong giai đoạn đánh giá, Đoàn thanh niên Học viện đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Học viện định kỳ tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng mềm cho SV⁽⁸⁾, các hoạt động ngoại khóa như SV tình nguyện “Mùa đông ấm” “Tình nguyện hè”, tổ chức các cuộc thi như “Tuyển chọn MC SPEAK UP”, Giải bóng đá SV AJC CUP ...

Hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV ngành XHH được Phòng CTCT&HTSV, Khoa và Học viện đặc biệt quan tâm như liên hệ với các cơ sở thực tập cho SV, mời các tổ chức/đơn vị tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp, chia sẻ với SV về kỹ năng mềm, cơ hội phát triển nghề nghiệp, việc làm. Trong giai đoạn đánh giá, Học viện/Khoa đã ký kết thoả thuận hợp tác với các Trường THPT trên địa bàn HN (THPT Yên Hoà, Hà Thành, Nguyễn Bình Khiêm, Văn Hiến...), các UBND phường tại HN (Phường Giảng võ, Thành Công...), các trường ĐH (ĐH Công đoàn, Học viện Phụ nữ...), Kênh Truyền hình Quốc phòng VN, về việc gửi SV sang thực tập thực tế, hợp tác đào tạo NCKH, tạo cơ hội việc làm cho SV TN, xây dựng và triển khai chương trình định hướng nghề nghiệp, huấn luyện kỹ năng.

Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học/người học đã tốt nghiệp về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm có sự thay đổi theo hướng tăng dần (từ 51% năm 2017, và năm 2020 là 76.2%) trong giai đoạn đánh giá cho thấy người học khá hài lòng với các hoạt động này.

2. Tồn tại của tiêu chí 8.4

Qua nghiên cứu hồ sơ MC và phỏng vấn các BLQ cho thấy, hoạt động hướng nghiệp, công tác cố vấn học tập, việc giải quyết các thủ tục hành chính đối với NH vẫn còn hạn chế.

^{*} KH số 03-KH/ĐTNHVBCTT ngày 13/9/2017; 13-KH/ĐTNHVBCTT ngày 20/9/2018; 27-KH/ĐTNHVBCTT ngày 20/8/2019

Học viện chưa có bộ phận chuyên trách công tác tư vấn việc làm cho SV.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.4

Học viện/Khoa XHH&PT cần có KH thúc đẩy hơn nữa hoạt động tư vấn hỗ trợ NH của đội ngũ CVHT, cần tăng cường các hoạt động hướng nghiệp, tư vấn việc làm.

Học viện cần nghiên cứu sớm thành lập bộ phận chuyên trách công tác tư vấn việc làm cho SV.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 8.4

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 8.4 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.5

Học viện có khu hiệu bộ, giảng đường, thư viện, khu ký túc xá ... được bố trí khoa học thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CB, GV và NH. Với cơ sở vật chất hiện đại, môi trường làm việc thân thiện đã tạo cho CBGV, NV, NH có không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các phòng làm việc của Khoa XHH&PT, của CB, GV ngành XHH đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế...

Cảnh quan môi trường sư phạm của Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng trong Trường và đảm bảo các quy định về vệ sinh học đường. Các phòng học đều được trang bị điều hòa, máy chiếu, bảng phấn, bảng viết bút, đồng hồ, thùng rác, bình cứu hỏa, rèm để chắn ánh sáng chiếu máy chiếu, thiết bị âm thanh chất lượng tốt, hệ thống wifi miễn phí tại KTX nhằm đáp ứng kịp thời tốt nhất nhu cầu thông tin phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập và tại khu ký túc xá có nơi tập thể dục, nhà ăn... tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong sinh hoạt.

Qua khảo sát thực địa cho thấy, Học viện đã trang bị đầy đủ CSVN (khu sinh hoạt chung/riêng và hệ thống sân tập, thao trường, trang quân dụng) để được phép đào tạo GDQP trong khuôn viên Học viện.

Học viện đã ban hành Nội quy phòng học, Nội quy sử dụng phòng máy tính, Nội quy sử dụng Studio (theo QĐ số 3479/QĐ-HVBC&TT ngày 30/10/2015), Quy định về

ứng xử văn hoá của SV, học viên/ của cán bộ GV HVBC&TT.... với các nội dung quy định chung và quy định riêng đối với mỗi đối tượng ra/vào/làm việc/liên hệ công tác; quy định ra vào đối với các đơn vị sửa chữa/bảo dưỡng/bảo hành; quy định về PCCC; quy định về việc sử dụng khu vực công cộng, quy định về đi lại và trông giữ xe...

Học viện có Trạm y tế (Phòng y tế năm 2017 theo QĐ số 3642/QĐ-HVBC&TT ngày 12/10/2017; là Trạm y tế theo QĐ số 4299-QĐ/HVBC&TT ngày 30/9/2019) trực thuộc Văn phòng chịu trách nhiệm chăm sóc sức khoẻ cho CB, GV, NV, NH của Trường; thực hiện cập nhật và thông báo về các nguy cơ bệnh tật theo mùa và cách phòng tránh, xử lý nhằm đảm bảo sức khỏe cho CBGV, SV và có kế hoạch hành động cụ thể.

Học viện có canteen phục vụ SV, CBGV, NV đảm bảo thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống canteen không hoạt động theo quy định về phòng chống dịch Covid-19.

Học viện có Ban chỉ huy PCCC (QĐ kiện toàn lực lượng PCCC số 1462/QĐ-HVBC&TT ngày 26/4/2017), Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (QĐ số 2610/QĐ-HVBC&TT ngày 14/6/2018, kiện toàn theo QĐ số 2659/QĐ-HVBC&TT ngày 11/6/2019, kiện toàn theo QĐ số 2435-QĐ/HVBC&TT ngày 30/6/2020), Lực lượng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (QĐ số 2611/QĐ-HVBC&TT ngày 14/6/2018, kiện toàn theo QĐ số 2660/QĐ-HVBC&TT ngày 11/6/2019, kiện toàn theo QĐ số 2434-QĐ/HVBC&TT ngày 30/6/2020) thực hiện công tác cứu nạn cứu hộ tại Học viện đảm bảo công tác phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn khi sự cố xảy ra.

Học viện có Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo (theo QĐ số 4299-QĐ/HVBC&TT ngày 30/9/2019 sau khi sát nhập Trung tâm thực hành hỗ trợ và đào tạo về Văn phòng) chịu trách nhiệm hỗ trợ về CSVC cho hoạt động ĐT.

Học viện/Khoa đã tiến hành khảo sát sự hài lòng của NH và các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Học viện/Khoa. Qua khảo sát thực địa, phỏng vấn các BLQ và báo cáo kết quả khảo sát cho thấy, mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện/Khoa đạt trên 75%.

2. Tồn tại của tiêu chí 8.5

Nhân lực bộ phận Y tế hiện chưa có trình độ ĐH (từ năm 2018).

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.5

Nhà trường cần có KH bổ sung nguồn nhân lực có trình độ ĐH cho bộ phận y tế, đồng thời nâng cấp/cải tạo CSVC của Trạm y tế.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 8.5

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 8.5 đạt mức: 5/7.

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 8:

+ Điểm mạnh cơ bản

Hàng năm, Học viện thực hiện cập nhật hoạt động tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT như: xây dựng Đề án tuyển sinh, xây dựng Kế hoạch tuyển sinh, KH tư vấn... với chính sách và quy định tuyển sinh rõ ràng. Các thông tin liên quan đến chính sách, phương thức tuyển sinh được Học viện công bố công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Đã chú trọng nghiên cứu, xem xét cập nhật chính sách tuyển sinh của ngành XHH trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Học viện đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học như đăng ký học, đăng ký thi cải thiện điểm; hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe; về học bổng KKHT, triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho SV ngành XHH như định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV... Sau mỗi đợt/kỳ hoạt động, Nhà trường tổ chức tổng kết đánh giá và định hướng cho các đợt hoạt động kế tiếp. Định kỳ hàng tháng, Khoa thu nhận ý kiến từ các lớp về hoạt động giảng dạy của GV, học tập, rèn luyện của NH, CSVC của Khoa/Học viện trong hỗ trợ hoạt động dạy-học; đồng thời hàng năm BGD Học viện đã tổ chức các buổi họp lắng nghe ý kiến từ NH.

Hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV ngành XHH được liên hệ với các cơ sở thực tập cho SV, mời các tổ chức/đơn vị tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp, chia sẻ với SV về kỹ năng mềm, cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Học viện có khu hiệu bộ, giảng đường, thư viện, khu ký túc xá ... được bố trí khoa học thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của CB, GV và NH. Với cơ sở vật chất hiện đại, môi trường làm việc thân thiện đã tạo cho CB, GV, NV, NH có không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên

cứu. Các phòng làm việc của Khoa XHH&PT, của CB, GV ngành XHH đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc.

Cảnh quan môi trường sư phạm của Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng trong Trường và đảm bảo các quy định về vệ sinh học đường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ cơ sở vật đáp ứng tốt nhất nhu cầu phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập. Học viện đã trang bị đầy đủ CSVC để đào tạo GDQP trong khuôn viên Học viện.

Học viện đã ban hành quy định về ứng xử văn hoá của SV, học viên/ của CB, GV, NV, Nội quy/quy định của Học viện... với các nội dung quy định chung và quy định riêng đối với mỗi đối tượng ra/vào/làm việc/liên hệ công tác; quy định ra vào đối với các đơn vị sửa chữa/bảo dưỡng/bảo hành; quy định về PCCC, sử dụng khu vực công cộng,... Học viện đảm bảo thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm.

+ Điểm tồn tại cơ bản

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của các BLQ để tiến hành phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực trong giai đoạn đánh giá chưa đa dạng về đối tượng khảo sát.

Hoạt động rà soát và đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học của Học viện được tích hợp trong cùng hoạt động chuẩn bị xây dựng Đề án tuyển sinh.

Vẫn còn một tỷ lệ SV thôi học/bị xoá tên và SV có kết quả rèn luyện đạt loại trung bình, yếu kém.

Hoạt động hướng nghiệp, công tác cố vấn học tập, việc giải quyết các thủ tục hành chính đối với NH vẫn còn hạn chế.

Học viện chưa có bộ phận chuyên trách công tác tư vấn việc làm cho SV.

Nhân lực phòng Y tế hiện chưa có trình độ ĐH (từ năm 2018).

+ Kiến nghị

Học viện/Khoa cần đa dạng hoá đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các BLQ để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh được chặt chẽ và bài bản.

Học viện nên định kỳ triển khai hoạt động tổng kết, rà soát, đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học ngay sau khi kết thúc tuyển sinh một cách chặt chẽ bài bản.

Học viện/Khoa XHH&PT, đội ngũ cố vấn học tập và đội ngũ chuyên trách về công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cần có kế hoạch và biện

pháp hỗ trợ NH nhằm giảm tỷ lệ SV có kết quả rèn luyện trung bình và yếu kém và giảm tỷ lệ SV thôi học.

Học viện/Khoa XHH&PT cần có KH thúc đẩy hơn nữa hoạt động tư vấn hỗ trợ NH của đội ngũ CVHT, cần tăng cường các hoạt động hướng nghiệp.

Học viện/Khoa XHH&PT cần quan tâm hơn tới hoạt động tư vấn học tập hỗ trợ việc làm đối với NH. Học viện cần nghiên cứu sớm thành lập bộ phận chuyên trách công tác tư vấn việc làm cho SV.

Nhà trường cần có KH bổ sung nguồn nhân lực có trình độ ĐH cho bộ phận y tế.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 8	Tiêu chí 8.1				4				4,20
	Tiêu chí 8.2				4				
	Tiêu chí 8.3				4				
	Tiêu chí 8.4				4				
	Tiêu chí 8.5					5			

TIÊU CHUẨN 9: CSVC VÀ TRANG THIẾT BỊ

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.1

Học viện có tổng diện tích khuôn viên là 57.310,6 m²; diện tích xây dựng 33.709.52 m²; tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ ĐT, NCKH là 17.916.37 m², bao gồm: 97 phòng học, hội trường, phòng bảo vệ luận văn, luận án với tổng diện tích 8116,06 m² được bố trí hợp lý, bao gồm 01 hội trường 600 chỗ, 01 hội trường 200 chỗ, 01 hội trường 100 chỗ, 12 phòng học trên 100 chỗ, 56 phòng học trên 50 chỗ, 29 phòng học dưới 50 chỗ, 02 phòng Bảo vệ luận văn, luận án, 01 phòng học đa phương tiện với diện tích 71.28 m² và có 17 phòng thực hành với diện tích 996,88 m². Ngoài ra còn có hệ thống phòng thực hành gồm các phòng Studio được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo, hệ thống sân thể thao SV (2728,38 m²), Thư viện (3914 m²), ký túc xá với quy mô gần 3000 chỗ ở, với quy mô SV của Học viện 8957 người học chính quy, diện tích sàn đào tạo đạt bình quân 5,27 m²/SV đáp ứng quy định.

Các phòng làm việc, phòng học, giảng đường, phòng chức năng đều được trang bị phương tiện và các thiết bị cần thiết, đáp ứng yêu cầu làm việc và tổ chức dạy - học, như: Hệ thống chiếu sáng, quạt trần, điều hòa không khí, bàn ghế, máy tính, máy chiếu, camera, âm thanh... (Danh mục CSVC, trang thiết bị toàn Học viện 2016-2020).

Khoa XHH&PT có tổng diện tích đất sử dụng: 126m², có 4 phòng làm việc, bố trí tại tòa nhà A1 bao gồm Phòng làm việc của GV, Văn phòng khoa, phòng Phó chủ nhiệm khoa, phòng làm việc của Trưởng khoa. Khoa có 13 Giảng viên cơ hữu, bình quân diện tích làm việc 9.69 m²/người và có các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu và phát triển học thuật.

SV ngành XHH sử dụng chung giảng đường của Học viện với bình quân 3,42 m²/SV. Việc phân bổ, sắp xếp phòng học, giảng đường cho CTĐT ngành XHH là do Ban đào tạo và phòng quản trị và quản lý ký túc xá phối hợp thực hiện.

Khoa XHH&PT có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/ SV theo quy định, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành.

Trong chu kỳ kiểm định Học viện đã tổ chức Khảo sát về mức độ hài lòng về cơ sở vật chất với kết quả khảo sát: của GV, năm 2018: 69%; năm 2019: 69.17%; năm 2020: 77.4 %. Của SV, năm 2018: 67.1%; năm 2019: 77.8%; năm 2020: 86 %.

2. Tồn tại của tiêu chí 9.1

Học viện có quyết định ban hành quy định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành chức năng của HVBC&TT song chưa tách riêng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.1

Học viện cần tách riêng quy trình quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện và kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

2. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.1

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 9.1 đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.2

Học viện có Trung tâm thông tin khoa học (TTTTKH), với tổng diện tích sử dụng là 3.914 m². TTTTKH có 04 phòng đọc và 02 phòng mượn tài liệu; có hệ thống máy tính (gồm 02 máy chủ và 63 máy trạm) giúp tra cứu tài liệu và truy cập cơ sở dữ liệu, có Nội quy, có hướng dẫn sử dụng, tra cứu tài liệu và có sơ đồ hệ thống Thư viện. Theo danh mục sách, giáo trình, tài liệu được thống kê tại TTTTKH có: 16,989 đầu sách với 114,260 bản sách; 1,908 đề tài NCKH với 2,576 bản; 4,380 luận văn với 4,500 bản; 96 luận án với 96 bản. Số lượng tài liệu đã được số hóa đến tháng 10 năm 2021 là 7862 tài liệu. TTTTKH đang sử dụng phần mềm Kipos 6.x và phần mềm quản lý thư viện số Dspace 5.9.

Hàng năm Học viện đều có kế hoạch bổ sung giáo trình, tài liệu, sách tham khảo và đã tổ chức mua sắm bổ sung, cụ thể: năm 2016: 328 đầu sách với 2.956 bản; năm 2017: 516 đầu sách với 5,001 bản; năm 2018: 484 đầu sách với 2,552 bản; năm 2019: 477 đầu sách với 4,347 bản; năm 2020: 313 đầu sách với 2,450 bản và đến tháng 10 năm 2021: 198 đầu sách với 2,018 bản.

Trong giai đoạn đánh giá, TTTTKH đã được Học viện đầu tư mua sắm học liệu: năm 2016: 642 triệu đồng; năm 2017: 990 triệu đồng; năm 2018: 842 triệu đồng; năm 2019: 1,145 triệu đồng; năm 2020: 1,094 triệu đồng và đến tháng 10 năm 2021: 422 triệu đồng.

Thư viện số có số lượt bạn đọc truy cập, năm 2016: 235134; năm 2017: 581436; năm 2018: 605500; năm 2019: 945697; năm 2020: 1918689; năm 2021: 1924918; với giai đoạn giãn cách xã hội do covid-19, thư viện số có số lượt bạn đọc truy cập từ tháng 04/2021 đến tháng 09/2021 là 1298660. Thư viện điện tử có số lượt bạn đọc truy cập từ tháng 11/2017 đến tháng 10/2021 là 8959395; số lượng bạn đọc đến đọc tại thư viện: 38.746; số lượt bạn đọc mượn sách là: 25.899; với giai đoạn giãn cách xã hội do covid-19, thư viện điện tử có số lượt bạn đọc truy cập từ tháng 04/2021 đến tháng 09/2021 là 2421720; số lượng bạn đọc đến đọc tại thư viện: 936; số lượt bạn đọc mượn sách là: 1074;

Ngành XHH được bổ sung: năm 2016: 57 đầu sách với 821 bản; năm 2017: 102 đầu sách với 1,212 bản; năm 2018: 83 đầu sách với 519 bản; năm 2019: 78 đầu sách với

909 bản và năm 2020: 45 đầu sách với 299 bản; Tháng 10 năm 2021: 68 đầu sách với 566 bản. Ngành XHH có 299 tài liệu số tại Thư viện số

Khoa XHH&PT có một tủ sách chuyên ngành do GV của Khoa đóng góp, phục vụ cho việc dạy, học và nghiên cứu tại chỗ dành cho GV và SV của Khoa (hiện có khoảng 660 đầu tài liệu sách và tài liệu tham khảo, trong đó: Từ điển 53; Sách tiếng nước ngoài: 53, Sách giáo trình ngành XHH: 42, Sách tham khảo: 156, Tạp chí khoa học các loại: 207, Kỷ yếu tổng kết: Đề tài khoa học của GV, SV : 37, Sản phẩm dự án: 12; luận án và nghiên cứu khác: 21, Khóa luận: 56; Kỷ yếu tổng kết: 23). Kết quả kiểm tra 57 tài liệu học tập của 10 môn học ngành XHH tại Thư viện có 51 tài liệu, đạt 89.5 %.

Kết quả khảo sát về sự hài lòng của bạn đọc ngành XHH: năm 2016: 71,15%, năm 2017: 72,05%, năm 2018: 73,25%, năm 2019: 74,4%, năm 2020: 75%. cho thấy mức độ hài lòng về hệ thống Thư viện, CSVC phục vụ GD và NCKH.

2. Tồn tại của tiêu chí 9.2

Qua kiểm tra thực tế, Học viện có sử dụng Thư viện điện tử và Thư viện số, việc kết nối dữ liệu với các cơ sở khác để sử dụng chung nguồn học liệu còn hạn chế; thư viện đã số hoá giáo trình với 7862 sách và TLTK cho các CTĐT. Tuy nhiên, giáo trình, tài liệu phục vụ cho CTĐT cử nhân XHH còn khiêm tốn, số sách mới và sách tham khảo của nước ngoài còn ít.

Hoạt động liên kết với thư viện Viện nghiên cứu Châu Âu; TTTTV các Trường ĐH KTQD, Trường ĐH Nha Trang, Trường ĐH sư phạm HN chỉ mới cho phép trích xuất thông tin danh mục/danh sách, còn hạn chế trong việc khai thác nội dung/thông tin từ các nguồn tài liệu trong danh mục/danh sách đó.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.2

Cần tăng cường triển khai hoạt động của Thư viện điện tử/thư viện số. Cần tăng cường số hoá giáo trình, sách và TLTK cho tất cả CTĐT nói chung và CTĐT ngành XHH nói riêng.

Quan tâm hơn nữa đến việc bổ sung, cập nhật tài liệu, giáo trình mới; Có kế hoạch khuyến khích thu hút bạn đọc đến khai thác sử dụng tài liệu tại TTTTKH nhiều hơn, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

Cần tăng cường hơn nữa hiệu quả trao đổi, chia sẻ thông tin, tài liệu giữa Thư viện của Học viện với Thư viện các CSGD ĐH trong và ngoài nước.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 9.2 đạt mức: 4/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.3

Theo thống kê hàng năm trong chu kỳ kiểm định và cập nhật đến năm 2020 Học viện có 17 phòng thực hành với diện tích 996,88 m². Qua kiểm tra cho thấy các phòng thực hành đủ và đều được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT & NCKH (Học viện tổ chức kiểm kê, lập sổ tài sản hàng năm (2016-2020) và có thống kê danh mục trang thiết bị phòng thực hành).

Phòng thực hành có Nội quy do Giám đốc ký ban hành, có Quy định về quản lý sử dụng phòng thực hành (QĐ số 3479/QĐ-HVBC&TT ngày 30/10/2015 của Giám đốc), có sổ Nhật ký sử dụng phòng thực hành, phòng máy và có Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị phòng thực hành. Các phòng thực hành do phòng Thiết bị cử cán bộ phụ trách và toàn bộ phòng máy, phòng thực hành CNTT do Trung tâm CNTT phân công người phụ trách. Có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng trang thiết bị.

Khoa XHH&PT được sử dụng chung các phòng học và phòng thực hành của Học viện. Trang thiết bị tại các phòng máy, phòng thực hành được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật bổ sung hàng năm để đáp ứng nhu cầu về ĐT và nghiên cứu (Thống kê theo dõi sửa chữa, cập nhật, duy tu, bảo dưỡng thiết bị từ năm 2016- 2020). Trong chu kỳ kiểm định Học viện đã đầu tư kinh phí mua sắm bổ sung và nâng cấp CSVC và trang thiết bị dạy và học phục vụ đào tạo cụ thể như sau: (năm 2016 : 10.82 triệu đồng; năm 2017: 10.428 triệu đồng; năm 2018: 18.499 triệu đồng; năm 2019: 27.148 triệu đồng; năm 2020: 19.807 triệu đồng và năm 2021: 36.453 triệu đồng).

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng về phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị cần thiết cho giảng dạy, học tập cho thấy: ý kiến của GV, năm 2019: 75%; năm 2020: 80,0%; ý kiến của SV: năm 2017: 63,7%; năm 2018: 63,75%; năm 2019: 73,6%.

2. Tồn tại của tiêu chí 9.3

Việc xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp chưa được thực hiện bài bản.

Cấu hình của máy vi tính sử dụng ở một số phòng thực hành thấp (có một số trang bị từ năm 2012), chưa đáp ứng tốt yêu cầu cài đặt phần mềm hoặc mô phỏng nội dung môn học trong CTĐT ngành XHH.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.3

Học viện/Khoa XHH&PT cần triển khai xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp một cách chặt chẽ và bài bản.

Cần bổ sung hệ thống máy tính phù hợp.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.3

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 9.3 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.4

Học viện có hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm có 591 máy tính bao gồm 388 máy tính phục vụ hoạt động dạy học được bố trí tại 12 phòng thực hành và thư viện; 203 máy tính trang bị cho đơn vị phục vụ công tác quản lý điều hành được kết nối mạng Lan, mạng internet; Học viện hiện tại có 13 máy chủ (04 máy chủ phục vụ cho hoạt động đào tạo; 01 máy chủ phục vụ hoạt động tài chính; 02 máy chủ phục vụ hoạt thư viện số, thư viện điện tử; 01 máy chủ phục vụ cho quản lý hệ thống mạng; 02 máy chủ phục vụ cho thi chuẩn đầu ra tin học ngoại ngữ và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung 6 bậc của Việt nam; 02 máy chủ phục vụ cho trường quay ảo và phòng thực hành quay phim; 01 máy chủ phục vụ quản lý ký túc xá SV); Học viện có 01 đường truyền internet kênh thuê riêng Leasedline với tốc độ 6Mb quốc tế và 300Mb trong nước phục công tác quản lý điều hành và hệ thống mạng wifi trong toàn Học viện để phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu; ngoài ra Học viện có 04 đường truyền internet tốc độ cao FTTH để phục vụ cho các lớp chất lượng cao, các lớp liên kết đào tạo quốc tế với đại học Middlesex Vương Quốc Anh, các phòng thực hành máy tính và trường quay (04 đường truyền FTTH với tốc độ 100 Mbps được lắp

đặt tại các khu nhà A2; A3,A4,B11; B3 và B1). Học viện có cổng thông tin điện tử tiếng Việt và tiếng Anh tại địa chỉ: <http://ajc.hcma.vn>. Học viện có cổng thông tin SV tại địa chỉ <http://quanlydaotaoajc.hcma.vn>. Học viện còn có Tạp chí Lý luận chính trị truyền thông điện tử tại địa chỉ <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/>.

Để phục vụ cho công tác đào tạo và quản lý điều hành của Học viện, Học viện đã trang bị 05 phần mềm chuyên dụng có bản quyền sử dụng: Phần mềm QLĐT (ESSoft Version 6.0) trong đó có modul QLKH: Quản lý SV, Quản lý Ký túc xá và Quản lý học phí; Phần mềm Chấm thi trắc nghiệm (Mr.Test Version 5.0); Phần mềm Thư viện số (Dspace Version 5.9); Phần mềm Kế toán (Anna 7.0) và Phần mềm Quản lý tài sản.

Ngoài ra tại phòng thực hành máy tính của khoa đều được cài đặt các phần mềm chuyên dụng riêng biệt, ngành có bản quyền.

Kết quả khảo sát cho thấy hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đầu tư mua sắm trang thiết bị và sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, cập nhật hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu: Năm 2016: 397 triệu đồng; Năm 2017: 2858 triệu đồng; Năm 2018: 1342 triệu đồng; Năm 2019: 208 triệu đồng; Năm 2020: 2740 triệu đồng và đến tháng 10 năm 2021: 2479 triệu đồng.

Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng với hệ thống CNTT của Học viện cho thấy: ý kiến của GV: năm 2018: 37,5%; năm 2019: 28,6%; năm 2020: 40,0 %. Ý kiến của NH: năm 2017: 45,5%; năm 2018: 42,86%; năm 2019: 71,7%.

2. Tồn tại của tiêu chí 9.4

Học viện đã đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm song chưa kịp thời. Tốc độ đường truyền internet còn có lúc chậm, còn tình trạng nghẽn mạng cục bộ do yếu tố đường truyền.

Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ chưa được thực hiện một cách bài bản.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.4

Học viện cần đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm kịp thời hơn. Nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền internet, đồng thời tiếp tục đầu tư thiết bị CNTT có cấu hình cao phù hợp để đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả.

Hàng năm cần thực hiện bài bản hơn về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các hoạt động ĐT&NCKH của hệ thống CNTT.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.4

(không có).

5. Đánh giá tiêu chí 9.4 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.5

Học viện có Phòng Y tế. Hàng năm, Học viện đã chú trọng việc khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ và SV (nhập học & tốt nghiệp) theo Thông tư 14/2013 và Quyết định 16/2013 của Bộ Y tế (HĐ khám sức khỏe từ năm 2016-2020). Học viện đã tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho CBVC và NH. Kết quả khám sức khỏe định kỳ của GV và SV được lưu trữ đầy đủ.

Về công tác An ninh chính trị - Trật tự an toàn xã hội, Học viện có các công tác phối hợp với các bên thể hiện qua các biên bản làm việc. Học viện có tổ Bảo vệ Học viện (số 4575/HĐKT/HVBC&TT-CTYCPDVVAL) trong đó quy định cụ thể về phạm vi công việc của Tổ bảo vệ.

Công tác PCCC, cứu hộ cứu nạn được Học viện quan tâm, thể hiện qua những quyết định và kế hoạch phục vụ công tác PCCC, phòng chống thiên tai... (các QĐ số 3711/QĐ-HVBC&TT-VP năm 2016, số 1772/QĐ-HVBC&TT-VP năm 2016..; số 1774/ QĐHVBC&TT-VP năm 2016; 1900/QĐ-HVBC&TT-VP năm 2017; 2610/QĐ-HVBC&TT-VP năm 2018; 1773/QĐ-HVBC&TT-VP năm 2016....)

Học viện luôn quan tâm đến công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thể hiện qua việc rà soát, đánh giá các đơn vị cung cấp thực phẩm cho Học viện bằng các văn bản “Bản tự công bố sản phẩm” (các số CEK.05/MKD/2019; CEK.04/MKD/2019; BUN.36/NKD/2019...). Học viện còn rà soát các xác nhận công bố phù hợp quy định An toàn thực phẩm của các bên cung cấp (các số 117/2018/YTBD_XNCB; 833/2017/YTBD_XNCB...). Ngoài ra, Học viện có lưu ý về nhu cầu đặc thù của người khuyết tật ở một số hạng mục.

Trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19, Học viện đã chú trọng thực hiện công tác Phòng, chống dịch bệnh, thể hiện qua các thông báo, quyết định, kế hoạch và biên bản giám sát công tác phòng chống dịch bệnh trong trường học (KH Số 327-KH/HVBC&TT-VP ngày 31/01/2020; Thông báo số 1204-TB/HVBC&TT ngày 02/3/2021, Biên bản giám sát công tác phòng chống dịch bệnh ngày 11/3/2020...)

Kết quả khảo sát các BLQ về mức độ hài lòng với môi trường tự nhiên và xã hội của Học viện năm 2020 cho thấy: mức độ hài lòng của GV: 91.7%; của SV: 88,46%.

2. Tồn tại của tiêu chí 9.5

Hệ thống tường trong, ngoài phòng của Trạm y tế, một số phòng Thư viện, giảng đường còn bị bong tróc một vài chỗ tại thời điểm khảo sát. Phòng làm việc của GV tại khoa sắp xếp, bố trí chưa khoa học.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.5

Học viện sớm có kế hoạch cải tạo các vị trí tường bao bị bong tróc. Khoa cần tổ chức sắp xếp, bố trí lại phòng làm việc của GV.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.5

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 9.5 đạt mức: 4/7.

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 9:

+ Điểm mạnh cơ bản

Hệ thống phòng học, giảng đường của Học viện gồm: 01 hội trường 600 chỗ, 01 hội trường 200 chỗ, 01 hội trường 100 chỗ, 12 phòng học trên 100 chỗ, 56 phòng học trên 50 chỗ, 29 phòng học dưới 50 chỗ), 02 phòng Bảo vệ luận văn, luận án, 01 phòng học đa phương tiện và có 17 phòng thực hành. Ngoài ra còn có hệ thống phòng thực hành gồm các Studio được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo, hệ thống sân thể thao SV, Thư viện, ký túc xá với quy mô gần 3000 chỗ ở.

Khoa XHH&PT có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/ SV theo quy định, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành.

Trung tâm thông tin khoa học (TTTTKH) của Học viện có 04 phòng đọc và 02 phòng mượn tài liệu; có hệ thống máy tính giúp tra cứu tài liệu và truy cập cơ sở dữ liệu,

có Nội quy, có hướng dẫn sử dụng, tra cứu tài liệu và có sơ đồ hệ thống Thư viện. TTTTKH sử dụng phần mềm Kipos 6.x và phần mềm quản lý thư viện số Dspace 5.9. TTTTKH có: 16,989 đầu sách với 114,260 bản sách; 1,908 đề tài NCKH với 2,576 bản; 4,380 luận văn với 4,500 bản; 96 luận án với 96 bản. Số lượng tài liệu đã được số hóa đến tháng 10 năm 2021 là 7862 tài liệu.

Ngành XHH được bổ sung: năm 2016: 57 đầu sách với 821 bản; năm 2017: 102 đầu sách với 1,212 bản; năm 2018: 83 đầu sách với 519 bản; năm 2019: 78 đầu sách với 909 bản và năm 2020: 45 đầu sách với 299 bản; Tháng 10 năm 2021: 68 đầu sách với 566 bản. Ngành XHH có 299 tài liệu số tại Thư viện số

Khoa XHH&PT có một tủ sách chuyên ngành do GV của Khoa đóng góp, phục vụ cho việc dạy, học và nghiên cứu tại chỗ dành cho GV và SV của Khoa (hiện có khoảng 660 đầu tài liệu sách và tài liệu tham khảo, trong đó: Từ điển 53; Sách tiếng nước ngoài: 53, Sách giáo trình ngành XHH: 42, Sách tham khảo: 156, Tạp chí khoa học các loại: 207, Kỷ yếu tổng kết: Đề tài khoa học của GV,SV : 37, Sản phẩm dự án: 12; luận án và nghiên cứu khác: 21, Khóa luận: 56; Kỷ yếu tổng kết: 23).

Học viện có hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin. Học viện hiện tại có 13 máy chủ, có 05 phần mềm chuyên dụng có bản quyền sử dụng: Phần mềm Quản lý đào tạo (ESSoft Version 6.0) trong đó có modul Quản lý Khoa học; Quản lý SV, Quản lý Ký túc xá và Quản lý học phí; Phần mềm Chấm thi trắc nghiệm (Mr.Test Version 5.0); Phần mềm Thư viện số (Dspace Version 5.9); Phần mềm Kế toán (Anna 7.0) và Phần mềm Quản lý tài sản. Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong chu kỳ kiểm định Học viện đầu tư mua sắm trang thiết bị và sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, cập nhật hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Tiêu chuẩn về môi, sức khỏe và an toàn đã được Học viện xác định rõ ràng và thực hiện: Khuôn viên Học viện sạch đẹp; sức khỏe CB, GV và SV được quan tâm; công tác an ninh, trật tự, an toàn được đảm bảo. Ngoài ra Học viện có lưu ý về nhu cầu đặc thù của người khuyết tật ở một số hạng mục.

Học viện có khoảng 40% diện tích dành cho cây xanh và môi trường.

+ Điểm tồn tại cơ bản

Học viện dành nhiều kinh phí đầu tư cho CSVC và trang thiết bị phục vụ đào tạo, có quyết định ban hành quy định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành chức năng của HVBC&TT song chưa tách riêng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

Học viện có sử dụng Thư viện điện tử và Thư viện số, việc kết nối dữ liệu với các cơ sở khác để sử dụng chung nguồn học liệu còn hạn chế; thư viện đã số hoá giáo trình với 7862 sách và TLTK cho các CTĐT. Tuy nhiên, giáo trình, tài liệu phục vụ cho CTĐT cử nhân XHH còn khiêm tốn, số sách mới và sách tham khảo của nước ngoài còn ít. Việc liên kết với thư viện Viện nghiên cứu Châu Âu; TTTTTV trường ĐH KTQD; TTTTTV trường ĐH Nha Trang; TTTTTV trường ĐH sư phạm HN còn hạn chế.

Việc xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp chưa được thực hiện bài bản. Cấu hình của máy vi tính sử dụng ở một số phòng thực hành thấp, chưa đáp ứng tốt yêu cầu cài đặt phần mềm hoặc mô phỏng nội dung môn học trong CTĐT ngành XHH.

Học viện đã đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm song chưa kịp thời. Tốc độ đường truyền internet còn có lúc chậm, còn tình trạng nghẽn mạng cục bộ do yếu tố đường truyền. Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ chưa được thực hiện một cách bài bản.

Phòng làm việc của GV tại khoa sắp xếp, bố trí chưa khoa học.

+ Kiến nghị

Học viện cần tách riêng quy trình quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện và kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Cần tăng cường triển khai hoạt động của Thư viện điện tử/thư viện số

Cần tăng cường số hoá giáo trình, sách và TLTK cho tất cả CTĐT nói chung và CTĐT ngành XHH nói riêng. Quan tâm hơn nữa đến việc bổ sung, cập nhật tài liệu, giáo trình mới, Có kế hoạch khuyến khích thu hút bạn đọc đến khai thác sử dụng tài liệu tại TTTTKH nhiều hơn, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

Học viện/Khoa XHH&PT cần triển khai xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp một cách chặt chẽ và bài bản. Cần bổ sung hệ thống máy tính phù hợp.

Học viện cần đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm kịp thời hơn. Nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền internet, đồng thời tiếp tục đầu tư thiết bị CNTT có cấu hình cao phù hợp để đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả. Hệ thống cung cấp mạng wifi cho người dùng nên được cấp theo phiên làm việc, hoặc được phân luồng băng thông phù hợp cho GV, SV của Học viện khi sử dụng nhằm tăng hiệu suất sử dụng mạng. Hàng năm cần thực hiện bài bản hơn về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các hoạt động ĐT & NCKH của hệ thống công nghệ thông tin trong Học viện.

Khoa cần tổ chức sắp xếp, bố trí lại phòng làm việc của GV.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 9	Tiêu chí 9.1					5			4,20
	Tiêu chí 9.2				4				
	Tiêu chí 9.3				4				
	Tiêu chí 9.4				4				
	Tiêu chí 9.5				4				

TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.1

HVBC&TT đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về xây dựng và phát triển CTDH. Trung tâm KT&ĐBCLĐT có nhiệm vụ chủ trì xây dựng quy trình, hệ thống phiếu khảo sát, là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị trong Học viện tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ (các điểm d, f và g, QĐ số 4237-QĐ/HVBC&TT, ngày 30/9/2019). Các đơn vị trong CSGD thực hiện nhiệm vụ phối hợp theo quy định và hướng dẫn của Học viện (các QĐ số 3901/QĐ-HVBC&TT, ngày 31/8/2019; số 612/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/02/2020).

Hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát lấy ý kiến:

+ Khảo sát SV theo học kỳ về Mục tiêu, CDR của học phần, nội dung học phần, PPDH và PP KTĐG trong học phần, CSVC phục vụ học phần; Khảo sát SV cuối khóa về chất lượng đào tạo;

+ Khảo sát GV, NV về CTDH, CSVC, hoạt động dạy học và KTĐG, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng...;

+ Khảo sát cựu SV về mức độ đáp ứng CDR, tình trạng việc làm, CTĐT ();

+ Khảo sát NSDLĐ về chất lượng SV tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về CTĐT;

Các kênh thông tin thu thập ý kiến các BLQ đa dạng: gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, google form, gửi phiếu trực tiếp. Kết quả khảo sát được phân tích và gửi về các Khoa, phòng, ban làm căn cứ để cải tiến chất lượng.

Trong giai đoạn đánh giá, hằng năm, Khoa và Học viện đã thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ về CTĐT. Năm 2020 gần đây, Khoa XHH đã khảo sát ý kiến của 07 GV trong khoa, 80 NV hỗ trợ, 26 SV năm cuối, 32 cựu SV và 16 NSDLĐ về các hoạt động của CTĐT ngành XHH (Bảng tổng hợp của Học viện, ngày 09/8/2021). Học viện, Khoa sử dụng kết quả khảo sát để làm căn cứ điều chỉnh, thiết kế và phát triển CTDH. Việc xây dựng CTDH ngành XHH đã tham khảo CTDH của ngành XHH, Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Hà Nội).

Trong giai đoạn đánh giá, mục tiêu CTĐT ngành XHH đã qua 3 lần chỉnh sửa thay đổi cho phù hợp (năm 2016, 2018, 2020). Trong phiên bản CTĐT mới nhất của ngành XHH năm 2020 đã được điều chỉnh với rất nhiều môn được tăng số giờ thực hành căn cứ trên phản hồi của SV: ví dụ nhiều môn học đã được tăng lên 3 tín chỉ (1,5 lý thuyết; 1,5 thực hành/thực tế, tương ứng với 22,5 tiết lý thuyết, 45 tiết thực hành), ví dụ một số môn chuyên ngành như: XHH truyền thông đại chúng, Tuyên truyền vận động các vấn đề xã hội... Việc phát triển CTDH ngành XHH thuộc HVBC&TT phù hợp với Luật giáo dục đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT), phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016) (CTĐT ngành XHH, phiên bản các năm 2016, 2018 và 2020).

Kết quả phỏng vấn trực tiếp của Đoàn đối với các NSDLĐ cho thấy, không có một ý kiến nào "không hài lòng" với cựu SV tốt nghiệp khoa XHH&PT, có 50% ý kiến của NSDLĐ cho rằng SV tốt nghiệp hoàn toàn đáp ứng yêu cầu công việc, có thể sử

dụng được ngay, 50% ý kiến cho rằng SV cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc và cần đào tạo thêm và không có một ý kiến nào phản hồi SV phải đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng mới có thể làm việc được (Kết quả phỏng vấn NSDLĐ của Đoàn, ngày 16/10/2021)..

2. Tồn tại của tiêu chí 10.1

Học viện chưa có văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện thu thập, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ.

Việc khảo sát ý kiến chưa được thực hiện với đầy đủ các BLQ (chưa có sự tham gia của các chuyên gia, nhà quản lý và các tổ chức nhà nước-xã hội).

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.1

Cần có văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện thu thập, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ, VD: Sổ tay chất lượng.

Cần khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ và sử dụng thông tin phản hồi phù hợp trong hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.1

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 10.1 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển CTDH được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.2

Học viện có văn bản quy định về quy trình xây dựng CTĐT (9 bước), quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT (6 bước) ban hành năm 2018 (QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/5/2018), văn bản sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh năm 2020 (QĐ số 2643/QĐ-HVBC&TT ngày 29/4/2020), kèm theo đó là hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện CTĐT (các HD số 3094/HD-HVBC&TT-ĐT ngày 18/6/2018; số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày 31/5/2020).

Quy trình thiết kế CTDH có sự tham gia của các BLQ, của hệ thống tổ chức từ Trường đến Khoa, Hội đồng khoa, Bộ môn, được triển khai thực hiện đầy đủ. Khoa thành lập tổ soạn thảo chương trình, giao nhiệm vụ thiết kế ĐCHP học phần cho các GV và họp thảo luận các nội dung rà soát, cập nhật, từ đó, đề xuất các nội dung cải tiến, điều

chỉnh CTĐT dựa trên ý kiến phản hồi các BLQ trong và ngoài Học viện (Báo cáo tổng hợp ý kiến đánh giá, tổ chức thực hiện CTĐT ngành XHH, không có thông tin thời gian). Hội đồng KH-ĐT khoa XHH&PT chủ trì thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT thông qua các cuộc họp với sự tham gia của GV phụ trách các môn học (Biên bản họp Khoa XHH&PT).

Việc nghiệm thu CTĐT theo đúng quy định theo TT 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT (QĐ thành lập HĐ thẩm định khung CTĐT, Phiếu thẩm định, Biên bản thẩm định).

Trước năm 2020 việc xây dựng, cập nhật, điều chỉnh CTĐT là do Ban QLĐT phụ trách; nhưng năm 2019 - 2020, việc xây dựng, cập nhật, điều chỉnh CTĐT được chuyển về Trung tâm KT-KĐCLĐT.

Quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT năm 2018 chưa thể hiện rõ các bước xây dựng CDR của CTĐT; Quy trình năm 2020 đã bổ sung làm rõ hoạt động xây dựng CDR dựa trên các yêu cầu về xây dựng chương trình và theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. Quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT năm 2020 bổ sung, làm rõ thêm các biểu mẫu trong quy trình xây dựng như mẫu ĐCHP, mẫu đối sánh CTĐT (các QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/5/2018, số 2643/QĐ-HVBC&TT ngày 29/4/2020)..

2. Tồn tại của tiêu chí 10.2

Hoạt động đối sánh chưa được chú trọng, chưa được thể hiện rõ sự đóng góp vào quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH.

Việc đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTDH còn chưa rõ nét; những thay đổi về quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa được làm rõ trong các báo cáo.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.2

Cần tăng cường hoạt động đối sánh trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTĐT.

Việc xây dựng, rà soát và phát triển CTDH trong thời gian tới cần bám sát Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021, quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GDĐH.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.2

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 10.2 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.3

Học viện có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các PP dạy và học, PP đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR.

Trước năm 2018, việc thực hiện rà soát và đánh giá KQHT của người học được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 3307/QĐ-HVBC&TT ngày 12/9/2014), Quy định về công tác xây dựng ngân hàng đề thi (Văn bản ban hành ngày 30/11/2015).

Sau năm 2018, Học viện đã ban hành ban hành nhiều văn bản quy định về: công tác khảo thí (QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/09/2017), quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT (QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT, 23/05/2018), hướng dẫn thiết kế PPDH và KTĐG đáp ứng CDR (các HD số 2647/HD-HVBC&TT, ngày 09/7/2020; số 2663/HD-HVBC&TT ngày 09/7/2020), hướng dẫn xây dựng CDR CTĐT (HD số 5621/HD-HVBC&TT, ngày 10/11/2019), quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi (QĐ số 2648/QĐ-HVBC&TT, ngày 9/7/2020). Trong đó, Hướng dẫn số 2647 có quy định ma trận thể hiện sự tương thích giữa CDR và PP KTĐG, đảm bảo các PP KTĐG trong CTDH hướng tới đạt CDR.

Năm 2020, Học viện đã ban hành Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT (KH số 3056/KH-HVBC&TT 15/5/2020) và Hướng dẫn rà soát cập nhật CTĐT (HD số 2645/HD - HVBC&TT ngày 31/5/2020). Mới đây, Nhà trường đã ban hành quy định tạm thời về công tác tổ chức thi học phần theo hình thức trực tuyến nhằm thực hiện việc KTĐG KQHT của SV trong điều kiện chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 cũng như tiếp cận với xu hướng yêu cầu chuyển đổi số trong CSGD ĐH (QĐ số 4565/QĐ-HVBC&TT, ngày 09/9/2021).

Các hình thức KTĐG trong CTĐT ngành XHH đa dạng, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, bài tập lớn, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,... Các quy định về việc KTĐG KQHT của người học được thể hiện rõ trong ĐCHP của CTĐT (CTĐT ngành XHH các phiên bản 2016, 2018 và 2020). Khoa XHH&PT thực hiện các hình thức KTĐG, các bước của quá trình đánh giá từ khâu xây dựng ngân hàng

đề thi, xây dựng đề thi, coi thi, chấm thi... được thực hiện đúng theo quy định về tổ chức và quản lý thi kết thúc HP và có thể điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tế (Hồ sơ của Khoa XHH).

Hàng năm, hoạt động rà soát, đánh giá việc sử dụng các PP dạy và học, PP đánh giá KQHT của SV trong CTĐT được Học viện thực hiện, thể hiện trong Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hằng năm, xây dựng phương hướng và nhiệm vụ năm học mới (các Báo cáo số 2271-BC/HVBC&TT, ngày 12/7/2016; ngày 25/12/2017; số 5832-BC/HVBC&TT ngày 09/12/2019 và 5332-BC/HVBC&TT, ngày 24/11/2020).

2. Tồn tại của tiêu chí 10.3

Chưa có báo cáo/minh chứng riêng về việc Học viện/Khoa thực hiện việc rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, PP KTĐG KQHT của người học.

Trong Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hằng năm, xây dựng phương hướng và nhiệm vụ năm học mới, hoạt động đánh giá KQHT chưa thể hiện rõ việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, chưa đánh giá được mức độ tương thích và phù hợp với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT.

Việc sử dụng phản hồi của các BLQ để cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của CTĐT còn hạn chế.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.3

Cần tăng cường việc định kỳ rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, PP KTĐG KQHT của người học và có báo cáo tổng kết rà soát, đề xuất điều chỉnh, cải tiến, các PPDH, PP KTĐG. Việc rà soát các PPDH, PP KTĐG cần thể hiện rõ việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, chưa đánh giá được mức độ tương thích và phù hợp với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT.

Khoa XHH cần chủ động tăng cường việc đánh giá sự tương thích và phù hợp của các hoạt động dạy học và KTĐG với CĐR để có biện pháp cải tiến chất lượng CTDH một cách hiệu quả.

Cần tăng cường việc sử dụng phản hồi của các BLQ để cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.3

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 10.3 đạt mức: 3/7.

Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.4

Từ năm 2011, trong Quy chế quản lý hoạt động khoa học của Học viện đã có định hướng ưu tiên những công trình NCKH cấp cơ sở phục vụ CTĐT, hoạt động dạy-học (Điều 15, Quy chế quản lý hoạt động khoa học theo QĐ số 881/QĐ-HVBC&TT, 25/9/2011). Trong Quy chế ban hành năm 2018 (QĐ số 6531/QĐ-HVBC&TT, ngày 26/12/2018) và Dự thảo năm 2021, chính sách ưu tiên này không được thể hiện rõ, tuy nhiên, Khoa XHH&PT đã cụ thể hóa việc định hướng biên soạn giáo trình phục vụ CTĐT trong các kế hoạch cụ thể của Khoa (Biên bản họp Khoa XHH&PT các năm, từ năm 2016 đến năm 2021).

Trong giai đoạn từ năm 2016-2020, GV ngành XHH đã thực hiện 21 đề tài NCKH các cấp, 24 bài báo trong nước, 03 báo cáo hội nghị khoa học trong nước và 07 hội nghị quốc tế có nội dung được chuyên tải, lồng ghép vào 01 giáo trình, 04 tài liệu tham khảo, 05 sách chuyên khảo và 05 giáo trình lưu hành nội bộ, phục vụ hoạt động đào tạo ngành XHH (Danh mục tổng hợp các công trình khoa học của ngành XHH, Khoa XHH&PT giai đoạn 2016-2021, ngày 18/12/2020). Các giáo trình chính thức được sử dụng làm tài liệu học tập chính của môn học tương ứng, các giáo trình nội bộ, sách tham khảo, chuyên khảo, các bài báo về PPHD, PP KTĐG... được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong các môn học có liên quan. được thể hiện rõ trong đề cương các học phần của CTĐT như: Nghiên cứu dự luận XH, XHH với công tác quản lý XH, XHH giới, XHH về cơ cấu xã hội, XHH truyền thông đại chúng... (Danh mục tài liệu học tập trong các ĐCHP).

Các kết quả NCKH của GV và SV Khoa XHH&PT đã được sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV và hoạt động học tập, nghiên cứu của SV. Khoa đã tổ chức được 04 Hội thảo (các năm 2016, 2018, 2020 và 2021) chia sẻ kết quả nghiên cứu, trao đổi cách thức áp dụng hiệu quả các kết quả NCKH vào công tác giảng dạy và giải quyết các vấn đề thực tiễn (Thống kê của Khoa XHH&PT về các Hội thảo đổi mới GD, học tập, ngày 19/4/2020). Ngoài ra, Khoa cũng đã tổ chức được 22 seminar có các chủ đề liên quan đến đổi mới PPDH, PP KTĐG... (Biên bản họp Khoa các năm 2016-2021). Hoạt động đánh giá hoạt động, phương pháp giảng dạy, kiểm tra của giảng viên được thực hiện thông qua công tác dự giờ, thăm lớp, đánh giá giờ dạy của các GV do Bộ môn tổ chức trong các học kỳ, các năm học (Biên bản dự giờ các GV Nguyễn Thị Tố Quyên, Phạm Thị Vân, Vũ Hào Quang, Phạm Võ Quỳnh Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Hué).

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa XHH&PT đã có 45 SV tham gia thực hiện 09 đề tài NCKH được thực hiện dưới sự hỗ trợ của các GV trong khoa (Thống kê danh mục đề tài NCKH của Khoa XHH, giai đoạn 2016-2020), các đề tài này gắn liền với việc đổi mới hoạt động liên quan đến công tác xã hội; có 426 lượt SV được khen thưởng về hoạt động NCKH giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội (mang tính đặc thù của ngành XHH) trong chương trình hoạt động của các dự án hợp tác với Viện Friedrich-Ebert-Stiftung FES (Đức), Trung tâm Nghiên cứu & Ứng dụng khoa học về Giới-Gia đình-Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA); có GV Vũ Hào Quang đạt giải thưởng cấp Học viện về ứng dụng công nghệ trong giảng dạy (Báo cáo tổng hợp của Khoa XHH&PT).

2. Tôn tại của tiêu chí 10.4

Việc sử dụng giáo trình là sản phẩm từ các đề tài KHCN chưa được phê duyệt riêng bằng văn bản có tính pháp lý của Lãnh đạo Học viện.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.4

Các giáo trình là sản phẩm từ các đề tài KHCN cần được phê duyệt sử dụng bằng văn bản có tính pháp lý của Lãnh đạo Học viện, phù hợp với Thông tư 04/2011/TT-BGDĐT, ngày 28/01/2011, Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục đại học và hướng dẫn CB, GV thực hiện để các nguồn học liệu nội dung đáp ứng tốt nhiệm vụ đào tạo.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.4

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 10.4 đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.5

Học viện có mạng lưới ĐBCL bên trong được xây dựng để đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của nhà trường như đào tạo, NCKH, trong đó có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để thực hiện CTĐT. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện,

phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác như: Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, Quy trình khảo sát ý kiến các BLQ,...

Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) được thực hiện định kỳ hàng năm thông qua khảo sát ý kiến của đội ngũ GV, NV và người học về chất lượng đào tạo. Kết quả đánh giá từ năm 2018 đến năm 2020 cho thấy tỷ lệ hài lòng về CSVC, các dịch vụ hỗ trợ có xu hướng gia tăng. Kết quả khảo sát GV: năm 2018, tỷ lệ hài lòng của GV về cơ sở vật chất, CNTT là 47,5%. Năm 2019, tỷ lệ hài lòng của GV về cơ sở vật chất, CNTT tăng lên là 55,71%. Năm 2020, con số này đã tăng lên 80%. Kết quả khảo sát SV: năm 2018, tỷ lệ hài lòng của SV chỉ ở mức dưới 55%, đến năm 2019, con số này tăng lên mức 75,9% và năm 2020 là 81,1% (Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát đội ngũ GV, NV và SV các năm 2016-2020). Ngoài ra, việc đánh giá cũng được thể hiện trong các Hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo Học viện và các phòng chức năng hàng năm. Sau khi tiếp nhận thông tin và các kết quả khảo sát ý kiến các BLQ, tất cả các đơn vị thực hiện các dịch vụ hỗ trợ như Thư viện, Phòng Quản trị và QL KTX, Phòng CTCT và hỗ trợ SV, Ban QLĐT, Phòng KT-KĐCLĐT, CNTT, Đoàn Thanh niên... việc sử dụng các kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch cải tiến.

Học viện đã có đầu tư, nâng cấp trang thiết bị CNTT, nâng cấp trang thiết bị dành cho phòng thực hành, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo. Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đầu tư hơn 3,3 tỷ VNĐ (số liệu làm tròn) nâng cấp mạng internet, 1,4 tỷ VNĐ nâng cấp máy tính ở các phòng thực hành, 2,6 tỷ VNĐ cho các phần mềm và 3,3 tỷ VNĐ cho các công nghệ hỗ trợ khác; đã triển khai 12 gói thầu nâng cấp thư viện (Hồ sơ mua sắm, hợp đồng tài chính...), bổ sung 48 máy tính cho Thư viện; đầu tư hơn 10 tỷ VNĐ cho KTX, 64,8 tỷ VNĐ cho hệ thống phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm; đối với ngành XHH, Học viện đã chi 313 triệu VNĐ để bổ sung tài liệu học tập cho ngành XHH, bổ sung: 277 tài liệu số, 1400 tài liệu, giáo trình, 700 tài liệu tham khảo (Báo cáo tổng hợp kết quả đầu tư cho ngành XHH, ngày 09/8/2021).

Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy, SV ngành XHH hài lòng với CSVC và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Học viện/khoa XHH.

2. Tồn tại của tiêu chí 10.5

Một số khu vực của các tòa nhà, một số trang thiết bị đã xuống cấp, điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động ngoài giờ của SV còn hạn chế.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.5

Cần tăng cường đầu tư, cải thiện CSVC cho các hoạt động ngoài giờ của SV.

Khoa XHH&PT cần chú trọng việc chủ động, tích cực đánh giá và cải tiến chất lượng CSVC và các hoạt động hỗ trợ quá trình đào tạo của ngành nhằm nâng cao năng lực thực tiễn của SV.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.5

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 10.5 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.6

Trung tâm KT&ĐBCLĐT có nhiệm vụ chủ trì xây dựng quy trình, hệ thống phiếu khảo sát, là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị trong Học viện tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ (các điểm d, f và g, QĐ số 4237-QĐ/HVBC&TT, ngày 30/9/2019). Trường có bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCL là Trung tâm ĐBCL. Trung tâm này điều phối, giám sát và thúc đẩy công tác ĐBCL với chức năng và nhiệm vụ rõ ràng, trong đó có chức năng thực hiện công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ Nhà trường, giám sát việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng Nhà trường. Bên cạnh Trung tâm ĐBCL, hệ thống các bộ phận ĐBCL ở từng đơn vị chức năng (Phòng/Ban/Trung tâm) và các đơn vị đào tạo (Khoa/Viện) cũng đã được thành lập với các thành viên kiêm nhiệm là một lãnh đạo đơn vị và một CB/GV/NV làm thư ký. Bộ phận ĐBCL ở các đơn vị đào tạo và chức năng có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ, thúc đẩy và triển khai công tác ĐBCL tại các đơn vị trong đó có công tác thu thập các ý kiến các BLQ (QĐ số 1699-QĐ/HVBC&TT, ngày 26/3/2021).

Học viện đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các BLQ về chất lượng đào tạo, quy định rõ quy trình, nội dung, mục đích, đối tượng lấy ý kiến phản hồi và sử dụng kết quả khảo sát để nâng cao chất lượng đào tạo (các QĐ số 2003/QĐ-HVBC&TT, ngày 05/02/2017; số 3901/QĐ-HVBC&TT, ngày 31/8/2019; số 612/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/02/2020).

Nhà trường đã thực hiện khảo sát định kỳ từng học kỳ (đối với SV), cuối khóa học (đối với SV năm cuối), hằng năm (đối với CB, GV, NV), theo công việc (đối với NSDLĐ và cựu SV) (Kế hoạch ĐBCL CTĐT các năm học; Báo cáo kết quả khảo sát các BLQ về các hoạt động của Nhà trường các năm học). Bên cạnh việc khảo sát, ý kiến phản hồi của các BLQ còn được thu nhận qua hộp thư góp ý của Học viện, hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo Khoa, Học viện và SV hàng năm, các cuộc sinh hoạt lớp, trao đổi giữa GVCN, CVHT với SV, Hội nghị công tác đào tạo. Ngoài ra, các thông tin phản hồi về KQHT, rèn luyện, các hoạt động Đảng – Đoàn-Hội với SV cũng được thực hiện qua: trang thông tin điện tử của Học viện, Khoa XHH&PT, Tài liệu tuyển sinh hàng năm (Kết quả kiểm tra thực tế).

Việc đánh giá về quy trình, nội dung, đối tượng lấy ý kiến phản hồi và sử dụng kết quả khảo sát để nâng cao chất lượng đào tạo đã được Học viện thực hiện lồng ghép trong các Kế hoạch ĐBCL các năm 2016-2020. Quy trình lấy ý kiến phản hồi năm 2017 gồm 5 bước (khái quát, chưa cụ thể), được cải tiến năm 2019 có bổ sung lưu trình thực hiện và sử dụng kết quả khảo sát cho các đơn vị thực hiện; quy trình năm 2020 đã quy định cụ thể cho các nội dung, đối tượng khảo sát: Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi các BQL về chất lượng dạy học gồm 7 bước; khảo sát về CTĐT gồm 8 bước; khảo sát về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp gồm 6 bước; khảo sát về chất lượng SV tốt nghiệp gồm 8 bước (QĐ số 612/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/02/2020).

Trong giai đoạn đánh giá, cơ chế lấy ý kiến các BLQ đã có những điều chỉnh, cải tiến nhất định nhằm nâng cao chất lượng. Về đối tượng, trước năm 2016, Học viện thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với SV hàng kỳ; khảo sát SV cuối khóa và SV tốt nghiệp. Năm 2017, Học viện đã bổ sung đối tượng khảo sát NSDLĐ. Năm 2018, Học viện triển khai khảo sát CB, GV, NV về CTĐT và các hoạt động của Nhà trường. Về hình thức khảo sát, trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email; từ năm 2019 trở đi, các hình thức khảo sát đã đa dạng, bao gồm: gửi email, gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp (Bảng thống kê số liệu khảo sát ngành XHH, ngày 09/8/2021).

Các kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV sẽ được Trung tâm KT-KĐCLĐT gửi đến từng GV và lãnh đạo Khoa biết để phát huy những mặt mạnh, cải tiến những tồn tại nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học. Kết quả khảo sát này được sử dụng để có kế hoạch phân tiết giảng dạy, hợp đồng mời giảng, xếp loại thi

đưa hàng năm. Đối với các loại khảo sát ý kiến khác, lãnh đạo các đơn vị nhận kết quả khảo sát nhằm hỗ trợ cho việc ra các quyết định cho sự phát triển nguồn nhân lực, vật lực, CTĐT và CDR, ... Trong hoạt động rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT, kết quả phản hồi của các BLQ đã được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh CDR, ĐCCT học phần, Tài liệu học tập,... (Báo cáo kết quả khảo sát các BLQ các năm 2016-2020).

2. Tồn tại của tiêu chí 10.6

Học viện đã xây dựng mạng lưới BĐCL bên trong nhưng hệ thống văn bản quy định về hoạt động của hệ thống này chưa đầy đủ: chưa có Sổ tay chất lượng, VB quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong thực thi công tác BĐCL bên trong...

Việc khảo sát ý kiến các BLQ mới được thực hiện cơ bản đầy đủ, đồng bộ từ năm 2018, tuy nhiên, vẫn còn thiếu nhóm chuyên gia, cán bộ quản lý và các tổ chức xã hội.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.6

Cần sớm hoàn thiện hệ thống văn bản hoạt động của mạng lưới BĐCL bên trong để thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Chú trọng việc khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ và sử dụng hiệu quả các phản hồi tích cực để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.6

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 10.6 đạt mức: 4/7.

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 10:

+ Điểm mạnh

HVBC&TT đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về xây dựng và phát triển CTDH. Trung tâm KT&ĐBCLĐT có nhiệm vụ chủ trì, Các đơn vị trong CSGD thực hiện nhiệm vụ phối hợp; Các kênh thông tin thu thập ý kiến các BLQ đa dạng: gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, google form, gửi phiếu trực tiếp; cơ chế lấy ý kiến các BLQ đã có những điều chỉnh, cải tiến nhất định nhằm nâng cao chất lượng;

Học viện có văn bản quy định về quy trình xây dựng CTĐT, quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT và hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTĐT;

Học viện có quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các PPĐH, PPKTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR;

Có nhiều đề tài NCKH liên quan đến hoạt động dạy và học. Các kết quả NCKH được chuyển tải vào nội dung các môn học và để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV;

Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) được thực hiện định kỳ hàng năm. Kết quả đánh giá được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng.

+ Tồn tại

Hệ thống văn bản quy định về hoạt động của hệ thống ĐBCL bên trong chưa đầy đủ (chưa có Sổ tay chất lượng, VB quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong thực thi công tác ĐBCL bên trong).

Hoạt động đối sánh chưa được chú trọng, chưa được thể hiện đóng góp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH.

Hoạt động KTĐG KQHT chưa thể hiện rõ việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, chưa đánh giá mức độ tương thích và phù hợp với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT.

Việc khảo sát ý kiến chưa được thực hiện với đầy đủ các BLQ.

+ Khuyến nghị

Cần sớm hoàn thiện hệ thống văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong thực thi công tác ĐBCL bên trong, văn bản quy định hoạt động, KTĐG... để thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Hoạt động đối sánh cần được chú trọng, và thể hiện đóng góp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH.

Hoạt động KTĐG KQHT cần được chú trọng rà soát, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, cần đánh giá mức độ tương thích và phù hợp với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT.

Cần tăng cường hiệu quả công tác ĐBCL bên trong, chú trọng việc chủ động, tích cực đánh giá và cải tiến chất lượng CSVC và các hoạt động hỗ trợ quá trình đào tạo của ngành nhằm nâng cao năng lực thực tiễn của SV.

Cần chú trọng hơn nữa việc khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ và sử dụng hiệu quả các phản hồi tích cực để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 10	Tiêu chí 10.1				4				4,00
	Tiêu chí 10.2				4				
	Tiêu chí 10.3			3					
	Tiêu chí 10.4					5			
	Tiêu chí 10.5				4				
	Tiêu chí 10.6				4				

TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.1

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành XHH được Học viện giao cho Ban QLĐT là đơn vị chủ trì thực hiện (QĐ số 4227/QĐ-HVBC&TT ngày 30/09/2019), Khoa XHH&PT là đơn vị phối hợp (QĐ số 4201/QĐ-HVBC&TT ngày 30/09/2019). Việc quản lý KQHT, theo dõi số SV thôi học và tốt nghiệp được thực hiện qua phần mềm QLĐT. Cuối mỗi học kỳ, Ban QLĐT đều thống kê và có quyết định danh sách các SV thuộc diện cảnh báo học vụ để gửi về Khoa. Công tác xét tốt nghiệp được Học viện tổ chức chặt chẽ, đúng quy chế. Mỗi năm, Học viện tổ chức xét tốt nghiệp 02 lần.

Kết quả thống kê của Học viện cho thấy, tỷ lệ SV thôi học của các khoá tuyển sinh năm học 2014-2015 đến khoá 2019-2020 tương ứng là 21,8%, 17,0%, 14,7%, 13,9%, 22,8%, 2,2% (trung bình là 16,2%). Những năm gần đây, số SV thôi học tập trung nhiều ở năm thứ ba và thứ tư. Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của tất cả các ngành học đều được Học viện gửi đến các đơn vị đào tạo và được công bố trong các báo cáo tổng kết năm học. Theo kết quả thống kê của Học viện thì các khoá tốt nghiệp các năm 2016 đến 2021 không có SV nào tốt nghiệp trước hạn, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn tương ứng là 94%, 89,7%, 71%, 37,8%, 48,3%. 37,8% (trung bình là 65,2%).

Khoa đã có một số cuộc họp thảo luận về tình trạng thôi học, chậm tốt nghiệp của SV và nhận thấy, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn thấp là do SV không đạt CDR về tin học và ngoại ngữ và còn nợ một số HP; SV thôi học rải rác ở tất cả các năm và với nhiều lý do khác nhau như đi du học, chuyển trường, đi làm hoặc KQHT kém. CVHT là đầu mối gặp gỡ để tìm hiểu lý do SV có KQHT kém để tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất biện pháp giúp đỡ (tư vấn tâm lý, trao đổi trực tiếp với gia đình...).

Khoa XHH&PT đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của ngành XHH giữa các khoá, đối sánh với ngành Triết học, QHQT, QHCC của Học viện, đối sánh với ngành XHH của Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc ĐHQGHN.

2. Tồn tại của tiêu chí 11.1

Mặc dù Khoa đã có một số giải pháp để giúp SV khắc phục khó khăn, yên tâm và vươn lên trong học tập nhưng tỷ lệ SV thôi học vì nhiều lý do không có xu hướng giảm và tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn lại có xu hướng giảm trong những năm gần đây (giảm từ 94% xuống 37,8%).

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.1

Khoa cần sử dụng hiệu quả hơn dữ liệu thống kê về tình trạng SV thôi học, tình trạng SV tốt nghiệp đúng hạn để phân tích kỹ càng hơn các nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến Số SV thôi học gia tăng và số SV tốt nghiệp đúng hạn có xu hướng giảm.

Số liệu thống kê cần được chi tiết hơn như có bao nhiêu SV thôi học do tự bỏ học, bao nhiêu bị buộc thôi học vì học lực yếu, bao nhiêu chuyển trường, đi du học, bỏ học để đi làm. Hằng năm cần thống kê chi tiết số SV không tốt nghiệp đúng hạn theo các nguyên nhân, số SV còn nợ HP và tập trung ở những HP nào là chủ yếu... Trên cơ sở đó có giải pháp hợp lý hơn để cải thiện tình trạng hiện tại. Ngoài ra, Khoa cũng cần phân tích mối quan hệ giữa chất lượng đầu vào với KQHT của SV để có định hướng rõ ràng hơn trong việc xác định các tiêu chí tuyển chọn người học cho ngành XHH.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.1

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 11.1 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đổi

sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.2

Ban QLĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý KQHT của SV, tổ chức xét tốt nghiệp và quản lý hồ sơ cấp bằng tốt nghiệp của SV. Phần mềm QLĐT là công cụ chính để giám sát, thống kê tình hình tốt nghiệp của SV các khoá và xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá của ngành học. Theo quy chế đào tạo của Học viện thì thời gian đào tạo chuẩn của ngành XHH là 04 năm, thời gian tối đa là 06 năm. Kết quả thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá 2012-2016 đến khoá 2016-2020 tương ứng là 4,0 năm, 4,0 năm, 4,31 năm và 4,58 năm (trung bình là 4,22 năm).

Hồ sơ minh chứng cho thấy, kết quả xét tốt nghiệp đều được gửi đến Khoa để thông báo đến SV. Khoa đã có một số cuộc họp thảo luận về giải pháp khắc phục tình trạng thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá có xu hướng tăng. CVHT, Đoàn thanh niên và ban cán sự lớp đều có cuộc họp định kỳ hằng tháng để nắm bắt tình hình học tập của SV, nhất là SV năm cuối để tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập phù hợp, xác định tinh thần quyết tâm vươn lên để hoàn thành CTĐT đúng hạn (Biên bản họp lớp). Khoa đã họp phân tích nguyên nhân tình trạng chậm tốt nghiệp và đề xuất giải pháp khắc phục (Biên bản họp Khoa hằng năm). Nguyên nhân chủ yếu của việc tốt nghiệp chậm là SV chưa đạt CDR về ngoại ngữ và tin học hoặc nợ một số HP chuyên môn. Để tạo cơ hội trả nợ cho SV, Học viện đã tổ chức các lớp học bổ sung cho SV có nhu cầu học cải thiện điểm hoặc trả nợ. Từ năm 2020, Học viện đã điều chỉnh CDR ngoại ngữ từ B2 xuống B1 để phù hợp với chất lượng thực tế của SV.

Khoa đã đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá SV ngành XHH với SV các khoá tương ứng của ngành Triết học, QHCC, QHQT thuộc Học viện. Kết quả đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá của 04 ngành này là khá tương đồng.

2. Tồn tại của tiêu chí 11.2

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá tốt nghiệp những năm gần đây có xu hướng tăng nhưng Khoa chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả. Khoa chưa thực sự nỗ lực trong việc tìm kiếm thông tin để đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành XHH với SV cùng ngành của một số trường đại học trong nước.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.2

Khoa và CVHT nên quan tâm hơn nữa đến KQHT của SV ngay từ năm thứ nhất để có tư vấn hỗ trợ kịp thời. Ngoài ra, Khoa cần đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp, tạo động lực học tập thông qua lòng yêu ngành, yêu nghề cho SV. Ngay sau khi hết thúc học kỳ II của năm thứ ba, Ban QLĐT nên thông kê danh sách những SV còn nợ các HP để thông báo cho SV biết chủ động lập kế hoạch học trả nợ. Căn cứ vào tình hình thực tế, Học viện có thể tổ chức thêm học kỳ hè để SV đăng ký học trả nợ hoặc học vượt nếu có nhu cầu.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.2

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 11.2 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.3

Học viện đã giao cho Trung tâm KT&KĐCLĐT là đơn vị chủ trì việc khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp (QĐ số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Theo đó, Trung tâm có nhiệm vụ cụ thể là xây dựng cơ sở dữ liệu SV tốt nghiệp, khảo sát thống kê việc làm của SV sau tốt nghiệp và lập báo cáo kết quả khảo sát hằng năm. Trước năm 2020, Khoa trực tiếp thực hiện khảo sát và lập báo cáo kết quả chuyên về Trung tâm KT&KĐCLGD. Kể từ năm 2020 trở lại đây thì nhiệm vụ này được chuyển cho Trung tâm KT&ĐBCLGD thực hiện. Hình thức khảo sát được thực hiện là gửi email, gọi điện thoại, gửi phiếu điều tra. Hồ sơ minh chứng cho thấy, Học viện có khá đầy đủ dữ liệu khảo sát về tình trạng SV tốt nghiệp hằng năm và hằng năm đều có báo cáo gửi Bộ GD&ĐT theo đúng quy định. Kết quả thống kê được tổng hợp ở bảng dưới đây:

Nội dung	Tốt nghiệp năm 2016	Tốt nghiệp năm 2017	Tốt nghiệp năm 2018	Tốt nghiệp năm 2019
Số SV tốt nghiệp	47	34	73	39
Số SV phản hồi	20	19	41	20
Tỷ lệ SV có việc làm trong số phản hồi (%)	73,26	89,29	73	32
Tỷ lệ học tiếp (%)	5,0	0	6,8	3,1

Tỷ lệ làm việc đúng ngành đào tạo (%)	61,0%	22,0	59,0	59,0
Tỷ lệ làm việc trong khu vực ngoài nhà nước (%)	55,6	72,2	68	78,0
Thu nhập bình quân (Triệu đồng/tháng)	Không khảo sát	5-10: 73,5% > 10: 11,3%	5-10:31,7% 10-15:36,5% > 15: 19%	5-10:85,71% 10-15:10,71% > 15: 0%

Đoàn chuyên gia ĐGN đã khảo sát độc lập đối với 32 SV tốt nghiệp năm 2019 và 2020, nhận được 30 SV phản hồi. Trong số phản hồi 100 % đã có việc làm, làm việc phù hợp với ngành đào tạo là 73,33%, làm việc trong khu vực nhà nước là 56,67%, làm việc ở khu vực ngoài Nhà nước là 36,67%, thu nhập bình quân từ 07 triệu đồng/tháng trở lên chiếm 90%.

Khoa XHH&PT đã thực hiện đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành XHH sau tốt nghiệp với SV các ngành Triết học, QHQT, QHCC của Học viện. Khoa cũng đã đối sánh với ngành XHH của Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) và kết quả cho thấy: Tỷ lệ SV của Học viện tốt nghiệp năm 2017, 2019 có việc làm cao hơn nhưng tỷ lệ SV tốt nghiệp năm 2016 và 2019 có việc làm lại thấp hơn.

Khảo sát thực tế cho thấy, Khoa đã có một số buổi họp, tọa đàm để phân tích nguyên nhân tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành thấp và đề xuất một số giải pháp khắc phục. Trên thực tế, một số giải pháp đã được thực hiện như mở rộng các cơ sở hợp tác trong việc gửi SV đến thực tập thực tế, tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng mềm cho SV, thu thập thông tin tuyển dụng để công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (chuyên mục SV khởi nghiệp), tổ chức các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho SV.

2. Tồn tại của tiêu chí 11.3

Chưa thường niên đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành XHH với SV nhiều ngành khác của Học viện và chưa đối sánh với SV cùng ngành của nhiều trường đại học khác trong nước. Việc khảo sát sự hài lòng của nhà SDLĐ về chất lượng SV chưa được thực hiện thường xuyên và chất lượng khảo sát chưa cao thể hiện ở số lượng khảo sát còn ít.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.3

Học viện/Khoa cần hoàn thiện quy trình khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp từ việc thu thập dữ liệu của SV trước tốt nghiệp (địa chỉ, email, điện thoại, lập group zalo của mỗi khoa...) đến nội dung, công cụ và phương thức khảo sát... Học viện cần định kỳ tổng kết công tác khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp để đánh giá chất lượng và hiệu quả của hoạt động khảo sát, nhất là PP khảo sát và độ tin cậy của kết quả khảo sát để từ đó có những cải tiến kịp thời. Cần khảo sát sự hài lòng của NSDLĐ, GV và của cựu SV về chất lượng SV tốt nghiệp theo từng khoá đào tạo để điều chỉnh CTĐT kịp thời nhằm nâng cao tỷ lệ SV có việc làm, nhất là có việc làm đúng và gắn với ngành đào tạo. Học viện cần khảo sát kỹ lưỡng và khoa học hơn về nhu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực do CTĐT cung cấp. Tiếp tục nâng cao năng lực khởi nghiệp, nâng cao kiến thức ngoại ngữ, kiến thức thực tế, một số kỹ năng mềm để SV đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động. Cần phát huy vai trò và sự phối hợp của Khoa, bộ môn và các GV trong việc liên hệ với cựu SV để giới thiệu việc làm và khảo sát việc làm của SV.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.3

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 11.3 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.4

Học viện giao cho Ban QLKH là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý hoạt động NCKH của SV và các Khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Việc quản lý và tổ chức hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện (QĐ số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/09/2011), Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ (QĐ số 5061/QĐ-HVBC&TT ngày 27/12/2017) và theo thông tư 19/2012/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Khảo sát thực tế cho thấy, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV được xác định gồm chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài/dự án NCKH SV, thực hiện triển khai các tiến bộ KH&CN vào thực tiễn, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học; mỗi lớp SV năm thứ hai và năm thứ ba được đề xuất 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện.

Việc giao cho SV thực hiện các đề tài NCKH SV cấp Học viện được thực hiện theo một quy trình tương đối chặt chẽ nhưng vẫn khuyến khích được SV tham gia thực hiện từ khâu thông báo đăng ký, phê duyệt cho đến khâu nghiệm thu thanh lý đề tài. Ban QLKH lưu trữ đầy đủ các quyết định phê duyệt đề tài NCKH SV cấp Học viện, hồ sơ các đề tài đã được nghiệm thu và thanh lý.

Học viện đã quy định mức chi thực hiện một đề tài NCKH SV là 05 triệu đồng. Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đã chi 99,85 triệu đồng cho SV ngành XHH thực hiện đề tài NCKH SV cấp Viện. Ngoài ra, Học viện còn chi kinh phí cho hoạt động hội thảo hội nghị khoa học do SV tổ chức. Kết quả thống kê của Khoa cho thấy, trong chu kỳ đánh giá SV của ngành XHH đã thực hiện 16 đề tài NCKH SV cấp cơ sở và có 01 đề tài đạt giải ba NCKH SV cấp Bộ, 24 giải thưởng trong dự án hợp tác với FES, 04 giải trong dự án hợp tác với CSAGA, UNFPA.

Công tác NCKH của SV được Học viện và Khoa quan tâm như hằng năm đều tổ chức Hội nghị Khoa học SV, tăng số lượng đề tài và kinh phí chi thực hiện đề tài NCKH SV. Năm 2016, Học viện có 30 đề tài NCKH SV với kinh phí chi 139,5 triệu đồng thì năm 2020 có 40 đề tài với kinh phí chi là 401,6 triệu đồng (riêng ngành Triết học đã tăng từ 4,65 triệu đồng năm 2016 lên 14 triệu đồng năm 2019), có chính sách khen thưởng SV tích cực tham gia NCKH (cộng 0,2 điểm vào trung bình chung học tập của năm học với SV chủ trì đề tài...).

2. Tồn tại của tiêu chí 11.4

Quy chế về quản lý hoạt động khoa học được ban hành năm 2011 và năm 2018 chưa quy định cụ thể các loại hình hoạt động NCKH của SV. Kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV còn hạn chế, chưa đảm bảo đủ 3% nguồn thu học phí theo quy định tại Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ nên phần nào hạn chế đến số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của SV. Khoa chưa định kỳ đối sánh kết quả NCKH của SV ngành XHH với SV nhiều ngành khác trong Học viện và đối sánh với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong cả nước.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.4

Học viện cần có giải pháp hữu hiệu để khuyến khích, tạo sự đam mê NCKH trong SV như đổi mới chính sách khen thưởng, kết quả NCKH được thay thế một học phần nào đó trong CTĐT, tăng kinh phí chi để thực hiện đề tài nghiên cứu. Định kỳ tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp trong SV ở cấp Khoa và cấp Học viện. Kết

hợp hình thức thực hiện đề tài NCKH với các hoạt động dự án, dự án PVCD của SV. Cần nâng cao chất lượng hoạt động đối sánh chất lượng NCKH của SV ngành XHH với SV các ngành đào tạo khác của Học viện và với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước làm cơ sở để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV.

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.4

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 11.4 đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.5

Trung tâm KT&KĐCLĐT được thành lập vào năm 2012 có nhiệm vụ chủ trì thực hiện hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ và các đơn vị đào tạo phối hợp thực hiện (QĐ số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo (QĐ số 3901/QĐ-HVBC&TT ngày 31/8/2019). Theo đó, nội dung khảo sát bao gồm khảo sát về chất lượng giảng dạy HP, chất lượng CTĐT, tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo, khảo sát nhà SDLĐ về chất lượng đào tạo, khảo sát GV/NV về chất lượng đào tạo; Kết quả khảo sát được gửi trực tiếp đến các đơn vị làm căn cứ để cải tiến chất lượng; quy trình lấy ý kiến phản hồi được định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến ít nhất 02 năm/lần.

Hoạt động khảo sát được thực hiện tương đối bài bản và hệ thống từ năm 2018. Học viện thực hiện 05 loại khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của CTĐT. PP khảo sát tương đối đa dạng gồm khảo sát online qua phần mềm QLĐT, Google form, gửi phiếu khảo sát qua email, gửi phiếu khảo sát trực tiếp, gọi điện thoại. Kết quả mỗi đợt khảo sát đều được tổng hợp báo cáo lãnh đạo Học viện và gửi đến các đơn vị có liên quan để nghiên cứu xây dựng biện pháp cải tiến chất lượng. Ngoài việc khảo sát qua phiếu hỏi, Học viện còn thường niên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với SV để lắng nghe và giải quyết kịp thời những đề xuất của SV.

Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập và đối sánh sau mỗi đợt khảo sát như: mức độ hài lòng của SV năm cuối về PPGD trong các năm 2018, 2019, 2020 tương ứng là 68,7%, 79,7%, 80,8%; về CSVC là 67,1%, 77,8%, 80,4%; về hoạt động hỗ trợ đào tạo là 52,8%, 74,1%, 74,1%. Nhìn chung, mức độ hài lòng của các BLQ về các lĩnh vực

khảo sát là tương đối cao (như kết quả khảo sát 20 nhà SDLĐ năm 2018 và 16 nhà SDLĐ năm 2020) đối với kiến thức và kỹ năng của SV. Kết quả phỏng vấn nhà SDLĐ cho thấy, nhà SDLĐ hài lòng về phẩm chất chính trị, kiến thức chuyên môn và tinh thần ham học hỏi của SV (từ 92-100% hài lòng).

2. Tồn tại của tiêu chí 11.5

Hồ sơ minh chứng chưa thể hiện rõ việc Khoa đã phân tích đối sánh kỹ càng kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ để xây dựng các biện pháp cải tiến chất lượng (như mức độ hài lòng của cựu SV khoá 35 về PPGD, PP KTĐG, CSVC, hoạt động hỗ trợ đào tạo (đạt khoảng 3,6/5 điểm) đều thấp hơn so với cựu SV khoá 33 (trung bình 3,72/5 điểm) và khoá 34 (trung bình 4,0/5 điểm) nhưng chưa phân tích nguyên nhân).

Hàng năm chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ để có những đánh giá về chất lượng, hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và PP khảo sát. Học viện chưa có phần mềm hoàn chỉnh để xử lý kết quả, phân tích dữ liệu khảo sát sự hài lòng của các BLQ.

3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.5

Trung tâm KT&KĐCLGD cần cập nhật điều chỉnh bộ phiếu khảo sát để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong mỗi năm học. Nội dung khảo sát cần được chi tiết hơn trong phiếu khảo sát. Cần đổi mới để nâng cao hiệu quả của công tác khảo sát mức độ hài lòng của NSDLĐ về chất lượng SV sau tốt nghiệp (đa dạng hình thức khảo sát như ngoài các hình thức đã thực hiện cần tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo; khảo sát theo khoá SV tốt nghiệp để có thêm kết quả đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT...).

Học viện/Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả tác động của hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ đến việc nâng cao chất lượng SV tốt nghiệp (như đánh giá độ tin cậy của kết quả khảo sát, đánh giá hiệu quả của PP khảo sát, đánh giá tính hợp lý và khoa học của các phiếu khảo sát, đánh giá sự hợp lý của thời điểm tiến hành khảo sát trong năm, đánh giá mức độ cải tiến sau mỗi lần khảo sát...).

4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.5

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 11.5 đạt mức: 4/7.

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 11:

+ Điểm mạnh cơ bản

Học viện có Ban QLĐT chịu trách nhiệm giám sát KQHT của SV, thống kê cập nhật, số lượng SV bị cảnh báo học vụ, thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tốt nghiệp trước hạn và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành học. Tỷ lệ SV thôi học trung bình trong chu kỳ đánh giá là 16,2%, bình quân thời gian tốt nghiệp trung bình của 03 khoá là 4,14 năm. Trung bình tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn là 65,2%. Học viện có quy định và quy trình khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp; có tương đối đầy đủ số liệu khảo sát việc làm đối với SV tốt nghiệp các năm 2016 đến năm 2019; hằng năm đều có văn bản báo cáo Bộ GD&ĐT về tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp với các thông tin theo quy định. Tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt trung bình 93,2%; làm đúng ngành đào tạo là 50,2%. Tính bình quân 03 năm khảo sát cho 25,8% SV có việc làm với thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng/tháng. Học viện đã quan tâm đến hoạt động NCKH của SV bằng việc ban hành các văn bản quản lý hoạt động NCKH SV, ban hành chính sách chi kinh phí thực hiện đề tài và các chính sách khen thưởng khác. Học viện đã ban hành một số quy định, quy trình có liên quan đến công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ. Hằng năm đã thực hiện 05 loại khảo sát khác nhau về mức độ hài lòng của SV, GV, cán bộ NV, nhà SDLĐ và cựu người học. Kết quả khảo sát đã được phân tích và đối sánh giữa các lần khảo sát để xây dựng các giải pháp cải tiến chất lượng. Công cụ và phương thức khảo sát đã được cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Mức độ hài lòng của lần khảo sát sau nhìn chung cao hơn mức độ hài lòng của lần khảo sát trước đó.

+ Điểm tồn tại cơ bản

Học viện có giám sát, thống kê dữ liệu về tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá đào tạo nhưng việc phân tích đối sánh dữ liệu để xây dựng giải pháp cải tiến chất lượng còn hạn chế như số liệu đối sánh còn ít và thực hiện không thường niên, chưa khai thác hết giá trị của những số liệu thống kê do Ban QLĐT xác lập. Tỷ lệ SV thôi học tương đối cao. Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá tốt nghiệp những năm gần đây có xu hướng tăng và tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn có xu hướng giảm nhưng Khoa chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả.

Khoa XHH&PT chưa thực hiện định kỳ đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành XHH với SV các ngành khác của Học viện và chưa đối sánh với SV cùng ngành

của nhiều CSGD ĐH khác trong nước. Việc khảo sát sự hài lòng của NSDLĐ về chất lượng SV chưa được thực hiện thường xuyên và chất lượng khảo sát chưa cao thể hiện ở số lượng khảo sát còn ít...

Quy chế về quản lý hoạt động khoa học được ban hành năm 2011 và năm 2018 chưa có quy định cụ thể các loại hình hoạt động NCKH của SV. Kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV còn hạn chế, chưa đảm bảo đủ 3% nguồn thu học phí theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ nên phần nào hạn chế đến số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của SV.

Hàng năm, Học viện có thực hiện 05 loại khảo sát sự hài lòng của các BLQ về hoạt động phục vụ, đào tạo và NCKH nhưng chưa sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng. Hàng năm chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ để có những đánh giá về chất lượng, hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và PP khảo sát.

Học viện chưa có phần mềm hoàn chỉnh để xử lý kết quả, phân tích dữ liệu khảo sát sự hài lòng của các BLQ. Chưa có đánh giá về độ tin cậy của PP và công cụ khảo sát (nhất là phần lớn thực hiện khảo sát trực tuyến).

+ Kiến nghị

Học viện nên ban hành hướng dẫn chi tiết về thời điểm thống kê báo cáo, phương thức tính toán thống kê, sử dụng kết quả thống kê về tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT theo khoá học để cải tiến chất lượng. Nên phân tích mối quan hệ giữa chất lượng đầu vào với KQHT của SV để có định hướng rõ ràng hơn trong việc xác định các tiêu chí tuyển chọn người học cho ngành học. Cần cải tiến bộ câu hỏi khảo sát NSDLĐ và cựu SV về chất lượng người học sau tốt nghiệp để có được thông tin hữu ích hơn. Trong thời gian tới, Khoa cần lưu tâm đến các giải pháp để tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và tăng tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo, chú trọng công tác hướng nghiệp cho SV ngay từ năm thứ nhất. Ngoài việc trang bị kiến thức, cần chú ý tăng cường kỹ năng giao tiếp, kỹ năng viết và diễn đạt, kiến thức tiếng Anh chuyên ngành cho SV để các em thuận lợi hơn trong quá trình tìm kiếm việc làm.

Học viện/Khoa XHH&PT cần có giải pháp khuyến khích SV tham gia NCKH và khuyến khích GV tham gia hướng dẫn SV thực hiện các đề tài NCKH SV.

Nhà trường cần định kỳ tổng kết đánh giá tính hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương thức khảo sát sự hài lòng của các BLQ để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH trong GV cũng như trong SV của ngành học.

Học viện nên nghiên cứu và sớm ứng dụng phần mềm BDCL hoàn chỉnh để đáp ứng tốt yêu cầu của công tác quản lý, thực thi các hoạt động BDCL bên trong.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 11	<i>Tiêu chí 11.1</i>				4				4,00
	<i>Tiêu chí 11.2</i>				4				
	<i>Tiêu chí 11.3</i>				4				
	<i>Tiêu chí 11.4</i>				4				
	<i>Tiêu chí 11.5</i>				4				

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tên CTĐT trình độ đại học ngành: *Xã hội học*

của *Học viện Báo chí và Tuyên truyền*

(*Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT*)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								
Tiêu chí 1.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 1.2	5	4						
Tiêu chí 1.3	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								
Tiêu chí 2.1	5	4	5,00	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	5	3						
Tiêu chí 2.3	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								
Tiêu chí 3.1	5	4	4,67	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 3.2	4	4						
Tiêu chí 3.3	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								
Tiêu chí 4.1	5	3	5,00	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								
Tiêu chí 5.1	5	4	5,00	5	100	3,80	4	80
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	5	3						
Tiêu chí 5.4	5	4						
Tiêu chí 5.5	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								
Tiêu chí 6.1	5	4	5,00	7	100	3,86	6	85.71
Tiêu chí 6.2	5	4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 6.3	5	4						
Tiêu chí 6.4	5	3						
Tiêu chí 6.5	5	4						
Tiêu chí 6.6	5	4						
Tiêu chí 6.7	5	4						
Tiêu chuẩn 7								
Tiêu chí 7.1	5	4						
Tiêu chí 7.2	5	4	5,00	5	100	3,80	4	80
Tiêu chí 7.3	5	4						
Tiêu chí 7.4	5	4						
Tiêu chí 7.5	5	3						
Tiêu chuẩn 8								
Tiêu chí 8.1	5	4	5,00	5	100	4,20	5	100
Tiêu chí 8.2	5	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	5	4						
Tiêu chí 8.5	5	5						
Tiêu chuẩn 9								
Tiêu chí 9.1	5	5	5,00	5	100	4,20	5	100
Tiêu chí 9.2	5	4						
Tiêu chí 9.3	5	4						
Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	4						
Tiêu chuẩn 10								
Tiêu chí 10.1	5	4	4,80	6	100	4,00	5	83,33
Tiêu chí 10.2	4	4						
Tiêu chí 10.3	5	3						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	5	4						
Tiêu chí 10.6	5	4						
Tiêu chuẩn 11								
Tiêu chí 11.1	5	4	5,00	5	100	4,00	5	100

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	5	4						
Tiêu chí 11.4	5	4						
Tiêu chí 11.5	5	4						
Đánh giá chung CTĐT			4,98	50	100	3,94	44	88

PHẦN III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

A. KẾT LUẬN

CTĐT trình độ đại học ngành Xã hội học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã có những điểm mạnh đáng ghi nhận trong xây dựng và phát triển các CTĐT, trong việc thực hiện đa dạng các PPGD, KTĐG phù hợp với đặc thù từng môn học, đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học; năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ CB, GV và NV được quản lý và đánh giá; Chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng; các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, giám sát đã góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của người học; Hệ thống CSVC, Thư viện... đáp ứng yêu cầu ĐT; Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ được xây dựng và triển khai thực hiện; kết quả khảo sát được phân tích, xử lý và sử dụng để cải tiến chất lượng CTĐT; Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành cao. NTD đánh giá cao về khả năng đáp ứng nhu cầu công việc của SV Nhà trường tốt nghiệp.

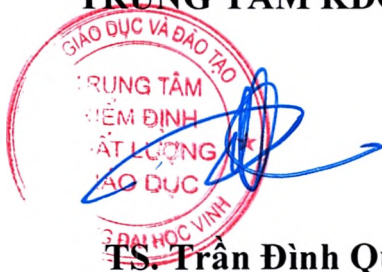
Kết quả ĐGN cho thấy, CTĐT trình độ đại học ngành Xã hội học của Học viện đã có 44 tiêu chí được đánh giá ở mức điểm 4 trở lên trên tổng số 50 tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT tại Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016, đạt tỷ lệ 88%; không có tiêu chuẩn nào có tỷ lệ tiêu chí đạt < 50%.

B. KIẾN NGHỊ

CTĐT trình độ đại học ngành Xã hội học vẫn còn những tồn tại cần khắc phục, cải tiến. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo ĐGN để sớm xây dựng kế hoạch và thực hiện ngay những giải pháp cải tiến cụ thể, khả thi và phù hợp với thực tế

Báo cáo này được sử dụng để thực hiện các bước tiếp theo của quy trình KĐCLGD và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cho CTĐT trình độ đại học ngành Xã hội học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KĐCLGD**



TS. Trần Đình Quang

TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

A blue ink signature in cursive script.

PGS.TS. Bùi Duy Cam

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục A. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa XHH&PT

Phụ lục B. Tóm tắt kết quả tự đánh giá của CTĐT ngành XHH

Phụ lục C. Quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài

Phụ lục D. Lịch trình đánh giá ngoài

Phụ lục Đ. Công văn phản hồi của CSGD được đánh giá về báo cáo đánh giá ngoài

PHỤ LỤC A.

KHÁI QUÁT VỀ CƠ SỞ THỰC HIỆN CTĐT

1. Thông tin chung

1.1. Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) được thành lập ngày 16/01/1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học.

Trong Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035 và tầm nhìn 2050, Học viện xác định sứ mạng của mình là *“nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.”*

Tầm nhìn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2050: *“Trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới. Học viện phấn đấu trở thành:*

Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông

Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.

Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050”.

Các giá trị cốt lõi mà Học viện Báo chí và Tuyên truyền cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Công hiến.*

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng ủy – Hội đồng Trường - Ban Giám đốc – Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 29 đơn vị trực thuộc gồm: 16 khoa đào tạo, 06 ban, 01 Văn phòng, 02 phòng, 03 trung tâm, 01 viện, 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Tính đến tháng 12/2020, Học viện có tổng số 396 cán bộ giảng viên, nhân viên, trong đó có 33 Phó Giáo sư, 95 Tiến sĩ, 212 Thạc sĩ, 39 cử nhân, 17 trình độ khác.

1.2. Khoa XHH&PT

Khoa XHH&PT của HVBC&TT được thành lập theo Quyết định số 475 /QĐ-TC của Phân viện Báo chí và Tuyên truyền ngày 20/08/1994 (khi đó có tên là Khoa Xã hội học). Khoa được thành lập trên cơ sở tổ bộ môn XHH thuộc Khoa Kiến thức Bỏ trợ vào đầu những năm 1980 thuộc Trường Tuyên huấn trung ương. Đến ngày 18/02/1992 tổ bộ môn XHH được tách ra khỏi khoa Kiến thức bỏ trợ và trực thuộc Ban Giám hiệu trường Đại học Tuyên giáo theo quyết định 53 QĐ/TC. Đây là quyết định quan trọng để tổ Bộ môn XHH chuẩn bị cho xây dựng chương trình, hoàn thiện đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn đào tạo cử nhân ngành Xã hội học.

Từ năm học 2012-2013 Khoa đào tạo thêm chương trình cử nhân ngành Công tác xã hội và năm 2013-2014 bắt đầu khóa đào tạo thạc sĩ ngành XHH.

Cuối năm 2018 căn cứ vào Quyết định 145-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã ra Quyết định số 6591-QĐ/HVCTQG về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của HVBC&TT nên Khoa XHH được đổi tên là Khoa XHH&PT.

Khoa có 13 người trong đó 3 PGS, 4 TS, 4 ThS, 1 CN.

Khoa đã đào tạo được 26 khóa với hơn 900 SV đã ra trường Hiện nay, số lượng SV đang theo học các chuyên ngành của Khoa lên khoảng 400 SV hệ chính quy, 30 SV và học viên Lào.

2. Một số dữ liệu cơ bản của khoa Xã hội học và Phát triển (tính đến 30/8/2021)

2.1. GV:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 12

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 12/13

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 58%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 91,6%

2.2. SV:

a. Tổng số SV chính quy (người)

Tổng số người học chính quy: 310 người

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 12,3

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 48,7%

b. Đánh giá của SV tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: 79,4%

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết

cho công việc theo ngành tốt nghiệp: 3,9%.

c. SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: 30%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo: 70%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 7-10 triệu đồng.

d. Đánh giá của NSDLĐ về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay: 67%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm: 33%

3. NCKH, chuyển giao công nghệ và PVCD:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,13

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,16

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6,58

4. Cơ sở vật chất

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,05

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,55

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 13,58

5. Đảm bảo chất lượng giáo dục

Đã thực hiện công tác đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo từ năm 2018.

PHỤ LỤC B

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH XÃ HỘI HỌC
CỦA HỌC VIỆN BẢO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

Tên CTĐT: Xã hội học

Mã CTĐT: 7310301

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	1	2	3	4	5	6	7	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1										
Tiêu chí 1.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			4,80	3	100
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			5,00	7	100

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 6.2					5			5,00	5	100
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5			5,00	6	100
Tiêu chí 10.2					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	1	2	3	4	5	6	7	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 10.3					5			5,00	5	100
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,98	50	100

PHỤ LỤC C
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH XÃ HỘI HỌC,
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 129/QĐ-KĐCLV

Nghệ An, ngày 16 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo
của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
- TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-KĐCLĐHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đánh giá và Công nhận chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo Cử nhân Xã hội học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (*Danh sách kèm theo*).

Điều 2. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài có trách nhiệm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được nêu trong “*Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo*” ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-KĐCLĐHV

ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh và hưởng các quyền lợi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

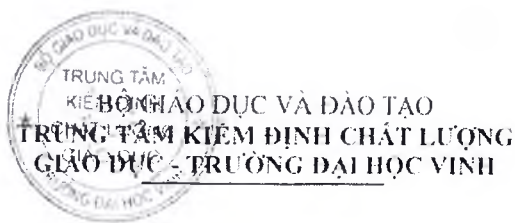
Điều 3. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phòng chức năng, các ông, bà có tên tại Điều 1, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *M*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục QLCL-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh (để b/c);
- Lưu: HC-DV, ĐGCN.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN XÃ HỘI HỌC
CỦA HỌC VIỆN BAO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

(Kèm theo Quyết định số: 49/QĐ-KDCLV ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Số thẻ/Chứng chỉ kiểm định viên	Chức vụ trong Đoàn
I	Chuyên gia		
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam	2017.01.244	Trưởng đoàn
2	PGS.TS. Mai Văn Chung	2017.01.246	Thư ký
3	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	2014.02.067	Thành viên thường trực
4	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	2016.01.201	Thành viên
5	PGS.TS. Nguyễn Thái An	2016.01.137	Thành viên
6	TS. Phan Văn Hiếu	2014.02.071	Thành viên
7	TS. Lê Huy Tùng	2014.1.052	Thành viên
II	Giám sát		
8	ThS. Nguyễn Thị Minh	KDV-VNU0701	Giám sát viên

Ấn định danh sách gồm 08 người. *M*

PHỤ LỤC D
LỊCH TRÌNH ĐÁNH GIÁ NGOÀI CTĐT NGÀNH XÃ HỘI HỌC
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
(cùng với 03 CTĐT ngành Triết học, Quan hệ quốc tế và Quan hệ công chúng)

I. Mục đích đánh giá ngoài

1. Xác nhận tính xác thực và khách quan của bản báo cáo tự đánh giá 04 chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Xã hội học (CTĐT) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đăng ký kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

2. Tư vấn, khuyến nghị các biện pháp bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT.

II. Phạm vi đánh giá

Đánh giá toàn bộ hoạt động của CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

III. Đoàn đánh giá ngoài

Đoàn ĐGN CTĐT trình độ đại học ngành Xã hội học được thành lập theo Quyết định số 199/QĐ-KĐCLV ngày 16/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường đại học Vinh (có Quyết định và danh sách-Phụ lục C).

IV. Hoạt động của đoàn đánh giá ngoài

1. Bảng phân công nghiên cứu sâu các tiêu chí

TT	Họ và tên	Trách nhiệm trong đoàn	Các tiêu chí được phân công nghiên cứu sâu
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam	Trưởng đoàn	TC 11 của 04 CTĐT+ TC 6.7: 24 tiêu chí
2	PGS.TS. Mai Văn Chung	Thư ký	TC10 của 04 CTĐT: 24 tiêu chí
3	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên thường trực	TC6 (trừ 6.7) của 04 CTĐT: 24 tiêu chí
4	PGS.TS. Nguyễn Thái An	Thành viên	Tiêu chuẩn 8 của 04 CTĐT: 20 tiêu chí
5	TS. Phan Văn Hiếu	Thành viên	Tiêu chuẩn 9 của 04 CTĐT: 20 tiêu chí
6	TS. Lê Huy Tùng	Thành viên	Tiêu chuẩn 7 của 04 CTĐT: 20 tiêu chí
7	TS. Nguyễn Văn Trung	Thành viên	Từ TC1 đến TC5/ Triết học: 17 tiêu chí
8	TS. Đào Hải	Thành viên	Từ TC1 đến TC5 / QHCC: 17 tiêu chí
9	TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Thành viên	Từ TC1 đến TC5 / QHQT: 17 tiêu chí
10	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	Thành viên	Từ TC1 đến TC5 / XHH: 17 tiêu chí

2. Công tác chuẩn bị cho hoạt động của đoàn đánh giá ngoài

TT	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian
1	Chuẩn bị và gửi Hồ sơ tự đánh giá các CTĐT cho đoàn ĐGN.	Trung tâm KĐCLGD - ĐHV	Ngay sau khi có Quyết định thành lập đoàn ĐGN
2	Phân công cho các thành viên trong đoàn nghiên cứu sâu các tiêu chí.	Trưởng đoàn ĐGN	Tuần 1
3	Nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá; nghiên cứu sâu các tiêu chí được phân công; viết bản nhận xét báo cáo tự đánh giá; gửi báo cáo cho thư ký và trưởng đoàn để tổng hợp.	Các thành viên của đoàn ĐGN	Tuần 1, 2
4	Tổng hợp các bản nhận xét báo cáo tự đánh giá của các thành viên trong đoàn thành Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và gửi bản mềm cho các thành viên khác để nghiên cứu trước khi họp đoàn.	Thư ký	Tuần 2

3. Nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá và họp Đoàn

a. Nghiên cứu hồ sơ

Thời gian: Từ ngày 17 - 25/7/2021

Địa điểm: Các thành viên trong đoàn tự bố trí

b. Họp đoàn

Thời gian: 1 buổi ngày 26/7/2021

Địa điểm: Họp trực tuyến (online)

Lịch làm việc:

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8:00 - 10:00	Họp đoàn thảo luận, trao đổi về nhận xét báo cáo nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá của các thành viên trong đoàn. Thống nhất báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá chung của Đoàn.	Cả đoàn
10:00 - 10:30	Thảo luận, thống nhất về nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên.	Trưởng đoàn, Cả đoàn
10:30 - 11:45	Thảo luận, thống nhất kế hoạch khảo sát sơ bộ và dự thảo kế hoạch khảo sát chính thức.	Cả đoàn
11:45 - 12:00	Gửi báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá, kế hoạch khảo sát sơ bộ và dự thảo kế hoạch khảo sát chính thức cho Trung tâm KĐCLGD-ĐHV.	Trưởng đoàn

4. Khảo sát sơ bộ tại cơ sở giáo dục

Thời gian làm việc: 1 ngày (Thứ Sáu, ngày 01 tháng 10 năm 2021)

Địa điểm: Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Số 36 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Lịch làm việc:

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8:00 - 8:30	Đoàn làm việc với lãnh đạo Học viện và thống nhất kế hoạch khảo sát.	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng đoàn, thư ký, thành viên thường trực Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện lãnh đạo Học viện.
8:30 - 9:30	Đoàn quan sát sơ bộ thực tế khuôn viên, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, học tập, sinh hoạt của cán bộ, giảng viên, sinh viên của trường.	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng Đoàn, Thư ký, thành viên thường trực Đoàn chuyên gia ĐGN; - Cán bộ hỗ trợ của Học viện.
9:00 - 12:00	Đoàn kiểm tra sơ bộ các tài liệu, hồ sơ minh chứng	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng Đoàn, Thư ký, thành viên thường trực Đoàn chuyên gia ĐGN; - Hội đồng tự đánh giá;
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>	
13:30 - 15:30	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Học viện và Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá để thông báo và trao đổi về kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá CTĐT.	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng đoàn, thư ký, thành viên thường trực Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện Lãnh đạo Học viện, Lãnh đạo các khoa có CTĐT được đánh giá; - Hội đồng tự đánh giá 04 CTĐT.
15:30 - 17:00	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Học viện, Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá và thống nhất những vấn đề cơ sở giáo dục cần chuẩn bị: - Tài liệu, minh chứng cần bổ sung; - Số lượng, thành phần các đối tượng phỏng vấn; - Đối tượng cần quan sát, kiểm tra; - Công tác hậu cần cho Đoàn.	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng đoàn, thư ký, thành viên thường trực của Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện Lãnh đạo Học viện, Lãnh đạo các khoa có CTĐT được đánh giá; Hội đồng tự đánh giá CTĐT của cơ sở giáo dục.
17:00 - 17:30	Ký Biên bản khảo sát sơ bộ.	Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; Trưởng đoàn, Lãnh đạo Học viện.

5. Khảo sát chính thức tại cơ sở giáo dục

Thời gian: 4,5 ngày (Từ ngày 14 tháng 10 đến ngày 19 tháng 10 năm 2021)

Địa điểm: Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Số 36 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Lịch trình chi tiết:

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc			
		CTĐT Triết học	CTĐT QH công chúng	CTĐT QH quốc tế	CTĐT Xã hội học
Ngày làm việc thứ nhất (Thứ Sáu, ngày 15 tháng 10 năm 2021)					
8:00 - 10:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
10:00 - 12:00	Khai mạc Đánh giá ngoài (Có chương trình chi tiết kèm theo)	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD - ĐH Vinh; - BGD Học viện; - Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá; - Hội đồng Tự đánh giá; - Cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá (do Nhà trường điều động). <p style="text-align: right;">(Hội trường)</p>			
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa				
13:30 - 17:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)			
17:00 - 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; Cán bộ, giảng viên, sinh viên gặp gỡ Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
Ngày làm việc thứ hai (Thứ Bảy, ngày 16 tháng 10 năm 2021)					
8:00 - 9:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
9:00 - 10:00	Phỏng vấn nhóm Phụ trách chuyên môn (Trưởng/ phó Khoa, trưởng/phó phụ trách	Phòng PV 1	Phòng PV 2	Phòng PV 3	Phòng PV 4

	chuyên môn của CTĐT được đánh giá)				
	Phòng vấn nhóm Cán bộ hỗ trợ và cán bộ Đoàn thể	Phòng PV 5			
10:00 - 10:15	Đoàn hội ý sau phòng vấn	Phòng hội ý			
10:15 - 11:15	Phòng vấn nhóm Giảng viên	Phòng PV 1	Phòng PV 2	Phòng PV 3	Phòng PV 4
	Phòng vấn nhóm Nhà sử dụng lao động	Phòng PV 5			
11:15 - 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa				
13:30 - 14:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
14:00 - 15:00	Phòng vấn nhóm sinh viên	Phòng PV 1	Phòng PV 2	Phòng PV 3	Phòng PV 4
15:00 - 15:15	Đoàn hội ý sau phòng vấn	Phòng hội ý			
15:15 - 16:15	Phòng vấn nhóm cựu sinh viên	Phòng PV 1	Phòng PV 2	Phòng PV 3	Phòng PV 4
16:15 - 17:30	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
17:30 - 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; Cán bộ, giảng viên, sinh viên gặp gỡ Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
Ngày làm việc thứ ba (Chủ nhật, ngày 17 tháng 10 năm 2021)					
8:00 - 9:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
9:00 - 10:30	Quan sát thực tế phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và phòng tư liệu các Khoa.	Nhóm 1 (Địa điểm quan sát)			
	Quan sát thực tế Thư viện; văn phòng bộ	Nhóm 2 (Địa điểm quan sát)			

	môn; văn phòng làm việc các phòng, ban chức năng liên quan.	
	Quan sát thực tế Trạm y tế, ký túc xá, khu thể thao, câu lạc bộ sinh viên và cơ sở vật chất khác.	Nhóm 3 (Địa điểm quan sát)
10:30 - 12:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)
12:00-13:30	<i>Nghỉ trưa</i>	
13:30 - 17:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)
17:00 - 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; Cán bộ, giảng viên, sinh viên gặp gỡ Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)
Ngày làm việc thứ tư (Thứ Hai, ngày 18 tháng 10 năm 2021)		
8:00 - 10:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)
	Các thành viên trong đoàn/nhóm phụ trách trình bày báo cáo kết quả đánh giá theo công việc được phân	

	công	
	Thảo luận về những điểm cần làm rõ trong kết quả đánh giá của các thành viên	
	Thảo luận những điểm cần trao đổi và làm rõ với lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá	
10:00 - 12:00	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Trường và Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn chuyên gia ĐGN; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá; - Hội đồng tự đánh giá. <p style="text-align: right;"><i>(Phòng họp)</i></p>
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>	
13:30 - 15:30	Các thành viên hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá theo phụ lục 14 và gửi cho thư ký Đoàn.	
15:30 - 17:00	Các thành viên chuẩn bị slide báo cáo sơ bộ kết quả đánh giá các tiêu chuẩn được phân công; Trưởng đoàn tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ; Thư ký tổng hợp Dự thảo Biên bản kết thúc đợt khảo sát chính thức.	<p>Đoàn ĐGN</p> <p><i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i></p>
17:00 - 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn <i>(nếu có nhu cầu)</i>	
<i>Ngày làm việc thứ năm (thứ Ba, ngày 19 tháng 10 năm 2021)</i>		
8:00 - 9:00	Đoàn làm việc nội bộ	<p>Đoàn ĐGN</p> <p><i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i></p>
9:00 - 11:30	Bế mạc đợt khảo sát chính thức <i>(có chương trình chi tiết kèm theo)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài; - Đại diện lãnh đạo TT KĐCLGD-ĐHV; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;
11:30 - 12:00	Ký biên bản hoàn	

	thành đợt khảo sát chính thức giữa Đoàn ĐGN, Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng Tự đánh giá; - Đại diện các đơn vị trong Trường; - Đại diện cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá. <p style="text-align: right;"><i>(Hội trường)</i></p>
--	---	---

6. Viết báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo

Lịch thực hiện viết báo cáo ĐGN

TT	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian
1	Dự thảo báo cáo ĐGN.	Trưởng đoàn, thư ký	20 - 25/10/2021
2	Gửi dự thảo báo cáo ĐGN (<i>Dự thảo 1</i>) cho các thành viên trong đoàn.	Trưởng đoàn, thư ký	26 - 28/10/2021
3	Góp ý cho dự thảo báo cáo ĐGN (<i>Dự thảo 1</i>)	Cả đoàn	29/8 - 03/11/2021
4	Sửa chữa và gửi dự thảo báo cáo ĐGN (<i>Dự thảo 2</i>) cho các thành viên trong đoàn.	Trưởng đoàn, thư ký	04 - 07/11/2021
5	Góp ý cho dự thảo báo cáo ĐGN (<i>Dự thảo 2</i>).	Cả đoàn	8/9 - 12/11/2021
6	Họp đoàn để thống nhất ý kiến về dự thảo báo cáo ĐGN (<i>nếu sau 2 lần vẫn chưa có đủ 2/3 số thành viên trong đoàn thống nhất ý kiến</i>).	Cả đoàn	13/11/2021
7	Gửi Dự thảo báo cáo ĐGN cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền (<i>thông qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV</i>).	Trưởng đoàn, thư ký	14 - 19/11/2021
8	Phản hồi ý kiến của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về dự thảo báo cáo ĐGN CTĐT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	20 - 30/11/2021
9	Hoàn chỉnh báo cáo và gửi báo cáo ĐGN CTĐT (<i>bản cuối</i>) cho cơ sở giáo dục (<i>thông qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV</i>).	Trưởng đoàn, thư ký	15 ngày sau khi nhận được ý kiến từ cơ sở giáo dục

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
(Đã ký)

TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI
(Đã ký)

PHỤ LỤC Đ
PHẢN HỒI CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI CTĐT NGÀNH XÃ HỘI HỌC

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

DẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 54/81 -CV/HVBCTT
V/v đồng ý Dự thảo Báo cáo
đánh giá ngoài chương trình đào tạo

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh

Ngày 04/11/2021, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã nhận được Công văn số 221/KDCLV ngày 04/11/2021 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (sau đây gọi là Trung tâm) về việc thông báo lấy ý kiến cơ sở giáo dục về Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài các chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Triết học, Quan hệ công chúng, Quan hệ quốc tế, Xã hội học. Nhà trường phản hồi như sau:

➤ Từ ngày 15/10/2021 đến ngày 19/10/2021, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài của Trung tâm đã tổ chức khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài chất lượng giáo dục các chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đoàn chuyên gia đã triển khai các hoạt động đánh giá ngoài đúng quy trình, đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa vào các minh chứng cụ thể của Nhà trường.

➤ Học viện Báo chí và Tuyên truyền đồng ý với nội dung trong Dự thảo Báo cáo Đánh giá ngoài của Trung tâm và không có kiến nghị gì thêm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, BGD,
- TKT&KDCLDT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

